

CÔNG BỐ THÔNG TIN

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch Chứng khoán Tp. Hồ Chí Minh;
- Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam -
Chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh.

Tên công ty: Tổng công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí

Trụ sở chính: Tầng 2, Tòa nhà PVFCCo, Số 43 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đa
Kao, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh.

Điện thoại: (84.28) 39111301 Fax: (84.28) 39111300

Người thực hiện công bố thông tin: Ông Nguyễn Duyên Hiếu

Địa chỉ: Tầng 2, Tòa nhà PVFCCo, Số 43 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đa Kao,
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh.

Điện thoại: (84.28) 39111301 Fax: (84.28) 39111300

Loại thông tin công bố:

Bất thường Định kỳ

Thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Khoản 2 Điều 10 Thông
tư 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020, Tổng công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí
(PVTrans) xin gửi đến Quý cơ quan “Báo cáo thường niên năm 2021” và đăng tải trên
website của PV Trans tại địa chỉ: <https://pvtrans.com> để quý cổ đông được biết.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn
toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố./.

Nơi gửi: 

- Như trên;
- HĐQT, BKS TCT (để báo cáo);
- Lưu VT, KHĐT.

Tp. HCM, ngày 13 tháng 09 năm 2022

TỔNG GIÁM ĐỐC



Nguyễn Duyên Hiếu

PVTRANS LINH HOẠT 5K VỮNG VÀNG VƯỢT SÓNG



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

2021

MỤC LỤC

DIỄN NHÃN NĂM 2021
THÔNG điệp của CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

GIỚI THIỆU VỀ PVTRANS

Thông tin loại quốc	8
Các cột mốc lịch sử	10
Nghành nghề, lĩnh vực kinh doanh	12
Mô hình quản trị, cơ cấu tổ chức	13
Công ty con và công ty liên kết	15
Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc	16

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2021

Tổng quan ngành vận tải biển	19
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	22

TÌNH HÌNH QUẢN TRỊ NĂM 2021

Báo cáo HĐQT và BKS năm 2021	34
Cơ cấu vốn cổ phần và cổ đông tại 12/31/2021	34
Hoạt động quản hệ cổ đông năm 2021	35
Báo cáo của HĐQT năm 2021	36
Báo cáo của Ban Kiểm soát năm 2021	44
Báo cáo Quản trị rủi ro năm 2021	47

BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG NĂM 2021

Báo cáo về Công tác an toàn, sức khỏe, môi trường	54
Báo cáo về Hoạt động trách nhiệm xã hội	58

BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2021

Báo cáo Tài chính Hợp nhất	65
Báo cáo Tài chính Công ty mẹ	120

7.716 TỶ VNĐ

1.040 TỶ VNĐ

10 Triệu tấn

TỔNG DOANH THU

LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ

KHỐI LƯỢNG VẬN CHUYỂN

Để ứng phó với đại dịch, trên cạnh luôn chủ thông điệp 5K của Bộ Y tế, PVTTrans cũng đã tạo lập cho mình một lá chắn và mực tiêu 5K, qua đó giúp PVTTrans vượt qua những cơn sóng lớn và cập bến an toàn trong một năm đầy biến động.

KHAI THÁC HIỆU QUẢ, HOÀN THÀNH VƯỢT MỨC TẤT CẢ CÁC CHỈ TIÊU VỀ SẢN LƯỢNG, DOANH THU, LỢI NHUẬN, NỖ NŠNN DO ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG GIAO

Trong bối cảnh suy giảm đáng kể sản lượng do ảnh hưởng của Đại dịch Covid-19, PVTTrans vẫn hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu về doanh thu, lợi nhuận, nộp ngân sách Nhà nước năm 2021 và về doanh số trước hơn 2 tháng. Nhờ đó, góp nhiều vào uy tín và thị trường riêng PVTTrans vẫn tiếp tục tăng cường hợp tác, đặc biệt là thị trường xuất khẩu Bình Covid 19 với các địa phương và khách hàng như BSR, PVCP, PVDK, JVY

KIỆN TOÀN BAN CHỈ ĐẠO PHÒNG CHỐNG DỊCH, ĐỀ RA CÁC GIẢI PHÁP ỨNG PHÓ LINH HOẠT PHÙ HỢP VỚI TÌNH HÌNH DỊCH BỆNH

Ban chỉ đạo của PVTTrans đã chủ động xử lý đồng bộ các gói giải quyết, phòng dịch và chỉ thị phòng chống dịch, từ lễ kiêm phủ vaccine cao, giải thoát đồng hành của PVTTrans diễn ra liên tục an toàn.

KIP THỜI NẮM BẮT THI TRƯỜNG, THỰC HIỆN ĐẦU TƯ THÀNH CÔNG, NẮNG CAO NĂNG LỰC ĐỘI TÀU

PVTTrans luôn đứng cơ hội đầu tư thành công ở đầu trong năm 2021, mở rộng đội tàu lên 36 chiếc và tăng trọng tải lên 105 nghìn DWT. Đặc biệt trong năm này, PVTTrans lần đầu tiên đi đầu từ và đưa vào hoạt động loại tàu chở khí lạnh lớn nhất thế giới VLGC NY Aquamarine và hợp tác với Tập đoàn Incheon (Nhật Bản) để thực hiện thành công đầu tư lắp đặt hệ thống máy lạnh siêu hiệu quả cao.

KHÔNG NGỪNG NÂNG CAO VỊ THẾ VÀ UY TÍN TRÊN THỊ TRƯỜNG

Với kết quả kinh doanh tốt và năng lực tài chính lành mạnh, vị thế và uy tín của PVTTrans trong ngành dầu khí và vận tải biển được củng cố trong năm 2021 với nhiều giải thưởng như Đông chủ Trạng Nguyên 10 công ty uy tín ngành Logistics, Top 500 Doanh nghiệp Lớn nhất Việt Nam, Top 500 doanh nghiệp có giá trị bền vững nhất Việt Nam, Doanh nghiệp xuất sắc năm 2021 của ASEP

KHANG ĐỊNH TRÁCH NHIỆM XÃ HỘI VÀ CÔNG ĐỒNG VÀ NGƯỜI LAO ĐỘNG

Trong năm 2021, PVTTrans đã đồng hành cùng cộng đồng xã hội và hỗ trợ các bộ phận công nhân từ trước đến nay, bao gồm hỗ trợ công nhân vượt xa phòng Covid-19, ủng hộ hỗ trợ khẩn cấp cứu trợ nhân dân bị lũ lụt, ủng hộ giải cứu người tị nạn, góp phần khôi phục tình hình kinh tế địa phương, hỗ trợ tái thiết và cứu trợ nạn nhân thiên tai, góp phần vào công tác xã hội nhân đạo. Đặc biệt, công ty đã tích cực ủng hộ các hoạt động xã hội nhân đạo, đặc biệt là hoạt động cứu trợ người tị nạn, góp phần vào công tác xã hội nhân đạo.

ĐIỂM NHẤN NĂM 2021



THÔNGIỆP CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ TỔNG CÔNG TY

"Hội đồng Quản trị Tổng công ty tin tưởng PVTrons và những thành công mà PVTrons đã đạt được trong năm 2021, vượt qua thách thức từ ảnh hưởng của dịch bệnh COVID-19 và đạt được những thành tựu ghi dấu ấn 20 năm thành lập và phát triển của Tổng công ty."

Kính gửi: Quý cổ đông

Chúng ta đã cùng nhau trải qua năm 2021 đầy biến động với sự xuất hiện và bùng phát của biến chứng Delta - virus SARS-CoV-2 trên toàn cầu và tại Việt Nam. Việc áp dụng các biện pháp giãn cách để phòng ngừa dịch bệnh đã gây ra đứt gãy các chuỗi cung ứng toàn cầu và hệ quả kéo dài cho nền kinh tế thế giới, hoạt động sản xuất kinh doanh bị đình trệ và nguồn vốn tài biến động nhiều lúc đóng băng. Mặc dù các nền kinh tế đã có những khởi sắc nhất định khi việc tiêm chủng vaccine được phổ cập trên diện rộng nhưng các động lực tăng trưởng vẫn phải đối mặt với rất nhiều áp lực như lạm phát gia tăng, tình trạng đứt gãy chuỗi cung ứng kéo dài và thiếu hụt nguồn lao động. Đại diện với nhiều cổ đông trên thị trường, năm 2021 quả thực là một năm đầy thách thức đối với PVTrons.

Tuy nhiên trong khi kinh tế toàn cầu vẫn chưa phục hồi, PVTrons một lần nữa được phát huy và kiến chứng. Ủy ban Điều hành và Ban Ban công nhân viên - chuyên viên PVTrons, với sự đồng hành của Hội đồng Quản trị đã nỗ lực tích cực, chủ động và linh hoạt đưa ra nhiều giải pháp phù hợp, giúp PVTrons vượt qua những cơn sóng lớn và tiếp tục an toàn trong một năm đầy biến động.

Nhiều nỗ lực và công sức của đội ngũ nhân viên PVTrons đã giúp chúng ta vượt qua những thách thức và đạt ra các quyết định đúng đắn, kịp thời và hiệu quả theo tinh thần đơn giản để đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh liên tục, tiết giảm chi phí và tuân thủ các quy định phòng chống dịch của Chính phủ và UBND thành phố Hồ Chí Minh. Với sự hỗ trợ từ các đối tác và cộng đồng PVTrons không có các ca bệnh nghiêm trọng và hoạt động chung của Tổng công ty không chịu nhiều ảnh hưởng từ đại dịch. Các kế hoạch khai thác, đầu tư được xây dựng trên cơ sở tính hoạt và bám sát thị trường, mang lại hiệu quả cao và giúp PVTrons về đích sớm bước 2 đường và doanh thu hợp nhất đạt

1,716 tỷ đồng và lợi nhuận trước thuế đạt 1,040 tỷ đồng. Đặc biệt khi đối diện với nhiều khó khăn, PVTrons đã biến thách thức thành cơ hội, kịp thời nhận xét thị trường, thực hiện đầu tư thành công. Đó sau trong năm 2021, số dư quỹ phân tích hòa và năng lực cao năng lực đội ngũ, tạo thêm động lực tăng trưởng bền vững cho PVTrons và các đơn vị thành viên.

Hoạt động quản trị của PVTrons năm 2021

Năm 2021 cũng ghi nhận những chuyển biến tích cực với hàng loạt những cải tiến quan trọng của quản lý những công việc bổ nhiệm các nhân sự mới vào Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc cũng như xây dựng và ban hành các quy chế liên quan đến công tác quản lý vốn công tác liên quan đến tài chính và danh giá hoàn thành nhiệm vụ. Ban Công tác trong năm nay, PVTrons cũng đẩy mạnh hoạt động xây dựng văn hóa doanh nghiệp trên cơ sở phù hợp với đặc thù của Tổng công ty và năm trong hệ giá trị văn hóa doanh nghiệp của Pervietnam theo phương châm hành động "Đoàn kết

- Kỷ cương - Sáng tạo - Hiệu quả" đồng thời nghiên cứu thực hiện công tác chuyển đổi số để đơn đốc những thay đổi của thị trường trong xu thế cách mạng công nghiệp 4.0.

Năm 2022 đặc biệt sẽ là một cột mốc rất đáng nhớ của

PVTrons khi Tổng công ty kỷ niệm 20 năm thành lập. Chúng ta đang phải vượt qua nhiều thử thách trong bối cảnh bức tranh kinh tế vẫn chưa thực sự rõ ràng với những diễn biến bất ổn của thị trường và ảnh hưởng của dịch bệnh COVID-19 vẫn còn đang hoành hành. Mặc dù vậy, với sự chỉ đạo và hỗ trợ của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam cùng như sự đồng hành hợp tác của Quý cổ đông, Quý khách hàng, Quý đối tác và các đơn vị trong và ngoài ngành, cùng với năng lực nội tại vững mạnh, bản lĩnh, tinh thần trách nhiệm, sự nỗ lực và tinh thần đoàn kết của tập thể ban lãnh đạo và cán bộ nhân viên, chuyên viên Tổng công ty, Tài chính toàn tin tưởng PVTrons sẽ hoàn thành tốt các kế hoạch và mục tiêu đề ra, đồng thời đạt được những thành tựu mới trên cột mốc kỷ niệm 20 năm ngày nay của PVTrons.

Đôi với tầm nhìn dài hạn, PVTrons đặt mục tiêu tiếp tục duy trì vị thế Tổng công ty vốn tài và dịch vụ hàng hải đầu tư dài hạn và lâu dài nhất Việt Nam trên cơ sở vững chắc, phát triển trở thành thương hiệu vốn tài mạnh, uy tín, mở rộng hoạt động khai thác các tuyến quốc tế và từng bước tham gia chuỗi vận chuyển năng lượng toàn cầu, trong đó tập trung vào lĩnh vực kinh doanh các thị trường vận tải, vận tải hàng hải (Charter), dịch vụ hàng hải đầu tư và logistics. Chúng tôi cam kết sẽ tiếp tục bảo đảm lợi ích tối đa và gia tăng giá trị cho Quý cổ đông công như đối tượng hợp tác công nhân viên và Quý đối tác và khách hàng.

Trọng tâm nội dung Quản trị PVTrons, Tôi trân trọng cảm ơn Quý cổ đông, Quý đối tác, Quý khách hàng, Ban điều hành và toàn thể cán bộ công nhân viên, chuyên viên Tổng công ty vì sự tin tưởng, ủng hộ, hợp tác, nỗ lực và cống hiến hết mình trong suốt quá trình hình thành và phát triển của Tổng công ty PVTrons. Mong muốn tiếp tục nhận được sự tin tưởng và đồng hành của Quý vị trong thời gian tới để có thêm những thành tựu đáng kể, hoàn thành các nhiệm vụ năm 2022 và chinh phục những cột mốc mới trong tương lai.

Kính chúc PVTrons ngày càng phát triển vững mạnh, luôn **vững vàng tay lái, vượt sóng vươn khơi**



PHAN VIỆT ANH
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

CHƯƠNG I - GIỚI THIỆU VỀ PVTRANS

THÔNG TIN KHAI QUÁT

Tên giao dịch: Tổng công ty Cổ phần Vận tải Dầu Khí
Giấy CNĐKDN số: 0302743192
Vốn điều lệ: 3.236.512.460.000 đồng
Vốn chủ sở hữu: 6.954.381.519.243 đồng
Địa chỉ: 43 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đa Kao, Quận 1,
Tp. Hồ Chí Minh
Điện thoại: 028.9111301
Fax: 028.39111500
Website: www.pvtrans.com
Mã cổ phiếu: PVT

TÂM NHIN

Giữ vững vị trí là công ty vận tải và dịch vụ hàng hải dầu khí đa sở hữu lớn nhất Việt Nam, đảm bảo việc phát triển ổn định, bền vững, có năng lực cạnh tranh cao. Xây dựng phát triển PVTRANS trở thành thương hiệu vận tải mạnh trong khu vực và quốc tế.

SỨ MỆNH

Tham gia đảm bảo an ninh năng lượng Quốc gia. Đáp ứng tốt nhất nhu cầu dịch vụ vận tải và hàng hải dầu khí. Kinh doanh hiệu quả, bảo toàn và phát triển vốn. Đảm bảo lợi ích tối đa cho cổ đông, quyền lợi và điều kiện làm việc tốt cho người lao động, đóng góp tích cực cho cộng đồng và xã hội.

GIÁ TRỊ CỐT LÕI

Đuy trì và nâng cao chất lượng đội tàu, trình độ thuyền viên, đảm bảo tuyệt đối an toàn trong vận hành khai thác, tuân thủ chặt chẽ các quy định của quốc tế và trong nước về an toàn hàng hải. Luôn luôn đoàn kết, hỗ trợ, đồng lòng, giải quyết nhiệm vụ khẩn cấp với hiệu quả công việc và tuân thủ kỷ cương nội bộ. Đáp ứng tối đa yêu cầu của khách hàng và đảm bảo sự thành công của họ cũng chính là đảm bảo thành công của PVTRANS. Cam kết giá tăng giá trị cho cổ đông, cam kết an toàn lao động, đảm bảo đời sống cho cán bộ công nhân viên, cam kết cung cấp dịch vụ chuyên nghiệp với khách hàng, cam kết về an sinh xã hội và bảo vệ môi trường. Sẵn sàng đón nhận thay đổi và không ngừng sáng tạo và tự đổi mới trong công việc.

CÁC CỘT MỐC LỊCH SỬ

2002 2003 2006 2007 2008 2009 2010 2013 2014 2015 2016 2017 2018 2019 2020 2021

Thành lập PVTraas

Đầu tư tàu Polarsden M - con tàu Aframax chở dầu thô đầu tiên của Việt Nam

Đầu tư tàu Hercules M, con tàu chở dầu thô thứ 2

Nhiệm vụ trên HOSIE với vốn đầu tư 720 tỷ đồng

Tặng vốn đầu tư từ 720 tỷ đồng lên 1.476 tỷ đồng

Đầu tư con tàu PVT Athena, trọng tải 105.177 DWT

PVT HERA

Đầu tư tàu dầu thô PVT Hercules, tải trọng 104.000DWT

Tặng vốn đầu tư từ 2.376 tỷ đồng lên 2.558 tỷ đồng

Đầu tư ĐẠI HÙNG QUEEN P90 vào tháng 9 năm 2015

Tặng vốn đầu tư từ 2.558 tỷ đồng lên 2.814 tỷ đồng

Đầu tư 07 tàu chở dầu sản phẩm và 2 tàu LPG

Đầu tư 07 tàu

Đặt cột mốc lợi nhuận trước thuế trên 1.000 tỷ đồng

Tặng vốn đầu tư từ 2.814 tỷ đồng lên 3.236,5 tỷ đồng

Đầu tư tàu VLAC đầu tiên, đầu tàu 36 chiếc - trọng tải 1,03 triệu DWT

NGÀNH NGHỀ, LĨNH VỰC KINH DOANH

- **NGÀNH NGHỀ KINH DOANH CHÍNH**
- Vận chuyển dầu mỏ
- Vận chuyển dầu/hóa chất
- Vận tải khí hóa lỏng
- Vận tải hàng rời (thôn)
- Dịch vụ kỹ thuật dầu khí
- Dịch vụ hàng hải và logistics

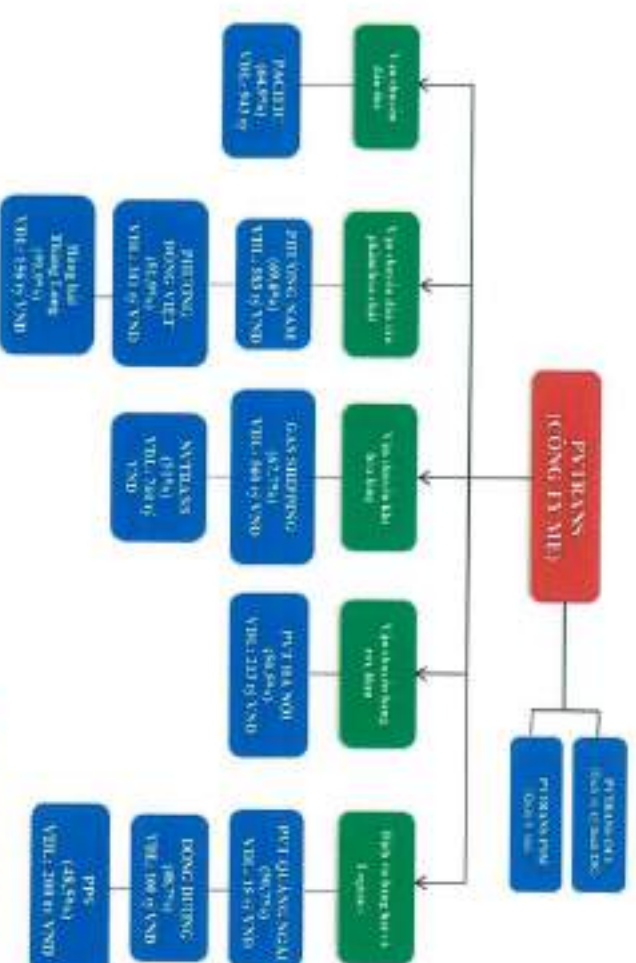


ĐỊA BÀN KINH DOANH

PVTRANS hoạt động ở cả thị trường trong nước và nước ngoài, trong đó BOST, trong đó BOST tập trung chủ yếu của PVTRANS hiện đang được hình thức tại các thị trường quốc tế.



MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, CƠ CẤU TỔ CHỨC CƠ CẤU QUẢN LÝ



MÔ HÌNH QUẢN TRỊ

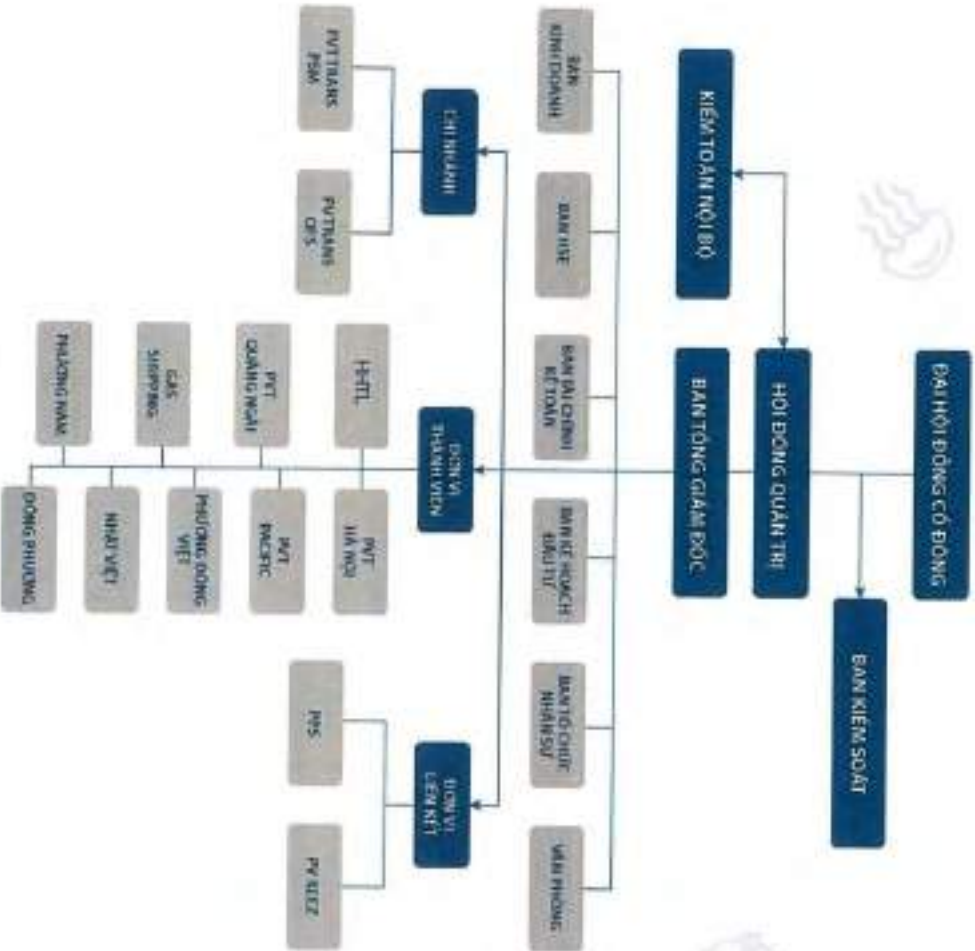
Tổng công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí và công ty cổ phần con đang niêm yết, cổ phiếu của PVTRANS hiện đang niêm yết trên Sàn giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh (SECC).

Tổng công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí là đơn vị thành viên của Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam - Cổ đông nắm giữ 51% vốn của phần của PVTRANS. Phần vốn còn lại được hình thành từ các đóng góp của tổ chức cá nhân trong và ngoài nước nước ngoài.

PVTRANS hoạt động theo mô hình: Tổng công ty mẹ - con, được tổ chức theo mô hình quản trị công ty cổ phần, có HĐQT và BKS, tuân thủ các quy định và chuẩn mực quản trị của doanh nghiệp để chứng nhận giá trị.



CƠ CẤU TỔ CHỨC BỘ MÁY QUẢN TRỊ ĐIỀU HÀNH



CÔNG TY CON VÀ CÔNG TY LIÊN KẾT

CÔNG TY CON

Công ty CP Vốn tài Dấu xanh Thái Bình Dương	Công ty CP Vốn tài Vàng đỏ Phước Nam	Công ty CP Vốn tài Đỏ Phước Đông Việt
<ul style="list-style-type: none"> - Ngày thành lập: 28/11/2008 - Trụ sở chính: Tầng 5, Tòa nhà PTSC, 45 Lạc Long Quân, Quận 1, HCM - Văn đầu số: 0475020010000009 - Người quản lý kinh doanh: Ông Nguyễn Văn Tuấn - T/M có bản cáo PTSC: 48,5% 	<ul style="list-style-type: none"> - Ngày thành lập: 17/01/2008 - Trụ sở chính: Tầng 5, Tòa nhà PTSC, 45 Lạc Long Quân, Quận 1, HCM - Văn đầu số: 0475020010000009 - Người quản lý kinh doanh: Ông Nguyễn Văn Tuấn - T/M có bản cáo PTSC: 48,5% 	<ul style="list-style-type: none"> - Ngày thành lập: 12/01/2001 - Trụ sở chính: Tầng 5, Tòa nhà PTSC, 45 Lạc Long Quân, Quận 1, HCM - Văn đầu số: 0475020010000009 - Người quản lý kinh doanh: Ông Nguyễn Văn Tuấn - T/M có bản cáo PTSC: 48,5%
<ul style="list-style-type: none"> - Ngày thành lập: 24/12/2001 - Trụ sở chính: Tầng 5, Tòa nhà PTSC, 45 Lạc Long Quân, Quận 1, HCM - Văn đầu số: 0475020010000009 - Người quản lý kinh doanh: Ông Nguyễn Văn Tuấn - T/M có bản cáo PTSC: 48,5% 	<ul style="list-style-type: none"> - Ngày thành lập: 24/12/2001 - Trụ sở chính: Tầng 5, Tòa nhà PTSC, 45 Lạc Long Quân, Quận 1, HCM - Văn đầu số: 0475020010000009 - Người quản lý kinh doanh: Ông Nguyễn Văn Tuấn - T/M có bản cáo PTSC: 48,5% 	<ul style="list-style-type: none"> - Ngày thành lập: 24/12/2001 - Trụ sở chính: Tầng 5, Tòa nhà PTSC, 45 Lạc Long Quân, Quận 1, HCM - Văn đầu số: 0475020010000009 - Người quản lý kinh doanh: Ông Nguyễn Văn Tuấn - T/M có bản cáo PTSC: 48,5%
<ul style="list-style-type: none"> - Ngày thành lập: 04/01/2001 - Trụ sở chính: Tầng 5, Tòa nhà PTSC, 45 Lạc Long Quân, Quận 1, HCM - Văn đầu số: 0475020010000009 - Người quản lý kinh doanh: Ông Nguyễn Văn Tuấn - T/M có bản cáo PTSC: 48,5% 	<ul style="list-style-type: none"> - Ngày thành lập: 04/01/2001 - Trụ sở chính: Tầng 5, Tòa nhà PTSC, 45 Lạc Long Quân, Quận 1, HCM - Văn đầu số: 0475020010000009 - Người quản lý kinh doanh: Ông Nguyễn Văn Tuấn - T/M có bản cáo PTSC: 48,5% 	<ul style="list-style-type: none"> - Ngày thành lập: 04/01/2001 - Trụ sở chính: Tầng 5, Tòa nhà PTSC, 45 Lạc Long Quân, Quận 1, HCM - Văn đầu số: 0475020010000009 - Người quản lý kinh doanh: Ông Nguyễn Văn Tuấn - T/M có bản cáo PTSC: 48,5%

CÔNG TY LIÊN KẾT

Công ty CP Dịch vụ Hàng không Dầu khí PTSC. Thành lập ngày 01/04/2001. Vốn đầu tư: 200 tỷ đồng. Tỷ lệ sở hữu của PTSC: 48,5%

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



ÔNG PHẠM VIỆT ANH

CHỦ TỊCH HĐQT

Năm sinh: 1971

Ông Phạm Việt Anh có hơn 26 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực hàng tiêu dùng và vận hành (ô tô, giày dép).

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Quản trị kinh doanh, Cử nhân Kế toán thuế, Cử nhân Marketing.

ÔNG NGUYỄN DUYỄN HIẾU
ỦY VIÊN HĐQT, TỔNG GIÁM ĐỐC

Năm sinh: 1975

Ông Nguyễn Duyễn Hiếu có hơn 21 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực đầu tư, hàng tiêu dùng (ô tô).

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Quản lý Marketing, Cử nhân Địa chất, Cử nhân CNTT.



BÀ TRƯƠNG THỊ ANH ĐÀO
TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT

Năm sinh: 1976

Bà Trương Thị Anh Đào có nhiều năm kinh nghiệm trong lĩnh vực đầu tư, CNTT.

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Finance, Cử nhân Quản trị kinh doanh.



ÔNG KIM KWANG HYUK
THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

Ông Kim Kwang Hyuk có hơn 28 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tư vấn và vận hành (ô tô).

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Marketing.



ÔNG PHẠM VĂN HƯNG
THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

Năm sinh: 1981

Ông Phạm Văn Hưng có hơn 15 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tư vấn, kế toán.

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kế toán.



ÔNG LÊ MẠNH TUẤN

ỦY VIÊN HĐQT

Năm sinh: 1969

Ông Lê Mạnh Tuấn có hơn 26 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực bán lẻ ô tô, kế hoạch kinh doanh và đầu tư trong và ngoài nước (ô tô).

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Quản trị kinh doanh, Cử nhân Tài chính Kế toán.

BÀ NGUYỄN LINH GIANG

ỦY VIÊN HĐQT

Năm sinh: 1978

Bà Nguyễn Linh Giang có hơn 18 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tư vấn, kế toán, kiểm toán.

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ CNTT, Cử nhân Marketing.



ÔNG PHẠM ANH TUẤN

ỦY VIÊN HĐQT

Năm sinh: 1963

Ông Phạm Anh Tuấn có hơn 20 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực đầu tư, thương mại và tài chính.

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Quản trị kinh doanh, Cử nhân Ngoại thương.



BAN KIỂM SOÁT

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC



ÔNG NGUYỄN ĐÌNH THÀNH

TỔNG GIÁM ĐỐC

Năm sinh: 1975

Ông Nguyễn Đình Thành có hơn 21 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực đầu tư, hàng tiêu dùng (ô tô).

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Quản lý Marketing, Cử nhân Địa chất, Cử nhân Quản lý kinh doanh.

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Năm sinh: 1976

Ông Nguyễn Đình Thành có hơn 22 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực công nghệ thông tin và vận hành (ô tô).

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Quản lý Marketing, Cử nhân Địa chất, Cử nhân Quản lý kinh doanh.



ÔNG NGUYỄN VIỆT LONG

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Năm sinh: 1979

Ông Nguyễn Việt Long có hơn 26 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực vận hành (ô tô), hàng tiêu dùng (ô tô).

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kế toán, Cử nhân Tài chính Kế toán.



ÔNG NGUYỄN QUỐC THỊNH

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Năm sinh: 1976

Ông Nguyễn Quốc Thịnh có hơn 20 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực đầu tư (ô tô).

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kế toán, Cử nhân Tài chính Kế toán.



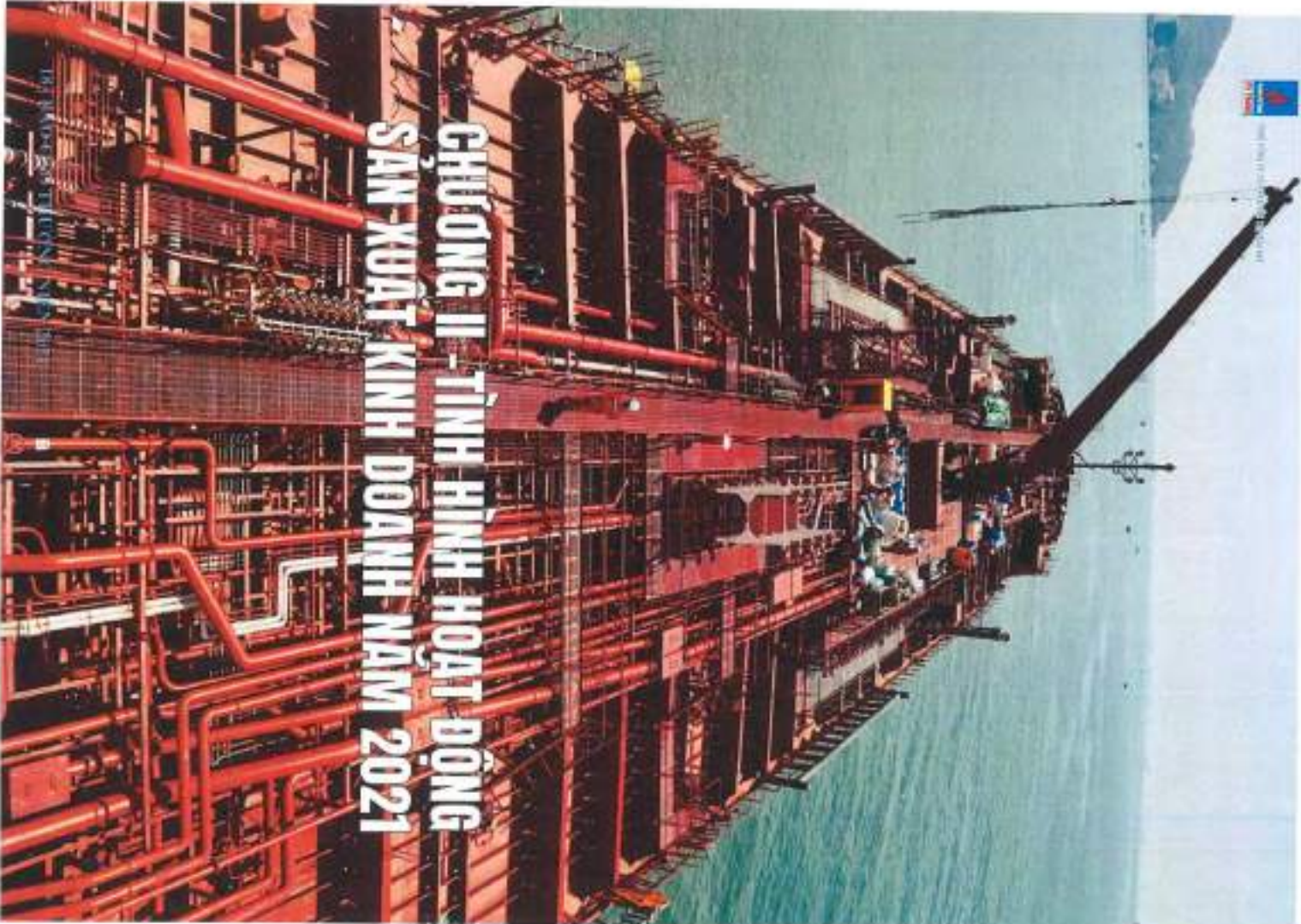
ÔNG NGUYỄN VĂN HÙNG

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Năm sinh: 1979

Ông Nguyễn Văn Hùng có hơn 26 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực vận hành (ô tô), hàng tiêu dùng (ô tô).

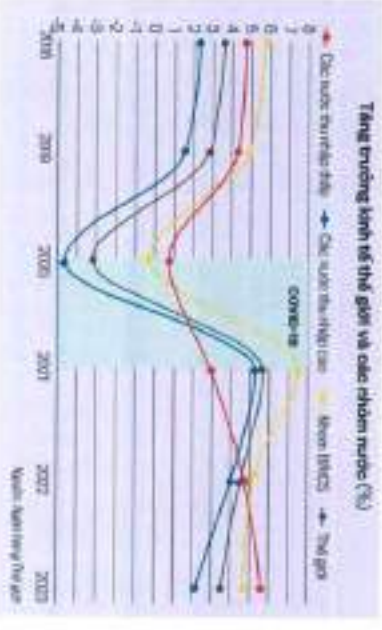
Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kế toán, Cử nhân Tài chính Kế toán.



CHƯƠNG II - TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2021

TÌNH HÌNH KINH TẾ VĨ MÔ QUỐC TẾ VÀ TRONG NƯỚC NĂM 2021

Năm 2021, thế giới tiếp tục trải qua một năm đầy biến động vì đại dịch Covid-19 với sự xuất hiện của những biến chứng nguy hiểm cũng như các cuộc xung đột chính trị, quân sự và thảm họa tự nhiên do tác động của biến đổi khí hậu. Tình hình kinh tế thế giới có dấu hiệu khởi sắc hơn các quốc gia tiến trình mạnh mẽ chiến lược tiêm chủng vắc-xin phòng Covid-19. Tuy nhiên, tăng trưởng của các nền kinh tế có sự khác biệt do tốc độ tiến triển vắc-xin, việc mở cửa lại hoạt động kinh tế và chính sách hỗ trợ khác nhau ở các quốc gia. Về cơ bản, xu hướng phục hồi vẫn được duy trì nhưng nền kinh tế toàn cầu năm 2021 vẫn đối diện với nhiều rủi ro tiềm ẩn khiến tốc độ tăng trưởng khó có thể quay về mức trước đại dịch. Theo báo cáo của Ngân hàng Thế giới (tháng 1/2022), tăng trưởng GDP toàn cầu năm 2021 ở mức 5,5%, so với năm 2020



Trong nước, làn sóng dịch Covid-19 bùng phát từ cuối tháng 4/2021 với biến chứng mới có tốc độ lây lan nhanh chóng và nguy hiểm sự nhiều, tình hình đặc biệt ở các địa phương kinh tế trọng điểm đã ảnh hưởng nghiêm trọng đến đời sống, an toàn của người dân và phát triển kinh tế - xã hội năm 2021. Ước tính tăng trưởng kinh tế có mức giảm sâu nhất vào quý II. Ước tính GDP năm 2021 tăng 2,58%, so với năm 2020, mức thấp nhất trong vòng 10 năm qua, song là mức thấp nhất được trong bối cảnh dịch bệnh diễn biến phức tạp. Lạm phát năm 2021 được kiểm soát tốt với mức tăng 0,81%, so với bình quân năm 2020. Hoạt động của các doanh nghiệp vẫn gặp nhiều khó khăn do tình hình dịch bệnh diễn biến phức tạp, chính sách phòng chống dịch chưa thực sự nhất quán giữa một số địa phương, cũng như một nhiều thời gian để khôi phục lại như trước đại dịch.

Thị trường dầu mỏ thế giới năm 2021 cũng diễn biến bất thường dưới tác động của nhiều yếu tố trái chiều gây ra sự mất cân đối cung-cầu trên thị trường. Mặc dù diễn biến dịch Covid-19 vẫn còn phức tạp, nhưng nỗ lực mở cửa và khôi phục nền kinh tế của các quốc gia trên thế giới khiến nhu cầu năng lượng nội địa tăng và dầu mỏ nội địa phục hồi. Việc duy trì cam kết tăng sản lượng ở mức kiềm chế của OPEC+ và chuyển đổi nhu cầu từ sử dụng khí sang dầu mỏ do giá khí tăng cao đã dẫn đến sự thiếu hụt năng lượng toàn cầu, đẩy nguồn cầu vượt sức cung, khiến giá dầu thô trên thực tế cao và đỉnh điểm giá dầu Brent lên đến 85 USD/thùng vào giữa tháng 10/2021, mức cao nhất trong 7 năm qua.

Tuy nhiên, ngay sau đó, do tăng một chiều trong tháng 10 đã không còn, khi các bất ổn gia tăng trên thị trường khiến nhà giá Brent bị đẩy xuống dưới mức 75 USD/thùng, nhưng vẫn cao hơn 50% so với thời điểm đầu năm. Giá dầu thô tăng do độ già dầu nhiên liệu lên cao, cụ thể giá dầu nhiên liệu tại Singapore giao dịch quanh mức 600-610 USD/MT đối với dầu VLSFO và 610-620 USD/MT đối với dầu MGO, tăng khoảng 2% so với đầu năm, làm giá tăng đáng kể chi phí nhiên liệu đầu vào cho các chủ tàu.



Thị trường LPG giữ nhàn sự hồi phục với giá cước phần lớn các tàu VLSC tăng mạnh từ quý III/2021 nhưng vẫn thấp hơn 7% so với bình quân năm 2020. Dõi với phần lớn các tàu định áp (size coaster 3500 dwt) giá cước khu vực châu Âu giảm 3% trong khi khu vực phía Đông tăng 3% so với bình quân năm 2020.

Thị trường vận tải hàng rời có sự tăng trưởng đột phá nhờ tác động tích cực của sự hưởng kích cầu được hiện thực đầu tư công ở nhiều quốc gia trên thế giới khiến nguồn hàng vận chuyển dài đèo trên thị trường nhưng đã bắt đầu hạ nhiệt từ tháng 11/2021.

Theo báo cáo của Clarkson, tổng lượng hàng rời luân chuyển bằng đường biển trong năm 2021 tăng khoảng 4,8% so với năm 2020 và chỉ số thuê tàu hàng rời (Baltic Dry Index) bình quân năm 2021 bằng 277% so với mức bình quân các các năm 2020. Giá cước cho thuê định hạn kỳ hơn 1 năm (TC) tăng mạnh ở mức các phần lớn các lượng đường khoảng từ 80-125% so với bình quân năm 2020.



như cầu sắt thụ xăng dầu suy giảm mạnh, tên lửa của các NHLD Trung Quốc và NH-Hà Nội Sơn tăng cao, đây các nhà máy điện mặt trời giảm công suất xuống mức kỷ thấp, thậm chí nhiều nhà điện đang dừng ngưng cơ chế dừng hoạt động vì tình trạng đầy kho (overcoat).

Từ đầu tháng 10/2021, dịch bệnh đã từng được kiểm soát và nhiều địa phương trên cả nước bắt đầu trở về trạng thái "bình thường mới", giúp nhu cầu thị trường tăng trở lại, kéo theo việc các nhà máy lọc dầu gia tăng công suất. Tuy nhiên mức độ phục hồi nhu cầu tiêu thụ xăng dầu quý IV/2021 còn chậm, mức tăng thấp hơn so với công kỳ năm 2020 nên việc tiêu thụ sản phẩm vẫn còn nhiều khó khăn trong các tháng cuối năm.

THỊ TRƯỜNG VẬN TẢI BIỂN TRONG NƯỚC NĂM 2021

Trong nước, mặc dù có sự khởi sắc tương 2 quý đầu năm nhưng từ Quý III/2021 các hoạt động sản xuất kinh doanh ở khu vực miền Trung và phía Nam gần như ngừng thể hiện nhờ do các biện pháp phòng tỏa dịch chiế để phòng ngừa dịch bệnh diễn biến

Đối với hoạt động khai thác dầu thô, thứ quan trọng cấp, cơ chế kinh doanh do các biện pháp ngăn ngừa và kiểm dịch đã làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến công tác tổ chức xếp dỡ và khai thác chi phí cho xếp, dỡ hàng, chi phí vận chuyển điện/phương tiện. Hoạt động xếp dỡ tàu từ các vùng cơ điện công thêm ấn nhiều rủi ro, nguy cơ bị nhiễm dịch bệnh, ảnh hưởng trực tiếp đến tâm lý sức khỏe của thuyền viên và công tác xếp dỡ nguồn nhân lực cho các tàu.

Thị trường vận tải biển năm 2021 tiếp tục chịu nhiều tác động của đại dịch Covid-19. Trong khi đó, tình hình địa chính trị khu vực Trung Đông, căng thẳng vận của Mỹ đối với Iran và Venezuela, an toàn hàng hải tại khu vực eo biển Hormuz... vẫn diễn biến khó lường khiến cho khu vực hoạt động các tàu ngày càng thêm đa dạng và phức tạp. Cục trưởng chiến lược Trung tâm có dấu hiệu giảm công suất nhưng các biện pháp phòng ngừa vẫn tiếp diễn, trong bối cảnh khu vực Biển Đông khiến cho thị trường ngày càng thu hẹp và phức tạp thêm nhiều chi phí liên quan cho các chủ tàu.

Thị trường vận tải dầu thô có giá cước vô cùng thấp ngay tại (TC) vận tải biển thấp hơn rất nhiều so với trung bình năm 2020 do chi phí nhiên liệu đầu vào tăng cao và nguồn cung dầu thô dồi dào trên thị trường khi các tàu lớn chưa nổi được giá phòng theo tiêu chuẩn của Clarkson, giá cước cho thuê định hạn 1 năm (TC) bình quân ở các phần khác vận tải dầu thô giảm khoảng 30-47% so với bình quân năm 2020.

THỊ TRƯỜNG VẬN TẢI BIỂN QUỐC TẾ NĂM 2021

Thị trường vận tải xăng dầu cũng chịu ảnh hưởng tiêu cực từ dịch bệnh khi nhu cầu sử dụng năng lượng dầu mỏ ở mức thấp dẫn đến việc hàng hóa vận chuyển chậm lại. Trong khi đó, nguồn hàng vận chuyển vẫn tiếp diễn, trong bối cảnh khu vực Biển Đông khiến cho thị trường ngày càng thu hẹp và phức tạp thêm nhiều chi phí liên quan cho các chủ tàu.

Theo báo cáo của Clarkson, tổng lượng hàng rời luân chuyển bằng đường biển trong năm 2021 tăng khoảng 4,8% so với năm 2020 và chỉ số thuê tàu hàng rời (Baltic Dry Index) bình quân năm 2021 bằng 277% so với mức bình quân các các năm 2020. Giá cước cho thuê định hạn kỳ hơn 1 năm (TC) tăng mạnh ở mức các phần lớn các lượng đường khoảng từ 80-125% so với bình quân năm 2020.

Thị trường vận tải hàng rời cũng chịu ảnh hưởng tiêu cực từ dịch bệnh khi nhu cầu sử dụng năng lượng dầu mỏ ở mức thấp dẫn đến việc hàng hóa vận chuyển chậm lại. Trong khi đó, nguồn hàng vận chuyển vẫn tiếp diễn, trong bối cảnh khu vực Biển Đông khiến cho thị trường ngày càng thu hẹp và phức tạp thêm nhiều chi phí liên quan cho các chủ tàu.

Theo báo cáo của Clarkson, tổng lượng hàng rời luân chuyển bằng đường biển trong năm 2021 tăng khoảng 4,8% so với năm 2020 và chỉ số thuê tàu hàng rời (Baltic Dry Index) bình quân năm 2021 bằng 277% so với mức bình quân các các năm 2020. Giá cước cho thuê định hạn kỳ hơn 1 năm (TC) tăng mạnh ở mức các phần lớn các lượng đường khoảng từ 80-125% so với bình quân năm 2020.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

“PVTrans bước sang năm 2021 với nhiều thuận lợi và khó khăn cũng những rủi ro tiềm ẩn đến từ thị trường trong và ngoài nước. Điểm sáng trong hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2021 của PVTrans là mở rộng quy mô, trẻ hóa và khai thác hiệu quả đội tàu, tiếp tục duy trì năng lực tài chính vững mạnh và hoàn thành vượt mức tất cả các chỉ tiêu kế hoạch được giao.”



Điểm tích cực trong hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2021 của PVTrans là duy trì ổn định hoạt động của đội tàu và kế hoạch khai thác tàu được nâng đỡ từ liên minh thân cận đồng, lĩnh hoạt động nhiều lĩnh vực cho thuê đa dạng (thực chuyển, định hạn, thuê tàu trần, vận chuyển nhóm hàng), giúp PVTrans tiết kiệm chi phí và mang lại hiệu quả cho Ban giám đốc, việc tích cực triển khai hoạt động đầu tư tàu trong năm 2021 (thuê thành phương tiện đầu tư mới đã mở thêm nhiều cơ hội cho PVTrans, góp phần gia tăng doanh thu và giúp PVTrans về đích trước hai tháng so với kế hoạch được giao.

THUẬN LỢI

- ↘ Cơ sự hỗ trợ tích cực của các đồng nghiệp, đặc biệt là Tổng đoàn Dầu khí Việt Nam.
- ↘ Lượng sản phẩm hoạt với đại dịch Covid-19, đặc biệt trong việc lắp kế hoạch khai thác và tiếp nhận chi phí hoạt động của đội tàu.
- ↘ Thuận lợi: PVTrans và các đơn vị thành viên tạo được sự tin tưởng của thị trường trong và ngoài nước.
- ↘ Triển lực kế định, vững mạnh, nguồn vốn luôn được đảm bảo cho hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư.
- ↘ Ban điều hành, các cấp quản lý, cán bộ công nhân viên và thuyền viên PVTrans có tinh thần, đoàn kết, luôn nỗ lực hết mình để hoàn thành nhiệm vụ.

KHÓ KHĂN

- Nền kinh tế thế giới có những biến động nhất định nhưng vẫn chịu nhiều áp lực từ việc gia tăng giá dầu, lạm phát, bất ổn chính trị và thiếu hụt lao động. Giá mua bán tàu biến động nhiều trong khi cước vận chuyển ít biến động hoặc có xu hướng sụt giảm, tác động đến kế hoạch khai doanh và đầu tư của các doanh nghiệp vận tải biển.
- Các nhà máy lọc hóa dầu giảm công suất hoạt động khiến mức tiếp
- Đội tàu của PVTrans có quy mô nhỏ so với các doanh nghiệp vận tải biển trong khu vực, tuổi tàu trung bình tương đối cao ảnh hưởng đến năng lực cạnh tranh trên thị trường.
- Việc tăng cơ thuyền viên góp nhiều khó khăn cho định hướng của đại dịch Covid-19. Tình trạng thiếu nguồn cung thuyền viên tạo nhiều áp lực cho các công ty vận tải biển.

Chỉ tiêu toàn Tổng công ty (hợp nhất)

STT	Chỉ tiêu	Thực hiện 2020	Kế hoạch 2021	Thực hiện 2021	Tỷ lệ so với 2020	Tỷ lệ hoàn thành KH
1	Tổng Doanh thu	7.730	6.000	7.716	100%	129%
2	Lợi nhuận trước thuế	1.040	500	1.040	100%	208%
3	Lợi nhuận sau thuế	830	404	835	100%	207%
4	Nợ ngân sách	510	184	449	88%	244%

Đơn vị: Tỷ VNĐ

Chỉ tiêu Công ty mẹ

STT	Chỉ tiêu	Thực hiện 2020	Kế hoạch 2021	Thực hiện 2021	Tỷ lệ so với 2020	Tỷ lệ hoàn thành KH
1	Tổng Doanh thu	2.794	2.300	3.144	113%	137%
2	Lợi nhuận trước thuế	582	310	600	103%	194%
3	Lợi nhuận sau thuế	483	261	503	104%	193%
4	Nợ ngân sách	232	105	280	121%	267%

Đơn vị: Tỷ VNĐ

DANH GIÁ TỪNG LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH



VẬN TÀI DẦU THỎ

PVTrans vận chuyển dầu thô cho BSR từ các mỏ nội địa về NMLD Dung Quất và tổng sản lượng đạt **5,6 triệu tấn**, tăng khoảng **30%** so với năm 2020. Vào cuối năm dịch bệnh Covid-19 quý II/2021, BSR gặp rất nhiều khó khăn do nhu cầu tiêu thụ sản phẩm sụt giảm, PVTrans đã hỗ trợ khách hàng bằng việc giảm giá cước vận chuyển, giảm phí lưu tàu và giảm tiền độ thanh toán tiền cước.

VẬN TÀI DẦU/HÓA CHẤT

PVTrans đã vận chuyển không dầu cho PVCI và các dầu mới xăng dầu khác trong nước từ NMLD Dung Quất và NMLHD Nghi Sơn về tổng sản lượng đạt **2,6 triệu tấn** dầu sản phẩm, tăng khoảng **15%** so với sản lượng vận chuyển của năm 2020.

Đại tàu dầu hóa chất ngoại quốc hoàn toàn trên thị trường quốc tế trên các tuyến từ Châu Úc, châu Âu, châu Mỹ theo hình thức thuê thuê định hạn (TC).



VẬN TÀI HÀNG RỎI

PVTrans vận chuyển than cho NMLND Vũng Áng 1 với sản lượng **82.000 tấn**. Trong bối cảnh thị trường vận tải hàng rời khá sắc, PVTrans tăng cường khai thác các tàu chở hàng rời trên thị trường quốc tế theo phương thức thuê thuê định hạn.



DỊCH VỤ KỸ THUẬT HÀNG HẢI DẦU KHÍ FSO/FPSO

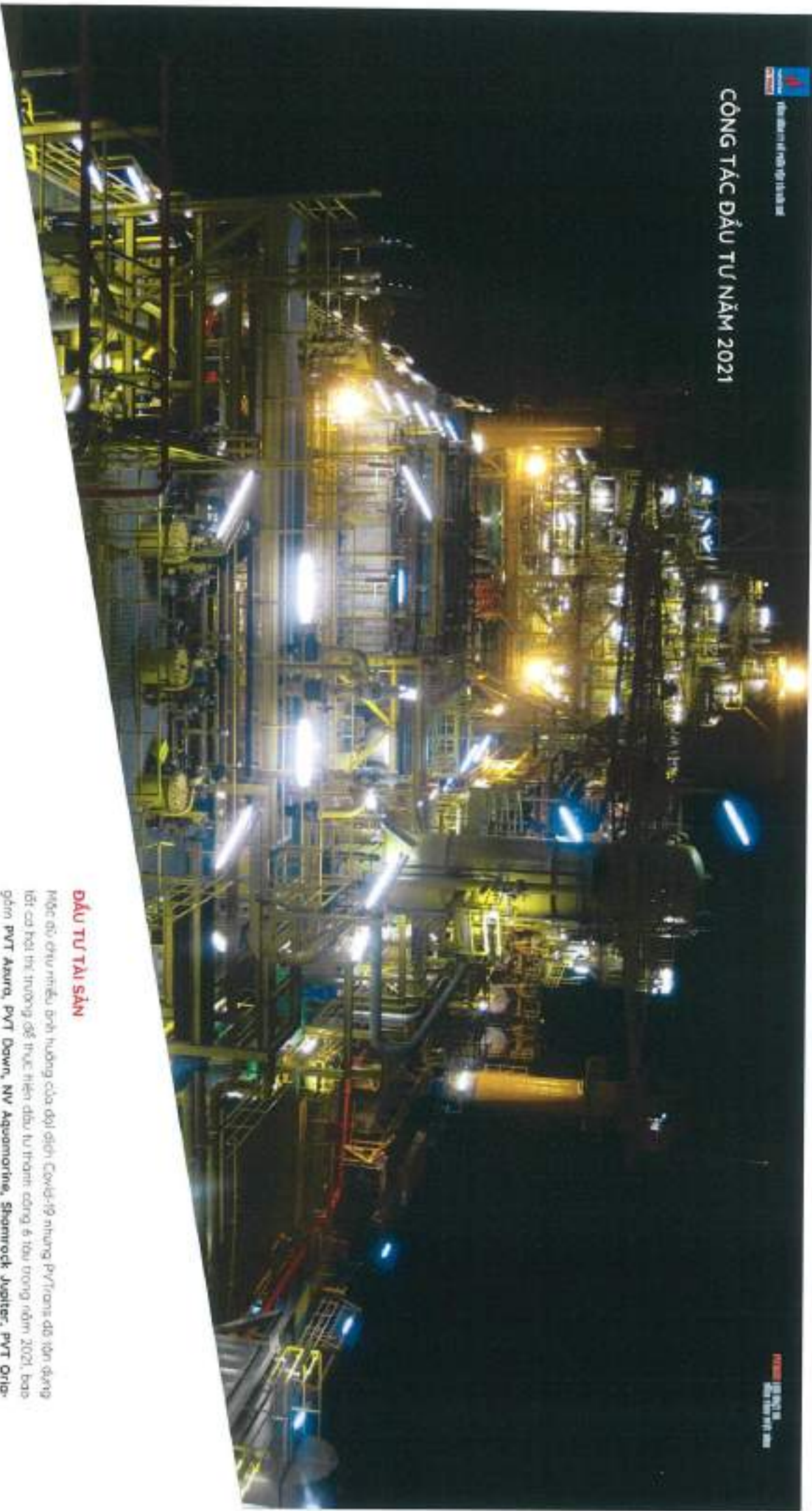
Avia hướng cứu dịch Covid-19 đối với các công ty hoạt động trong lĩnh vực upstream vận công đang tiếp diễn, PVTrans vẫn duy trì biện pháp kiểm soát chặt chẽ việc đi ra, về ngoài thời gian cách ly đối với nhân sự đã được tiêm vắc-xin Covid-19 nhằm giảm chi phí, công sẽ khá lớn nhưng với các chủ mỏ. Theo đó, PVTrans tiếp tục vận hành ổn định, an toàn tàu FSO PVM Đại Hùng Queen từ mỏ Đại Hùng thủy trị tự là thời gian uptime đạt 100%, thường để xảy ra tai nạn sự cố hoặc dừng sản xuất do lỗi kỹ thuật của tàu, góp phần vào hoạt động khai thác an toàn và ổn định của mỏ. Đối với việc quản lý vận hành tàu FPSO Lewak Enras từ mỏ Chìm Sào và từ mỏ Sao Vàng Đại Nguyến, PVTrans đã phối hợp chặt chẽ với khách hàng để duy trì hoạt động và tích cực đáp ứng tối đa các yêu cầu của khách hàng về nhân sự OSM.

VẬN TÀI LPG

Năm 2021, PVTrans tiếp tục đảm bảo nhu cầu của BSR, PVGas, GIP Cô Mau - giờ vọng 202% thị phần thị trường vận tải LPG nội địa, thực hiện chuyển chở **1,6 triệu tấn** LPG hàng đường sản lượng năm 2020. Ngoài ra, PVTrans cũng tăng cường cho các tàu khai thác trên thị trường quốc tế gây dựng thương hiệu, từng bước tạo dựng những mối quan hệ với các chủ hàng lớn của khu vực Châu Á như PTI, Apex, Inochu, Pettenros... và các ship brokers có uy tín.



CÔNG TÁC ĐẦU TƯ NĂM 2021



ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

PVTrans đã hoàn thành việc gặp thêm vốn vào các đơn vị thành viên là Công ty cổ phần Vận tải Nhật Việt (JV/Trans) với số tiền **183,6 tỷ đồng** và Công ty cổ phần Vận tải Sơn phẩm Khí Quốc tế (Gas Shipping) với số tiền **135,5 tỷ đồng** theo kế hoạch năm 2021. Khoản tiền này đã được các đơn vị sử dụng làm nguồn vốn để ứng phó đầu tư phát triển dài hạn.

ĐẦU TƯ TÀI SẢN

Mặc dù chịu nhiều ảnh hưởng của đại dịch Covid-19 nhưng PVTrans đã tận dụng lợi cơ hội thị trường để thực hiện đầu tư thành công 6 tàu trong năm 2021, bao gồm **PVT Aurora, PVT Dawn, NV Aquamarine, Shamrock Jupiter, PVT Oriana** và **PVT Sunrise**, góp phần bổ sung đội tàu và mở rộng quy mô đội tàu của PVTrans lên **36 chiếc** với tổng trọng tải đạt trên **1,05 triệu DWT**. Điểm nổi bật trong năm 2021 là PVTrans đã đầu tư đầu vào loại tàu mới nhất đầu tiên của nhà máy loại loại VLCC NV Aquamarine và hợp tác với Republic (Nhật Bản) để thuê mua bareboat tàu Supramax hàng rời PVT Diamond, đạt hiệu quả khai thác rất cao về thị trường quốc tế.

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH NĂM 2021

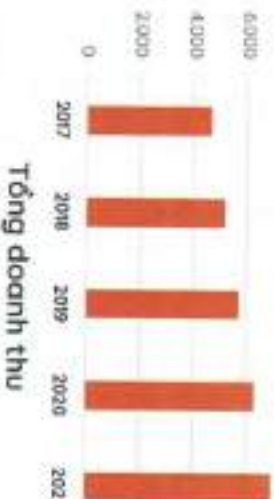
Tổng tài sản

Tình hình Tài sản

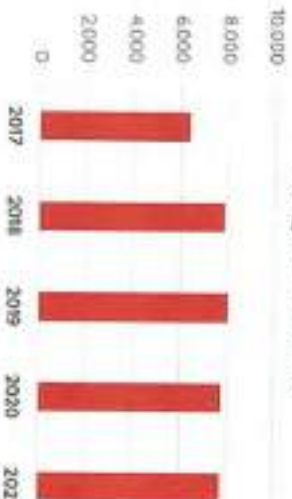


Tổng tài sản của PVTrans ngày 31/12/2021 là **12.493 tỷ đồng**, tăng 12,7% so với cùng kỳ năm trước. Tốc độ tăng trưởng tổng tài sản bình quân giai đoạn 2017-2021 của PVTrans là 7%/năm, cho thấy sự phát triển và quy mô của PVTrans qua các năm. Tài sản dài hạn chiếm tỷ trọng trung bình khoảng 61% trong cơ cấu tổng tài sản của PVTrans. Đây là tỷ lệ an toàn và phù hợp với bản lĩnh doanh nghiệp vận tải biển.

Tình hình Nguồn vốn



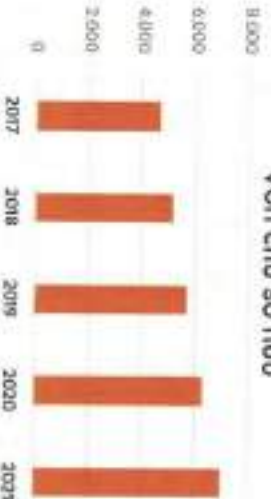
Tính đến hết ngày 31/12/2021, nợ phải trả của PVTrans là **5.530 tỷ đồng**, chiếm khoảng 44% tổng nguồn vốn, trong đó 49% là nợ ngắn hạn. So với năm 2020, nợ phải trả tăng khoảng 19% chủ yếu đến từ việc vay từ thị trường đầu tư lâu trong năm 2021.



Vốn chủ sở hữu của PVTrans tại cuối năm 2021 là **6.963 tỷ đồng**, tăng 10,9% so với cùng kỳ năm 2020, chiếm 56% tổng nguồn vốn. Tỷ trọng này là phù hợp và thể hiện khả năng tự chủ về nguồn vốn để đầu tư của PVTrans, như vào cơ cấu vốn hợp lý và khả năng tự chủ tài chính để mà PVTrans liên tục được các tổ chức tín dụng trong và ngoài nước đánh giá cao.

Vốn chủ sở hữu

Khả năng sinh lời



Hệ số lợi nhuận sau thuế/doanh thu thuần năm 2021 của PVTrans đạt 11,2%, ROA đạt 6,7% và ROCE đạt 12%. Các chỉ số khả năng sinh lời của PVTrans được duy trì ổn định qua các năm với tỷ lệ tương đối cao so với các doanh nghiệp cùng ngành, cho thấy hiệu quả từ hoạt động kinh doanh của PVTrans.

STT	Chỉ tiêu	2017	2018	2019	2020	2021
-----	----------	------	------	------	------	------

1	Chỉ tiêu về khả năng thanh toán					
1.1	Hệ số thanh toán hiện hành	1,97	1,77	1,52	1,93	1,98
1.2	Hệ số thanh toán nhanh	1,93	1,70	1,47	1,88	1,92
2	Chỉ tiêu về cơ cấu vốn					
2.1	Tổng nợ/Tổng tài sản	49,3%	49,6%	48,3%	43,4%	44,3%
2.2	Tổng nợ/Vốn chủ sở hữu	97,4%	98,5%	93,2%	76,6%	79,4%
5	Chỉ tiêu về năng lực hoạt động					
3.1	Vòng quay khoản phải thu	7,39	5,94	6,37	7,50	5,78
3.2	Doanh thu thuần/Tổng tài sản	0,67	0,78	0,73	0,67	0,63
4	Chỉ tiêu về khả năng sinh lời					
4.1	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	8,7%	10,4%	10,6%	11,2%	11,2%
4.2	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	11,4%	15,2%	14,4%	13,2%	12,0%
4.3	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	5,8%	7,6%	7,5%	7,5%	6,7%

Khả năng thanh toán

Hệ số thanh toán hiện hành và hệ số thanh toán nhanh năm 2021 của PVTrans lần lượt là 1,98 và 1,92 lần, cho thấy năng lực tài chính vững mạnh và khả năng thanh toán các khoản nợ tốt của PVTrans. Nhờ việc luân chuyển các hệ số thanh toán ở mức cao và phù hợp với đặc thù doanh nghiệp mà PVTrans có nhiều thuận lợi trong việc thu xếp vốn vay vốn thị trường tài chính trong và ngoài nước.

Chỉ số hoạt động

Chỉ tiêu vòng quay khoản phải thu của PVTrans luân chuyển 6,37 lần ở mức 6 vòng/năm do PVTrans luân chuyển giảm sát với tăng cường công tác quản lý về thu hồi nợ. Hệ số doanh thu thuần/tổng tài sản năm 2021 của PVTrans là 0,63 cho thấy tài sản được sử dụng hiệu quả. Ngoài ra, đồng tiền thuần từ hoạt động kinh doanh năm 2021 của PVTrans đạt 828 tỷ đồng và luân chuyển ở mức cao qua các năm.

TÌNH HÌNH NHÂN SỰ NĂM 2021



Số lao động bình quân trong năm 2021 là **2.140** người bằng 97% kế hoạch nhân sự năm 2021. Thu nhập bình quân của người lao động ước đạt 22 triệu đồng/người/tháng đạt 103% kế hoạch. Năng suất lao động ước đạt 277,6 triệu đồng/người/tháng, tương đương 120% kế hoạch. Do chủ định hướng của định Covid-19 nhưng hoạt động đào tạo tiếp tục được duy trì, thực hiện được 1316 lượt người, đạt 45% kế hoạch năm. Các khóa học trực tuyến (online) kết hợp chi phí nhưng vẫn đảm bảo hiệu quả rõ rệt với các nội dung đào tạo bám sát với thực tế sản xuất kinh doanh của Tổng công ty/DVT.V.

KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2022

Nhận định tình hình thị trường năm 2022

Tình hình kinh tế - chính trị thế giới năm 2022 dự báo tiếp tục biến động phức tạp, nhất là căng thẳng chính trị Nga-Ukraine: dịch Covid-19 diễn biến phức tạp, sự phục hồi kinh tế tại các quốc gia còn thiếu ổn định, chưa đồng đều, giá dầu thô và nhiều loại hàng hóa cơ bản khác có xu hướng tăng cao làm gia tăng chi phí sản xuất, vốn tài chính áp lực hơn trước và nguy cơ đứt gãy chuỗi cung ứng toàn cầu lên cao. Trước cuộc chiến tranh Nga-Ukraine, tăng trưởng GDP toàn cầu năm 2022 dự báo khoảng 4-4,5%, lạm phát toàn cầu khoảng 3,5%. Tuy nhiên, căng thẳng leo đài hoặc tiếp tục leo thang có thể gây ra cú sốc lạm phát định trị nghiêm trọng, làm giảm mức tăng trưởng kinh tế toàn cầu hơn một điểm phần trăm và đẩy lạm phát global lên mức tăng cao hơn gấp 2,5 điểm phần trăm.

Trong nước, dự báo tăng trưởng GDP thực của Việt Nam năm nay đạt 5,7%. Lạm phát sẽ được kiểm soát ổn định dưới mức 4% trong 2022 nhờ vào chính sách đảm bảo cân đối cung cầu và ổn định thị trường tiền tệ. Tuy nhiên, các rủi ro chính đối với tiến vọng tăng trưởng của Việt Nam đến từ số ca nhiễm có thể tăng khi Việt Nam mở cửa kinh tế trở lại, sự xuất hiện của các biến chủng mới trên phạm vi toàn cầu. Khả năng thiếu hụt nguồn lao động và gián đoạn chuỗi cung ứng nguyên vật liệu trong bối cảnh dịch bệnh và rủi ro địa chính trị gia tăng. Lạm phát cũng có thể vượt mức dự báo do giá nhiên liệu và các loại hàng hóa gia tăng và tốc độ tăng của chính sách nới lỏng tiền tệ và các gói hỗ trợ kinh tế lớn.

Quốc song năm 2022, thị trường vốn tài biến động sẽ một lần diễn biến thuận lợi trong ngắn hạn với giá cước tăng ở hầu hết các phân khúc tài kế từ khi cuộc chiến tranh Nga-Ukraine nổ ra do căng thẳng leo thang kéo theo các biến động của vốn đầu tư biến của Nga khiến nhu cầu vốn tài biến ở các khu vực khác tăng lên. Bên cạnh đó, sự thay đổi nguồn cung tiền cho nhu cầu tài, lượng hàng luân chuyển bằng đường biển thay đổi, tạo ra các sự kiện giao thương đường biển thay thế, giá tăng cao hơn tham gia vận chuyển của các đối tác quốc gia khác.

Tuy nhiên, thị trường dự kiến sẽ biến động và thêm ổn định, rủi ro, phụ thuộc vào diễn biến về tranh chấp giữa các bên trong thời gian tới. Đồng thời, giá nhiên liệu đầu vào tăng cao và sự bùng nổ của đại dịch Covid-19 làm cho hoạt động giao thương quốc tế và nhu cầu tiêu thụ nhiên liệu vận chuyển thế giới phục hồi lại mức trước thời điểm dịch bệnh cũng là những thách thức làm hạn chế chủ tiêu. Nhu cầu vốn tài trong nước năm 2022 dự kiến gia tăng tại nhu cầu tiêu thụ sản phẩm hóa dầu, từ các NPLD, Dung Quốc và NPLHD Ngại Sơn dân hội phục. Ngại ra, NPLD và các đầu mối nâng đầu trong nước có nhu cầu nhập khẩu để bù đắp số lượng nội địa thiếu hụt, cũng kéo theo nhu cầu vận chuyển xăng dầu nhập khẩu tăng lên.

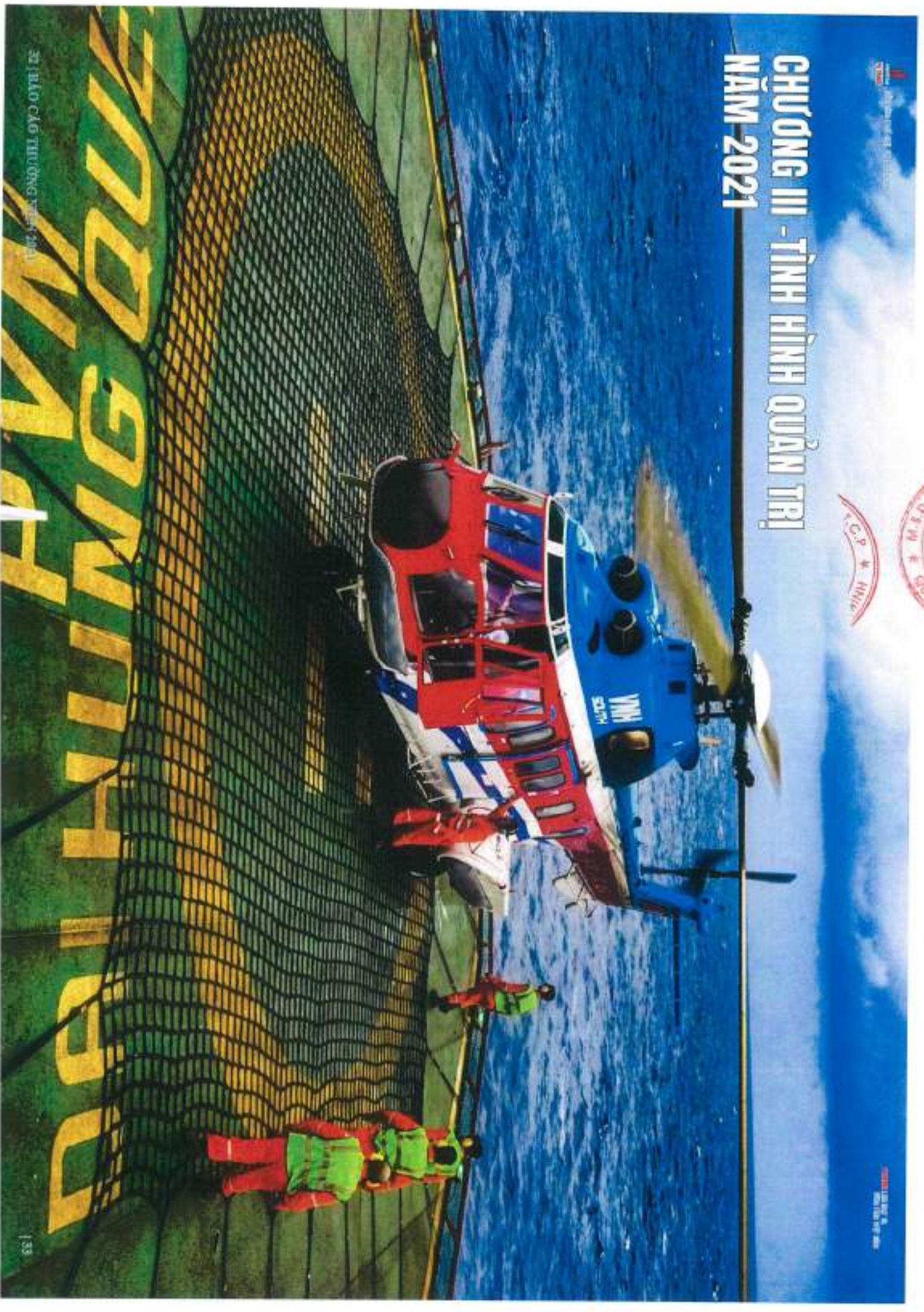
Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022

Dựa trên những dự báo về mức tăng trưởng thấp của nền kinh tế toàn cầu năm 2022 cũng như những rủi ro tiềm ẩn trong bối cảnh dịch bệnh vẫn đang diễn biến phức tạp, biến động giá dầu thô leo thang và tình hình địa chính trị bất ổn, PVTrans nhận định năm 2022 tiếp tục là một năm đầy thách thức, thử thách, vì vậy mục tiêu quan trọng nhất trong năm 2022 đối với PVTrans là bảo toàn vốn, tài sản, nâng lực đội tàu, đảm bảo duy trì dòng tiền hoạt động tối thiểu an toàn phục vụ cho toàn bộ CBCNV và tôn trọng bất kỳ đầu tư kinh tế có cơ hội. Trên cơ sở trên trong và dưới góc các dự báo thị trường năm 2022, PVTrans xây dựng chỉ tiêu kế hoạch kết quả hoạt động SXKD năm 2022 như sau:

Đơn vị: đồng

Stt	Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2022
I	Chỉ tiêu kế hoạch hợp nhất	
1	Doanh thu	6.200
2	Lợi nhuận trước thuế	550
3	Lợi nhuận sau thuế	432
4	Nộp ngân sách Nhà nước	205
II	Chỉ tiêu Công ty mẹ	
1	Doanh thu	2.300
2	Lợi nhuận trước thuế	350
3	Lợi nhuận sau thuế	299
4	Nộp ngân sách Nhà nước	110

CHƯƠNG III - TÌNH HÌNH QUẢN TRỊ NĂM 2021



BẦU CỬ HĐQT VÀ BKS NĂM 2021

STT	THÀNH VIÊN	CHỨC VỤ	GHI CHÚ
1	Ông Mai Thế Toàn	UV HĐQT	Miễn nhiệm tại ĐHĐCĐ 2021
2	Ông Đoàn Văn Nhiệm	Chủ tịch HĐQT	Miễn nhiệm tại ĐHĐCĐ 2021
3	Ông Nguyễn Quốc Phương	TV HĐQT	Miễn nhiệm tại ĐHĐCĐ 2021
4	Ông Nguyễn Duyên Hiền	TV HĐQT	Trùng cử tại ĐHĐCĐ 2021
5	Bà Nguyễn Linh Giang	TV HĐQT	Trùng cử TV HĐQT tại ĐHĐCĐ 2021 và thời giữ chức vụ PTGD
6	Bà Nguyễn Thị Kim Anh	TBKS	Miễn nhiệm tại ĐHĐCĐ 2021
7	Bà Trương Thị Anh Đào	TBKS	Trùng cử tại ĐHĐCĐ 2021

CƠ CẤU VỐN CỔ PHẦN VÀ CỔ ĐÔNG TẠI 12/11/2021

STT	Nội dung	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phiếu nắm giữ		
			CHƯA LƯU KÝ	ĐÃ LƯU KÝ	CỘNG
1	Cổ đông cá nhân	24.486	786.017	87.184.094	87.970.111
			Trong nước	786.017	85.977.514
	- Chưa lưu ký	8520	764.220	-	764.220
			- DV lưu ký	23.606	85.863.282
12	- DV lưu ký & Chưa lưu ký	30	21.797	34.232	156.029
			Ngoại nước	226	1.206.580
2	Cổ đông tổ chức	153	-	235.681.135	235.681.135
			Trong nước	86	191.954.592
22	Ngoại nước	67	-	43.726.543	43.726.543
			3	TỔNG CỘNG	24.865



HOẠT ĐỘNG QUAN HỆ CỔ ĐÔNG NĂM 2021

Năm 2021 tiếp tục là một năm nhiều thử thách đối với các hoạt động kinh doanh của PVTrans nhờ chúng tôi không ngừng nỗ lực hoạt động chăm hệ đầu tư nơi riêng. Việc gặp gỡ trực tiếp các cổ đông và các nhà đầu tư góp rất nhiều khó khăn do tình hình dịch bệnh Covid-19 diễn biến phức tạp và các biện pháp giãn cách được áp dụng liên tục kéo dài. Tuy nhiên, PVTrans vẫn thực hiện nhiều hình thức liên lạc để cung cấp thông tin một cách kịp thời, đầy đủ, kịp thời và hoàn toàn miễn phí cho các cổ đông và nhà đầu tư thông qua các buổi họp trực tuyến (Online), cập nhật thông tin về hoạt động sản xuất kinh doanh trên trang thông tin đến từ của PVTrans và các trang báo và tạp chí trong nước như: Tạp chí Năng lượng (Energy), Báo Đầu tư Chứng khoán, Báo điện tử Capital, v.v.

Mọi số sự liên lạc quan đến hoạt động quan hệ cổ đông nơi hoạt trong năm 2021 của PVTrans như sau:

1) Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 được tổ chức ngày 15/6/2021 theo hình thức họp trực tuyến (Online). Đại hội đã thông kết báo cáo kết quả kinh doanh năm 2020, đồng thời quyết định chi có tức bằng tiền là 10% trên vốn điều lệ để phục vụ kế hoạch đầu tư lâu. Một số tình hình dịch bệnh phức tạp, nhưng với phương án tổ chức linh hoạt và ứng dụng nhiều công nghệ thông tin mà Đại hội năm này vẫn được tổ chức thành công và sự tham dự đồng đều của nhiều đại diện các cổ đông lớn, các Quỹ đầu tư và các Công ty chứng khoán.

2) PVTrans đã cung cấp công ty chúng khoán như:SSI, Bản Việt, Báo Việt, Rồng Việt, HSC, KIS, FPTS, 16 chức một số buổi online meeting định kỳ hàng quý góp phần tiếp cận cổ đông, các quỹ đầu tư các công ty chứng khoán và văn phòng của PVTrans. Các cuộc gặp gỡ trực tiếp luôn đảm bảo các yêu cầu về phòng chống dịch Covid-19 cũng như cung cấp và cập nhật kịp thời các thông tin về tình hình sản xuất kinh doanh của PVTrans.

3) PVTrans đã thực hiện trao đổi thông tin về hoạt động và chiến lược kinh doanh của PVTrans cho các nhà đầu tư các quỹ nước ngoài như các Quỹ Quỹ HRTMC, PFM Fund Management, Capital, Quỹ Asia Frontier, Capital, Quỹ Kingmeed Asia, Quỹ Imperial Capital, Quỹ KB, v.v. thông qua hình thức trực tuyến (Online).

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2021

Nhận định năm 2021 tiếp tục là một năm đầy thử thách và trỗi trỗi, thực đối với nền kinh tế nội dung và ngành vận tải biển nội hàng. HĐQT PVTrans đã thực hiện đầy đủ, thực những đại diện chủ sở hữu, trong việc định hướng phát triển, hợp chí đạo kịp thời và giám sát hoạt động điều hành của Ban Tổng giám đốc, tiền cơ sở thuận thủ các quy định của pháp luật hiện hành, Điều lệ Tổng công ty và Quy chế hoạt động của HĐQT đảm bảo sử dụng hiệu quả các nguồn lực nhằm hoàn thành các chỉ tiêu do Đại hội đồng cổ đông giao.



CÔNG TÁC TỔ CHỨC NHÂN SỰ

Trong năm 2021, HĐQT tiếp tục tìm kiếm, điều chỉnh và bổ sung các vị trí đang còn khuyết đảm bảo tinh thần, năng lực, trình độ chuyên môn trong hoạt động quản trị công ty. Ngoài ra, việc phân bổ nhân sự trong thực hiện chương trình hoạch định kế nhiệm công được tiến hành theo kế hoạch đảm bảo duy trì sự kế thừa, nối tiếp và phát huy sự phát triển hiệu quả, ổn định của PVTrans trong những năm tiếp theo, đảm bảo lợi ích của cổ đông. HĐQT cũng xem xét và phê duyệt công tác nhân sự của các DVTY trong Tổng công ty đảm bảo nhất quán với thông lệ trong toàn Tổng công ty và phù hợp với đặc thù từng đơn vị.

Thực những thay đổi về cơ cấu nhân sự cấp cao trong năm 2021, HĐQT đã kịp thời xây dựng và thống nhất cơ chế và quy trình đánh giá kết quả điều hành SXKD của Ban Tổng giám đốc. Đồng thời, HĐQT xem xét điều chỉnh chế độ đãi ngộ, báo gồm lương, thưởng và phúc lợi của Ban Tổng giám đốc và các cấp quản lý tại Công ty mẹ và các DVTY nhằm đảm bảo sức cạnh tranh trong tuyển dụng, thu hút và giữ chân nhân tài. Thu nhập của HĐQT cũng được rà soát và quyết định một cách phù hợp với chức năng và nhiệm vụ của từng thành viên.



CÔNG TÁC KIỂM TOÁN NỘI BỘ

HĐQT nỗ lực hoàn thiện hệ thống KSNB và QTRN với nhiệm vụ chính là đảm bảo các quy trình và thủ tục thực hiện nhằm hạn chế các rủi ro, giảm thiểu tổn thất không dự được các kế hoạch, chiến lược đã được các cấp thẩm quyền phê duyệt. HĐQT đã xây dựng một hệ thống KSNB bao gồm hệ thống các quy chế, quy trình và thủ tục thiết lập nhằm đạt được các mục tiêu bảo vệ bảo toàn và phát triển vốn của các DVTY, bảo vệ lợi ích của PVTrans và các DVTY; bảo đảm độ tin cậy của thông tin báo cáo việc thực hiện các chế độ pháp lý tuân thủ các quy định pháp luật hiện hành. Điều lệ và các quy chế, quy định của Tổng công ty và báo đảm hiệu quả của các hoạt động sản xuất kinh doanh.

CÔNG TÁC XÂY DỰNG, SỬA ĐỔI BAN HÀNH QUY CHẾ

HĐQT đã ban hành một loạt các quy chế bao gồm "Quy chế nội bộ về quản trị", "Quy chế hoạt động của HĐQT", "Quy chế phối hợp giữa HĐQT và Ban TGĐ", "Quy chế kiểm toán nội bộ", "Quy chế trả lương, trả thưởng", "Quy chế quản lý tiền lương hiện hành" và chế độ chính sách của HĐQT nhân viên và CBQL của PVTrans từ các DVTY. "Quy chế đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của CBQL và CBCNV", "Điều lệ đảm bảo tính chuẩn mực, nguyên tắc và triết quản trong việc tiến hành thực hiện các chế độ chính sách, công tác 15 chức hoạt động, công tác nhân sự, phân công và phân cấp nhiệm vụ, quản lý nhân

CÔNG TÁC ĐẦU TƯ

Trong năm 2021, theo định hướng trả hòa, phát triển quy mô đội tàu, HĐQT tiếp tục phê duyệt chủ trương đầu tư các dự án mua tàu của Công ty mẹ và các DVTY đồng thời định giá tình hình thực tiễn và hiệu quả đầu tư của các dự án. Chiến lược tài chính thực dài hạn cũng thường xuyên được rà soát, cập nhật trong đó HĐQT giám sát việc tuân thủ các quy định về tỷ lệ sở hữu, mức độ kiểm soát từ các DVTY, công tác tăng vốn, thoái vốn. HĐQT cũng chỉ đạo việc xây dựng Quy chế quản trị danh mục đầu tư tài chính bằng pháp lý công khai minh bạch nhằm thực hiện quản lý hiệu quả các dự án đầu tư tài chính như các khoản đầu tư góp vốn vào các DVTY.

CÔNG TÁC HOẠCH ĐỊNH KẾ HOẠCH, CHIẾN LƯỢC

HĐQT đã tổ chức thảo luận, rà soát các mục tiêu kế hoạch năm 2022, kế hoạch 5 năm giai đoạn 2021-2025 phù hợp với tình hình thị trường và mô hình hoạt động của PVTrans. Kết quả của các phiên họp HĐQT tập trung vào việc đảm bảo kế hoạch hoạt động, các bài học kinh nghiệm rút ra và các chiến lược mới trong hoạt động kinh doanh trên thị trường vận tải quốc tế. Với định hướng phát triển bền vững, HĐQT chú trọng việc tổ chức hoạt động SXKD có tầm nhìn chiến lược rõ ràng, đảm bảo hoạt động kinh doanh nghiệp với công đồng và hài hòa lợi ích các bên liên quan. Đặc biệt trong bối cảnh Turh thương mại - sống chung với dịch Covid-19, HĐQT đã chỉ đạo Ban Tổng giám đốc xây dựng kịch bản và các giải pháp quản trị phù hợp và linh hoạt nhằm tận dụng các cơ hội thị trường và theo dõi các khu vực, thành thức cần tiến tới.

CÔNG TÁC CÔNG TÁC QUAN HỆ CỔ ĐÔNG

HDQT đảm bảo truyền thông chính xác và đầy đủ với các bên liên quan bao gồm cổ đông, nhà đầu tư, cơ quan quản lý và công chúng thông qua chính sách công bố thông tin hiệu quả và minh bạch. Tất cả các nội dung công bố thông tin được gửi đồng thời đến tất cả các thành viên HDQT và các Ban chuyên môn có liên quan để giám sát việc thực hiện công bố thông tin này. PVTrans duy trì liên lạc công bố thông tin được các hình thức đa dạng như website chính thức của PVTrans và các phương tiện truyền thông đại chúng.

Trong bối cảnh dịch bệnh Covid-19 vẫn còn phức tạp, PVTrans không thể thực tiếp tiếp xúc trực tiếp và có đồng thường xuyên. Thay vào đó, PVTrans chủ động tham gia các hội nghị, các cuộc gặp gỡ nhà đầu tư, trong và ngoài nước bằng hình thức trực tuyến để thông tin kịp thời về kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình tài chính của Công ty.

Năm 2021 là năm đầu tiên HDQT tổ chức cuộc họp ĐHCHD/ĐTN thành công và hiệu quả dưới hình thức trực tuyến do tình huống của dịch bệnh. Cuộc họp được 15 chức phụ họp với chương trình nghị sự đã đề cập trong thư mời dự họp có liên quan. Trước ngày họp, thông báo về cuộc họp của cổ đông và tập họp đầy đủ các tài liệu họp đã được công bố trên website của PVTrans nhằm cung cấp cho các cổ đông đủ thời gian để chuẩn bị dự họp theo yêu cầu của luật pháp và quy định có liên quan. Trong cuộc họp, HDQT chào mừng các cổ đông đến dự hội thảo, báo cáo giải trình như sau mà không nghỉ một cách bình đẳng. HDQT và Ban Tổng giám đốc công bố tài các câu hỏi và cung cấp đầy đủ thông tin theo yêu cầu của các cổ đông.

HDQT vẫn duy trì chính sách cổ tức có sự hòa hòa giữa các mục tiêu ngắn hạn và dài hạn. Mặc dù trả lợi cổ tức hàng năm được hạn chế liên một năm 2020 sự hấp dẫn cho cổ phiếu và tạo giá trị thực tế cho cổ đông, vốn đảm bảo cần đối nguồn lực tài chính để áp dụng cho các cơ hội kinh doanh và phục vụ nhu cầu đầu tư cho tăng trưởng trong dài hạn.



DANH GIÁ GIỮA HDQT VÀ QUẢN LÝ
CÔNG TY NĂM 2021

TỔNG QUAN NHỮNG KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC

PVTrans đã hoàn thành kế hoạch SX&D năm 2021 được Đại hội đồng cổ đông giao với Doanh thu/hợp nhất đạt 7.736 tỷ đồng, vượt 1.29% so với kế hoạch; Lợi nhuận trước thuế/hợp nhất đạt 1.041 tỷ đồng, vượt 208% so với kế hoạch.

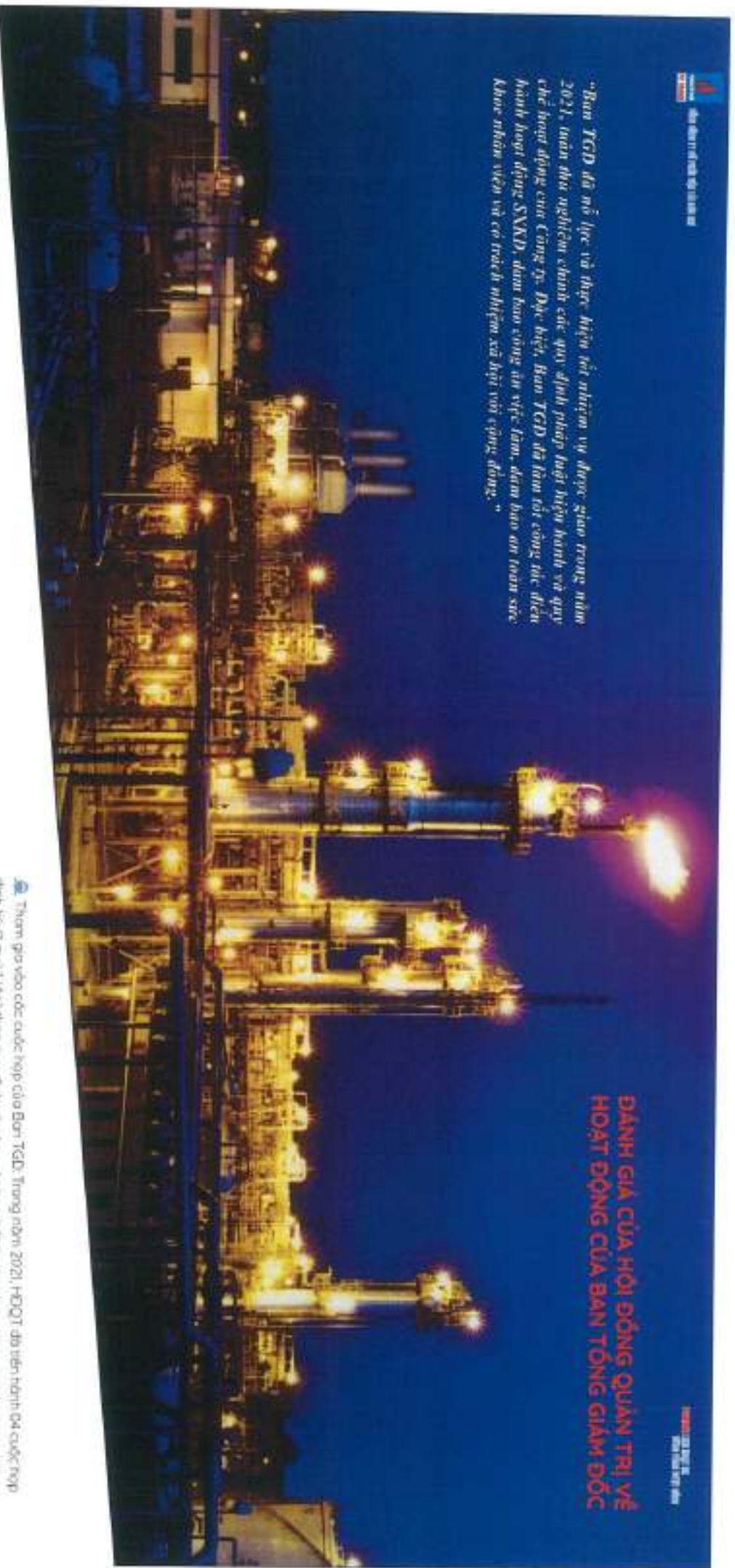
Tình hình tài chính lành mạnh với cơ cấu tài sản và nguồn vốn phù hợp đảm bảo ổn định cho hoạt động kinh doanh và tạo cơ sở để Tổng công ty sắp lục giao tăng cơ hội đầu tư phát triển.

Tổ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu năm 2021 đạt 116%, tương đương 181% so với kế hoạch.

Cả lực chủ trả năm 2021 tăng thêm một vài tỷ lệ 10% vốn đầu tư, mức lương đãi ân định ngày cả trong qua đoàn PVTrans mở rộng đầu tư dài hạn.

“Ban TGD đã nỗ lực và thực hiện tốt nhiệm vụ được giao trong năm 2021, tuân thủ nghiêm chỉnh các quy định pháp luật hiện hành và quy chế hoạt động của Công ty. Đặc biệt, Ban TGD đã làm tốt công tác điều hành hoạt động SXKD, đảm bảo công tác việc làm, đảm bảo an toàn sức khỏe nhân viên và có trách nhiệm xã hội với cộng đồng.”

DANH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC



Căn cứ Điều lệ Công ty và Quy chế nội bộ về quản trị HĐQT đã thực hiện việc kiểm tra, giám sát hoạt động của Ban TGD trong việc điều hành sản xuất kinh doanh và triển khai các nghị quyết của HĐQT và HĐQT trong năm 2020 như sau:

■ HĐQT với các nhiệm vụ cụ thể được đề cập trong Quy chế nội bộ về quản trị thực hiện việc giám sát Ban TGD tổ chức triển khai và thực hiện các nghị quyết của HĐQT:

■ Thông qua hoạt động của Ban kiểm toán nội bộ, Ban kiểm toán nội bộ có chức năng tham mưu cho HĐQT trong việc đánh giá và tư vấn về công tác quản trị nội bộ của PVTrans, có hệ thống báo cáo đặc lập với báo cáo của các Ban chuyên môn tập trung vào việc đánh giá rủi ro trong hoạt động SXKD, trình hình thức pháp luật của người đại diện và công tác quản trị doanh nghiệp

■ Tham gia vào các cuộc họp của Ban TGD. Trong năm 2021, HĐQT đã tiến hành 04 cuộc họp định kỳ (0 quý 1 lần) theo quy định và các cuộc họp bất thường hay mạng qua hình thức lấy ý kiến bằng văn bản. Tại các cuộc họp, HĐQT soạn xét và trình thực hiện các nghị quyết, trình hình SXKD của quý và kỳ kế, thảo luận và quyết định thông qua các nghị quyết đề Ban TGD làm cơ sở triển khai thực hiện. HĐQT cũng theo dõi và nắm bắt qua trình điều hành SXKD của Ban TGD thông qua các văn bản, báo cáo của Ban TGD gửi HĐQT. Ngoài ra, các thành viên HĐQT, theo sự phân công nhiệm vụ, thường xuyên trao đổi trực tiếp hoặc qua phiên họp báo thực tiễn, thư điện tử và điện thoại với thành viên Ban TGD về các nội dung, vấn đề quan tâm gồm sát:

■ Phối hợp chặt chẽ với Ban kiểm soát: Sự phối hợp chặt chẽ giữa HĐQT và BKS trong công tác kiểm tra, giám sát công tác điều hành kinh doanh của Ban TGD đã giúp mang lại hiệu quả trong công tác quản trị Tổng công ty. Các thành viên BKS tham dự, trao đổi, đóng góp ý kiến về các vấn đề trong các cuộc họp của HĐQT với tư cách là giám sát viên và đại diện cho cổ đông. Thông qua đó, HĐQT có thêm ý kiến về hoạt động SXKD của PVTrans và đưa ra các ý kiến góp ý kịp thời cho Ban TGD

ĐÌNH HƯỚNG TRIỂN KHAI NHIỆM VỤ NĂM 2022 CỦA HĐQT

- ☑ Tổ chức khai thác tàu phi ngư, đảm bảo vận chuyển an toàn, lập thời nguyên liệu đầu thô đầu vào, sản phẩm đầu và kế đầu ra theo các hợp đồng ký kết.
- ☑ Cùng cố, nâng cao năng lực quản lý tàu, tăng cường công tác giám sát kỹ thuật, có kế hoạch sửa chữa và bảo dưỡng hợp lý nhằm hạn chế thời gian ngừng tàu.
- ☑ Quản lý vận hành, khai thác an toàn và hiệu quả, đảm bảo không để xảy ra sự cố dừng sản xuất tàu FPSO PVN Đại Hùng Queen, duy trì dịch vụ ĐÀM TÀU FPSO Lawek Emma.
- ☑ Duy trì ổn định các hoạt động kinh doanh khác trên cơ sở đảm bảo hiệu quả sử dụng vốn, kiểm soát chi phí để hạn chế phát sinh công nợ quá hạn.
- ☑ Đầu tư mạnh công tác dự báo thị trường, thường xuyên cập nhật các kích biến và đề xuất giải pháp sẵn sàng ứng phó với biến động của thị trường.
- ☑ Nâng lực năng lực công tác quản trị, tối ưu hóa cơ cấu tổ chức, mở rộng quản lý.
- ☑ Đảm bảo triển khai kế hoạch phòng chống trị, diễn biến của dịch bệnh Covid-19 và gia đầu để kịp thời đưa ra những biện pháp phòng ngừa, hạn chế rủi ro và đề ra kế hoạch khai thác phù hợp.
- ☑ Chủ động rà soát, thực hiện kế cấu trúc tổ chức PVTrans phù hợp để an toàn cấu trúc Tập đoàn giai đoạn 2021-2025 khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt.
- ☑ Triển khai đầu tư theo quy định của pháp luật, đảm bảo sử dụng vốn hiệu quả. Thực hiện đồng bộ các giải pháp để kiểm soát, bảo đảm tiến độ đầu tư.
- ☑ Bảo toàn và phát triển vốn của các cổ đông tự dân và duy trì và nâng cao các chỉ số đảm bảo an toàn hoạt động tài chính của đơn vị.
- ☑ Xây dựng và chuẩn hóa môi trường làm việc chuyên nghiệp. Tiếp tục xây dựng văn hóa và thương hiệu PVTrans.
- ☑ Thực hiện chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ thông tin, xem xét xây dựng hệ thống ERP.
- ☑ Tích cực tham gia công tác an sinh xã hội, đảm bảo đủ việc làm, cải thiện và nâng cao đời sống vật chất tinh thần cho người lao động trong Tổng công ty.
- ☑ Tiếp tục cung cấp đầu tư các tài liệu, thông tin để Ban Kiểm soát thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát HĐQT VÀ BAN TGD trong việc quản lý và điều hành doanh nghiệp.
- ☑ Tích cực hoạt động theo chức năng nhiệm vụ được phân công với sự đoàn kết, sáng tạo và quyết tâm.

TÂM NHÌN PVTRANS ĐẾN NĂM 2025

- ☑ Duy trì vị thế Tổng công ty vốn tài và dịch vụ hàng hải đầu tư đa số hàng lớn nhất Việt Nam. Cùng cố, phát triển và thành hương hiệu vốn tài quốc tế, uy tín, mở rộng hoạt động khai thác các tuyến quốc tế và từng bước tham gia chuỗi vận chuyển cùng ứng toàn cầu.
- ☑ Huy động và đầu tư nguồn vốn trong nước và quốc tế để đầu tư phát triển. Đảm bảo lợi ích tối đa của cổ đông. Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực đáp ứng với tương xứng với quy mô phát triển. Đãi ngộ cơ cấu tổ chức và mô hình quản trị phù hợp với quy mô và phạm vi phát triển mới. Thực hiện mua bán sáp nhập để nhanh chóng tăng quy mô phát triển.
- ☑ Đối với hoạt động SXKD, PVTrans phấn đấu đạt tốc độ tăng trưởng doanh thu hợp nhất trung bình đạt 7%/năm, tại nhiều hợp một khoảng 18%/năm và tỷ lệ chi có tốc hàng năm không dưới 9%/năm.
- ☑ Xây dựng phát triển đội tàu chủ đầu tư, đầu tư/bao cấp, vốn tài khí (LPG, LNG), hàng rời, sơ lơn với tổng số đến khoảng 30 chiếc đến năm 2025, đảm bảo đáp ứng toàn bộ yêu cầu vận tải nguyên liệu đầu vào và sản phẩm đầu ra cho các dự án lọc hóa dầu, dự án khí và các nhà máy điện than của Tập đoàn và các đối tác bên ngoài.



BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2021

HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

Hoạt động kiểm tra, giám sát công tác quản lý, điều hành của Hội đồng quản trị (HDQT), Ban Tổng giám đốc, việc tuân thủ và thực hiện các quy định của pháp luật. Điều lệ công ty, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Quy chế, Quy định của Công ty, hoạt động sản xuất kinh doanh và tiến hành tài chính của công ty đã được Ban kiểm soát thực hiện một cách thường xuyên, liên tục và chặt chẽ.

Định kỳ hàng quý Ban kiểm soát đều xem xét, phân tích đánh giá các các báo cáo về hoạt động sản xuất kinh doanh và tiến độ các công việc của tư chính công ty, xem xét các văn bản, Quy chế tình HDQT phê duyệt, chấp thuận, giám sát công tác xây dựng và tiến hành định hướng chiến lược, kế hoạch sản xuất kinh doanh thông qua việc tham dự các cuộc họp kỹ lưỡng và tiến hành thực hiện kiểm tra hoạt động tại một số Ban chức năng, đơn vị trực thuộc và đơn vị thành viên của Công ty, giám sát việc thực hiện kiến nghị các đoàn thanh tra, kiểm tra, của đơn vị cấp trên; tham gia các đầu đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị, các cuộc họp giao ban và các cuộc họp khác của PVT/Tras.

Qua đó, Ban kiểm soát đã có những đánh giá cụ thể về kết quả đạt được của đơn vị chỉ ra những thiếu sót, tồn tại và cảnh báo những xử lý đồng thời có những góp ý, kiến nghị những giải pháp đến Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc (TGD) công ty trong công tác quản lý, điều hành của Công ty.

KẾT QUẢ GIÁM SÁT HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH VÀ CÔNG TÁC QUẢN LÝ CỦA HDQT VÀ BAN ĐIỀU HÀNH TỔNG CÔNG TY

Hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2021

Năm 2021, mặc dù chịu tác động không nhỏ của đại dịch Covid-19 và giữa cuộc vận tải biển đang lên tục nhưng với sự vào cuộc quyết liệt của Ban lãnh đạo vào tập trung phòng chống dịch, vào đầu tư hoạt động SXKD đã đem lại nhiều kết quả tích cực trong năm 2021. PVT/Tras đã giữ vững nhịp độ hoạt động SXKD, đảm bảo vận chuyển an toàn, kịp thời nghiệm liệu đầu thả đầu vào và sẵn sàng đầu ra cho các NNLD Dung Quốc và NHC/HD Nghi Sơn, đồng thời giám sát đầu giám đốc đối với hoạt động lưu trữ thực tế theo các tuyến quốc tế, đội tàu của PVT/Tras hoạt động ổn định, liên tục và tăng trưởng năm chủ do trước hàng. Theo đó, năm 2021, PVT/Tras đã hoàn thành tốt các chỉ tiêu kế hoạch chủ yếu được giao; doanh thu hợp nhất đạt 2.776 tỷ đồng, vượt 129% kế hoạch được giao và lợi nhuận trước thuế đạt 1.940 tỷ đồng, vượt 208% kế hoạch năm 2021.

Công tác quản lý của Hội đồng Quản trị

Công tác điều hành sản xuất kinh doanh của Hội đồng quản trị Tổng công ty trong năm 2021 phù hợp với Luật Doanh nghiệp, Điều lệ hoạt động, Nghị quyết của HĐQT/BV/HDQT PVT/Tras, các quy định pháp luật có liên quan.

Năm 2021 là năm có sự thay đổi lớn về các thành viên HDQT, tuy nhiên dưới sự chỉ đạo tài giỏi của Chủ tịch HDQT, các thành viên của HDQT cũng đã hoàn thành tốt các nhiệm vụ mà HĐQT đã giao.

Trong năm 2021, HDQT đã tổ chức tổng cộng 123 cuộc họp trực tiếp và lấy ý kiến hình thức công 94 nghị quyết và đề xuất định đề quản lý các hoạt động của PVT/Tras. HDQT thường xuyên theo dõi hoạt động và tình hình thực hiện các quyết định đã ban hành, giám sát tình hình hoạt động của Đơn vị thông qua các báo cáo định kỳ của Người dự định. Trong năm 2021, HDQT đã thực hiện tốt vai trò giám sát, chỉ đạo cũng như định hướng chiến lược, hỗ trợ và tạo điều kiện thuận lợi về Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát của Tổng công ty thực hiện các chức năng, nhiệm vụ theo quy định.



Công tác quản lý của Ban điều hành

Trong năm 2021, Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty luôn luôn chú trọng của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ hoạt động, Nghị quyết của HĐQT/HĐQT PVTrans, các quy định pháp luật có liên quan.

Trong quá trình thực hiện chức trách nhiệm vụ, Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty luôn làm việc với tinh thần trách nhiệm cao. Ban Tổng Giám đốc đã dành giờ đồng hồ đặc biệt để họp, họp, nhưng luôn thực hiện công tác quản trị từ đó để phòng ngừa thiệt hại và dự báo để đơn đốc có học đồng thời tập trung điều hành quyết liệt, linh hoạt, sâu sát mọi hoạt động của Tổng công ty, Thực hiện các giải pháp và tiến hành kịp thời các quyết sách để tháo gỡ khó khăn, tích cực mở rộng và giữ thị trường, đồng minh công tác đầu tư trên toàn Tổng công ty, tài cơ cấu lại các đơn vị thành viên, Thực hiện đổi mới công tác tiền lương, tiền thưởng của PVTrans, đồng thời Ban hành quy chế tiền lương, tiền thưởng và chế độ chính sách cho người đại diện phần vốn, vốn bộ quản lý của Tổng công ty tại các đơn vị.



Sự phối hợp giữa Ban Kiểm soát, Hội đồng quản trị, Ban điều hành và các cổ đông

Trong năm 2021, Ban Kiểm soát đã phối hợp chặt chẽ với Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc trong việc thực hiện chức trách nhiệm vụ được giao. Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã tạo điều kiện thuận lợi để Ban Kiểm soát thực hiện nhiệm vụ, cung cấp các thông tin và tài liệu liên quan đến hoạt động của Tổng công ty. Ban Kiểm soát được mời tham gia đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị, họp giao ban của Tổng công ty.

Ban Kiểm soát đã phối hợp chặt chẽ với Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc trong công tác kiểm tra, giám sát tại các đơn vị thành viên cũng như tại bộ máy đầu mối Tổng công ty để có những biện pháp xử lý kịp thời những vấn đề tồn tại nhằm nâng cao hiệu quả quản lý, đảm bảo tuân thủ đúng và đầy đủ các quy định hiện hành của cơ quan quản lý Nhà nước. Trong năm, Ban Kiểm soát không nhận được bất kỳ kiến nghị nào từ phía các cơ quan quản lý cũng như các cổ đông.

BÁO CÁO QUẢN TRỊ RỦI RO NĂM 2021



“Năm 2021 tiếp tục là một năm đầy thách thức trong hoạt động quản trị tại PV Trans khi tình hình đại dịch Covid-19 vẫn diễn biến phức tạp, hoạt động giảm cách phòng chống dịch kéo dài và những bất ổn kinh tế vĩ mô mới chúng ta đã trải nghiệm vẫn rất hiện tại rõ ràng. Để hạn chế các rủi ro, duy trì và phát huy hiệu quả công tác quản trị cốt lõi nhằm mục tiêu đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư được diễn ra liên tục và an toàn, PVTrans đã xác định các nhiệm vụ trọng tâm và triển khai các giải pháp quản trị tại một cách đồng bộ và toàn diện trong năm 2021”

RỦI RO VỀ GIÁ NHIÊN LIỆU/GIÁ ĐẦU

Mặc dù có sự giảm giá mạnh mẽ so với năm 2020 nhưng giá đầu năm 2021 vẫn biến động khá lưỡng và phụ thuộc nhiều vào các quyết định của OPEC+; tình hình địa chính trị và triển vọng hệ thống các quốc gia, từ đó gây ra nhiều áp lực cho PV Tronics trong công tác quản lý chi phí đầu vào và khai thác đầu ra. Để giảm thiểu rủi ro này, PV Tronics luôn chú trọng thực hiện và nghiên cứu các dự báo về giá nhiên liệu và giá cước vận tải, từ đó để ra chiến lược và kế hoạch ứng phó kịp thời. Bên cạnh đó, PV Tronics cũng thường xuyên theo dõi, đánh giá và làm việc với những chủ hàng có đầu liệu, kho bãi nhằm từ sự biến động của giá đầu để có các biện pháp ứng phó phù hợp nhằm bảo đảm việc thu hồi công nợ.

RỦI RO VỀ THỊ TRƯỜNG

Với đặc thù dài hạn hoạt động phần lớn trên thị trường quốc tế trong bối cảnh nhu cầu và giá cước vận tải có xu hướng sụt giảm hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2021 diễn ra với nhiều rủi ro tiềm ẩn. Để giảm thiểu những rủi ro về thị trường, PV Tronics đã xây dựng và triển khai các kế hoạch khai thác đội tàu một cách linh hoạt; chọn sát tình hình thị trường với nhiều hình thức đa dạng. Bên cạnh đó, PV Tronics thường xuyên và quyết liệt triển khai ra soát và tìm ra các giải pháp kinh doanh phù hợp nhằm cắt giảm tối đa giá tham gia và, giá thành vận hành tàu (fixed cost) nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh cho đội tàu, song song với việc đẩy mạnh đầu tư và hệ hệu đầu tư. Ngoài ra, PV Tronics tiếp tục đẩy mạnh tìm kiếm, hợp tác với các đối tác trong và ngoài nước để mở rộng thị trường, khai thác tối đa và bảo vệ thị phần.

RỦI RO VỀ ĐÌNH HƯƠNG, CHIẾN LƯỢC

Dựa trên những bài học kinh nghiệm từ hoạt động sản xuất kinh doanh và quản trị giai đoạn 2016-2020 cũng như các dự báo cho giai đoạn sắp tới, PV Tronics đang hoàn thiện việc xây dựng kế hoạch giai đoạn 2021-2025, tầm nhìn đến năm 2035 và định hướng chiến lược đến năm 2045 nhằm tạo ra một kim chỉ nam hữu hiệu trong công tác quản trị, tạo sự thống nhất và liên kết các bộ phận về định hướng và chiến lược. Trong quá trình triển khai các kế hoạch này, PV Tronics thường xuyên cập nhật thị trường, đánh giá và đưa ra các giải pháp kịp thời để kịp thời ứng phó với những biến động bất ngờ tốt nhất cho hoạt động sản xuất kinh doanh của PV Tronics.

RỦI RO VỀ NHÂN SỰ

PV Tronics luôn lấy con người là nhân tố trọng tâm trong chiến lược phát triển của Tổng công ty, trong đó công tác đào tạo, nâng cao tay nghề cho người lao động và xây dựng chính sách lương minh bạch, công bằng và phù hợp với thị trường lao động, chính sách phúc lợi, an sinh xã hội luôn được Tổng công ty quan tâm. Bên cạnh đó, PV Tronics cũng có chiến lược phát triển nguồn nhân lực trong dài hạn để bảo đảm tính kế thừa trong tương lai công như tạo ra sự gắn bó, gắn bó và trung thành của cán bộ công nhân viên với Tổng công ty.

Trước bối cảnh thị trường nguồn nhân lực có sự cạnh tranh cao trong khi nguồn cung chuyên viên đang thiếu hụt trầm trọng, việc quản lý nhân lực về nhân lực là ưu tiên hàng đầu của PV Tronics. Trong năm 2021, Tổng công ty thường xuyên đánh giá các rủi ro liên quan đến việc thu hút, giữ chân nhân tài và các rủi ro liên quan đến thay đổi nhân sự chủ chốt để chủ động trong công tác hoạch định chiến lược nhân sự và quy hoạch cán bộ, đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh diễn ra liên tục và hiệu quả.

Song song với việc thu hút tạo động lực bằng các chính sách thu nhập cạnh tranh so với thị trường, PV Tronics còn tạo động lực cho người lao động thông qua việc mang đến nhiều cơ hội, thử thách thông tin trong công việc để tạo năng lực công nhân là thời gian công nhân và duy trì sự công bằng minh bạch trong đánh giá sử dụng và đãi ngộ cán bộ. Ngoài ra, PV Tronics duy trì sự gắn kết, đoàn kết thông qua các hoạt động thiện nguyện, hoạt động Teambuilding và văn hóa vận mệnh, thể thao nội bộ của Tổng công ty và các đơn vị thành viên.



RỦI RO VỀ BIẾN ĐỘNG TỶ GIÁ, LÀI SUẤT, TÍN DỤNG, THANH TOÁN

Trong quá trình giải ngân đầu tư thu, PVTrans liên tục tìm kiếm, đàm phán với các ngân hàng khác nhau để có được mức lãi suất vay thấp nhất và các điều khoản vay tốt nhất cho dự án. Định kỳ hàng năm, PVTrans thực hiện đàm phán các ngân hàng để lựa chọn ngân hàng phù hợp nhằm tối đa hóa nguồn thu từ hoạt động tài chính đồng thời tối thiểu hóa chi phí vay vốn trong thời gian dài.

Tuy nhiên việc các ngân hàng trong nước không được cho vay người ta cũng như việc vay vốn bằng VNĐ có lãi suất cao mang đến nhiều thách thức về hiệu quả dự án và khả năng cạnh tranh với thị trường cho các doanh nghiệp vốn tài chính Việt Nam. Nhờ tiềm lực tài chính vững mạnh cũng sự tin cậy trên thị trường mà PVTrans được các tổ chức tín dụng trong và ngoài nước đánh giá cao và có nhiều chính sách ưu đãi. Tuy nhiên tại thế độ cùng với việc tích cực mua đổi, đàm phán với các ngân hàng và các tổ chức tài chính nước ngoài, đồng thời lựa chọn các phương án tài trợ mới như thế tài chính nên PVTrans kiểm soát tốt các rủi ro liên quan đến lãi suất, tín dụng và biến động tỷ giá.

PVTrans cũng tiến hành thực hiện chiến lược tín dụng, công nợ phải, nợ, kinh doanh dài và tăng khoản hàng, tăng năng lực doanh nghiệp thường xuyên theo dõi, đánh giá quy mô và mức độ ảnh hưởng của rủi ro tín dụng đến kết quả kinh tế chiến của công ty để đưa ra các biện pháp tương thích.

Phạm lịch độ như đối với ngoại tệ: Tổng công ty chủ yếu chịu ảnh hưởng của tỷ giá đối với Đô la Mỹ. Nếu tỷ giá Đô la Mỹ so với Đồng Việt Nam tăng/giảm 2% (năm 2020, 2021) thì lợi nhuận trước thuế trong năm của PVTrans sẽ giảm/tăng một khoản tương ứng là 26,6% tỷ đồng (năm 2020, 2021) tỷ đồng). Phạm lịch biến động của tỷ giá tương tự cho đồng Euro. Đô la Singapore và Yên Nhật thì không có ảnh hưởng tương giá dẫn lại nhiều hệ lụy trước thuế trong năm của PVTrans.

Người ra PVTrans cũng thường nhận và quản trị một số các chiến lược liên quan đến tín dụng, tỷ giá, ngoại tệ và lãi suất để đảm bảo các chi phí hoạt động. Tổng công ty Định kỳ các đơn vị phải có báo cáo theo từng tháng, quý về tình hình tín dụng, thương mại, công nợ phải thu và danh giá các tài sản liên quan

RỦI RO VỀ PHÁP LUẬT VÀ TUÂN THỦ

PVTrans hiểu rõ việc khai thác dự án ở thị trường quốc tế phải đối diện với rất nhiều rủi ro liên quan đến pháp luật và tuân thủ. Vì vậy, Tổng công ty rất chú trọng vào các giải pháp để giảm thiểu rủi ro này và để các tình huống thu trong mọi hoạt động của PVTrans cụ thể như sau:

➤ Thường xuyên rà soát và hoàn thiện các nội dung quy chế, quy định, quy trình trong nội bộ Tổng Công ty cũng như các đơn vị thành viên đảm bảo phù hợp các quy định của pháp luật và trên bình thực tế của Tổng Công ty, tạo ra hệ pháp lý vững chắc trong quản lý, điều hành hoạt động của PVTrans.

➤ Rà soát, nghiên cứu kỹ lưỡng các hợp đồng và thỏa thuận được ký kết, đặc biệt là các hiệp định với khách hàng/đối tác nước ngoài.

➤ Rà soát năng lực, kinh nghiệm và pháp lý của các đối tác như là đối tác nước ngoài, ngân hàng việc ký kết và đối tác có năng lực tài chính yếu kém hoặc trong diện sạt sản cầm vận.

➤ Cập nhật các thay đổi của pháp luật chính sách đến các phòng ban Tổng Công ty cũng như các đơn vị thành viên và tham mưu cho Ban điều hành của PVTrans.



RỦI RO VỀ AN TOÀN, SỨC KHỎE, MÔI TRƯỜNG

Đối với một công ty vận tải biển, việc quản lý các rủi ro về an toàn, sức khỏe và môi trường là hoạt động quan trọng được ưu tiên thực hiện. PVTrans luôn nỗ lực để hạn chế tối đa những rủi ro này thông qua các biện pháp thiết thực, cụ thể như sau:

➤ Duy trì và cải tiến liên tục hệ thống quản lý sức khỏe an toàn Môi trường Chất lượng Sử dụng các công cụ phân mềm quản lý để kiểm soát phương tiện, trang thiết bị máy móc, sơn, xuất đảm bảo tình trạng an toàn kỹ thuật và tối ưu hiệu năng suất.

➤ Tuân thủ chính sách mua bảo hiểm cho con người tài sản, các hoạt động đầu tư để bảo hiểm cho các rủi ro có thể gây ra tổn thất trong sản xuất và vận hành các tàu, kho, cơ sở.

➤ Liên tục tuyên truyền, nâng cao ý thức bảo vệ an toàn, phòng ngừa tai nạn sự cố.

➤ Kiểm tra, giám sát an toàn sản xuất và đánh giá cải tiến liên tục Hệ thống quản lý Sức khỏe An toàn Môi trường Chất lượng Sử dụng các công cụ phân mềm quản lý để kiểm soát phương tiện, trang thiết bị máy móc, sơn, xuất đảm bảo tình trạng an toàn kỹ thuật và tối ưu hiệu năng suất.

➤ Tuân thủ chính sách mua bảo hiểm cho con người tài sản, các hoạt động đầu tư để bảo hiểm cho các rủi ro có thể gây ra tổn thất trong sản xuất và vận hành các tàu, kho, cơ sở.

CHƯƠNG IV - BẢO GẢO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG NĂM 2021



BẢO CAO VỀ CÔNG TÁC AN TOÀN, SỨC KHỎE, MÔI TRƯỜNG

Trong chiến lược phát triển giai đoạn 2021-2025 và định hướng chiến lược đến năm 2035, tầm nhìn đến năm 2045 của PVTrans sức khỏe, an toàn lao động và bảo vệ môi trường (HSE) là những yếu tố quan trọng, luôn được ban lãnh đạo PVTrans quan tâm và chú trọng thực hiện trong công tác sản xuất kinh doanh hàng ngày.

Với đặc thù hoạt động trong lĩnh vực vận tải đầu tư và dịch vụ hàng hải, tiềm ẩn nhiều rủi ro cũng với yêu cầu khắt khe về an toàn của các đối tác quốc tế, PVTrans đã nghiên cứu, xây dựng và triển khai các chính sách, quy trình và hệ thống HSE toàn trú, tiêu bộ luật Quốc gia An toàn Quốc tế (ISM Code), tiêu chuẩn ISO - 9001:2008, Hệ thống quản lý môi trường ISO 14001:2004, Hệ thống quản lý an toàn sức khỏe nghề nghiệp OHSAS 18001:2004 với các nguyên tắc cơ bản như sau:

- ✓ Đảm bảo hàng hóa thương mại cho con người
- ✓ Đảm bảo không thiệt hại về tài sản
- ✓ Đảm bảo không nguy hại đến môi trường

Các chính sách và quy trình an toàn của PVTrans đã được các tổ chức Đăng kiểm quốc tế kiểm tra công nhận và cấp giấy chứng nhận, thỏa mãn, đồng thời nhận được sự cảm kích, hoan nghênh cao nhất từ Ban lãnh đạo, các cán bộ quản lý đến đối ngũ thuyền viên Tổng công ty.

CÔNG TÁC BẢO ĐẢM AN TOÀN LAO ĐỘNG

Thành lập Hội đồng Bảo hộ Lao động

Hội đồng Bảo hộ Lao động là thành viên thuộc PVTrans đầu đủ thành lập và liên tục Hội đồng Bảo hộ lao động với các chức năng, nhiệm vụ chính như sau:

- Thực hiện giám sát, tham gia, tư vấn và cấp kinh phí và phối hợp các hoạt động trong việc xây dựng quy chế quản lý, chương trình hành động, kế hoạch và các biện pháp an toàn - vệ sinh lao động
- Cai thiện điều kiện lao động, phòng ngừa tai nạn lao động và bệnh nghề nghiệp, tổ chức kiểm tra tình hình thực hiện công tác an toàn - vệ sinh lao động
- Định kỳ hoặc đột xuất tổ chức kiểm tra công tác an toàn, vệ sinh lao động, báo về môi trường tại các đơn vị
- Phụ trách việc đăng ký và kiểm định các hàng thiết bị cá nhân của thuyền viên về an toàn theo quy định tại Thông tư số 52 của Bộ LĐTB&XH ngày 14/7/2011



Chú trọng công tác Ứng cứu khẩn cấp - tìm kiếm cứu nạn

PVTrans đã ban hành kế hoạch Ứng cứu khẩn cấp từ Công ty mẹ đến các đơn vị thành viên, quy định các phương án phòng, chống và ứng cứu khi có thiên tai, lụt bão. Có hệ thống các đơn vị phụ trách an toàn (làm nhiệm vụ) làm việc trong lĩnh vực phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai. Chú trọng lên kế hoạch phòng chống và triển khai các DVTY thực hiện, phân công thực ứng cứu, sẵn sàng hỗ trợ ứng phó, báo cáo kịp thời không để thiệt hại khi có bão.

Bên cạnh đó, PVTrans đã đầu tư một loạt các giải pháp liên quan đến công tác Ứng cứu khẩn cấp - tìm kiếm cứu nạn như sau:

- PVTrans đã thành lập Ban chỉ huy "phòng chống lụt bão - tìm kiếm cứu nạn" chỉ đạo công tác ứng phó phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn. Lập các kế hoạch và định kỳ diễn tập ứng cứu tình huống khẩn cấp.
- Thường xuyên nhắc nhở, kiểm tra, giám sát công tác chuẩn bị ứng phó tình huống khẩn cấp, đảm bảo sẵn trong các trang thiết bị phục vụ cho công tác ứng phó sự cố khẩn cấp.
- Luôn phiên bố trí các cán bộ chuyên trách của PVTrans tham gia các khóa huấn luyện tìm kiếm cứu nạn để cập nhật kiến thức và tiến khai tại PVTrans. Liên hệ với các tổ chức đào tạo có uy tín, chuyên nghiệp để cử nhân sự tham gia đào tạo và nâng cao chất lượng công tác huấn luyện.
- Luôn duy trì việc thực ban thường xuyên và đảm bảo thông tin liên lạc thông suốt, liên tục giữa Đội ứng cứu khẩn cấp, tàu, Ban đạo PVTrans, phòng ban trong các tình huống khẩn cấp, theo dõi chặt chẽ diễn biến thời tiết.
- Định kỳ tổ chức diễn tập các tình huống khẩn cấp theo kế hoạch và diễn tập phối hợp giữa trên bờ, tàu và các ngành chức năng trong việc hỗ trợ ứng phó tình huống khẩn cấp, hàng năm tổ chức diễn tập An ninh - An toàn giữa văn phòng và tàu.
- Thực hiện kiểm tra định kỳ toàn bộ các trang thiết bị và triển khai các biện pháp ứng phó khẩn cấp, đảm bảo an toàn cho con người, tài sản và hoạt động của đội tàu, bến bãi, văn phòng. Khi hướng dẫn với các thuyền viên của PVTrans đã thực được tầm quan trọng của Công tác tìm kiếm cứu nạn, nhất là các thuyền đi có thêm nhiệm vụ việc trên tàu và chấp hành nghiêm đầy đủ các quy định của pháp luật về hoạt động tìm kiếm cứu nạn, công như những quy định của PVTrans.
- Lãnh đạo PVTrans và toàn thể CBCNV nhận thức được vai trò, trách nhiệm và sẵn sàng ứng phó với tình huống khẩn cấp. Luôn chủ động phối hợp với địa phương, các đơn vị thuộc Bộ Công an, Bộ Quốc phòng và các đơn vị khác trong ngành để sẵn sàng ứng phó khi các tình huống khẩn cấp.

Thỏa ước lao động tập thể - bao gồm 100% lao động chính thức của PVTrans - do tạo thế người lao động đại diện là Chủ tịch Công đoàn và người sử dụng lao động ký kết, trong đó quy định rõ các điều kiện liên quan đến an toàn.

Công đoàn phát động và chủ trì hoạt động của mạng lưới an toàn về sinh viên, tổ mạng lưới liên phòng trong việc thực hiện các quy định về sinh an toàn ở từng phòng ban bộ phận. Đây là những người lao động trực tiếp, am hiểu nhiệm

Phát huy vai trò của Công đoàn Tổng công ty

vụ chuyên môn và kỹ thuật an toàn - về sinh lao động, có trình độ nghệ nghiệp, nhiệt tình gương mẫu trong việc chấp hành an toàn - về sinh lao động. Mạng lưới này có nhiệm vụ đầu đốc, kiểm tra giám sát bộ phận/cá nhân nơi mình làm việc chấp hành nghiêm chỉnh các quy định về an toàn về vệ sinh lao động trong sản xuất kinh doanh, tham gia xây dựng kế hoạch an toàn về sinh lao động, và hướng dẫn về quy định an toàn và những lao động mới đến làm việc.



CÔNG TÁC CHĂM LO

SỨC KHỎE, PHÒNG CHỐNG DỊCH BỆNH 2021

Phạt nguy hiểm nghiêm và Hiệu quả giải quyết pháp ủng hộ và Thông hoàng keep từ năm trước, PVTrans tiếp tục triển khai hàng loạt các biện pháp đồng bộ giúp tăng cường sự ủng hộ kịp thời với những tác động do dịch bệnh gây ra, giữ vững và duy trì mức độ SXKD trong năm 2021. PVTrans đã cấp phát kịp thời đầy đủ các trang thiết bị phòng ngừa dịch bệnh cho đội ngũ thuyền viên và CBCNV. Đồng thời,

tiến hành thường xuyên tổ những chỉ đạo giữ cầu toàn bộ thuyền viên và CBCNV nâng cao ý thức và nghiêm túc thực hiện các biện pháp phòng chống dịch bệnh trong quá trình làm việc theo đúng hướng dẫn của Bộ Y tế/Trung tâm y tế/các cơ quan chức năng/khách hàng và của PVTrans. Đặc biệt, ngay khi dịch Covid-19 lan rộng lần thứ 4 bùng phát trong nước, PVTrans đã nhanh chóng triển khai và kiến toàn Ban Chỉ đạo phòng chống Covid-19, chỉ đạo sát sao về đưa ra những quyết sách, phương án và lịch làm phòng chống dịch phù hợp và thích ứng linh hoạt với diễn

biến dịch bệnh trong từng giai đoạn.

Trong dịp cao điểm dịch Covid-19 tại TPHCM và các tỉnh thành phía Nam, PVTrans thực hiện nghiêm túc các giải pháp phòng, chống dịch Covid-19, triển khai thực hiện hiệu quả mô hình văn phòng 2a tại chỗ, song song với hình thức làm việc từ xa thực hiện nhân lực kịp thời triển khai thêm về các nơi hỗ trợ với chính lo sức khỏe cho CBCNV. Bên cạnh đó, PVTrans cũng đã phối hợp với PVFCCA định kỳ tổ chức các nghiệm tập scenario miễn Covid-19, bồi đắp sức khỏe cho CBCNV và an toàn phòng chống dịch bệnh.

Công tác tiêm chủng trong Tổng công ty được đặc biệt quan tâm và khẩn trương triển khai, một dù với số lượng người lao động lớn, làm việc tại nhiều khu vực khác nhau, trong đó thuyền viên chủ yếu làm việc trên các tuyến quốc tế nhưng đến cuối năm 2021 toàn bộ sinh CBCNV vẫn phòng đã được tiêm 2 mũi vắc-xin và đã sẵn sàng tiêm mũi được tiêm ít nhất 01 mũi vắc-xin.

Trong giai đoạn "bình thường mới", PVTrans tiếp tục tăng cường triển khai các biện pháp phòng, chống dịch đảm bảo không chủ quan, lơ là, kiến soát tốt dịch bệnh vì sức khỏe CBCNV, công đồng và an toàn cho hoạt động SXKD của Tổng công ty.



CÔNG TÁC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG 2021

PVTrans luôn có ý thức trong việc bảo vệ môi trường và luôn luôn thi các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Từ khi thành lập cho đến nay, PVTrans chưa để xảy ra bất kỳ sự cố hoặc các vấn đề liên quan đến môi trường. Đối với các loại chất thải trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh, các Bên tiếp bảo vệ môi trường được PVTrans triển khai cụ thể như sau:

Họ và tên	Hướng tiếp nhận	Phương pháp xử lý	Số lượng được xử lý
Chất thải rắn, lỏng và khí thải	Thải đúng vị trí quy định theo quy định	Thải đúng quy định	32.78 tấn
Chất thải nguy hại	Thải đúng vị trí quy định theo quy định	Thải đúng quy định	13 tấn

Không chỉ luôn chú trọng các yếu cầu và quy định về bảo vệ môi trường, PVTrans còn tích cực trong công tác tuyên truyền như sau:

- Thực hiện việc treo băng rôn, khẩu hiệu tại Văn phòng, Trụ sở làm việc và trên toàn đội tàu về các chủ đề của ngày Môi trường thế giới và các nội dung khác liên quan.

- Thực hiện tuyên truyền, vận động toàn thể CBCNV về giữ gìn vệ sinh môi trường và bảo vệ môi trường.
- Sử dụng và tiếp tục khai thác phát triển công nghệ sản phẩm thân thiện với môi trường ít sử dụng nhiên liệu.
- Vận động tập thể thuyền viên trên toàn đội tàu cùng tham gia chương trình với các nội dung: Care Bep và Khu an dưỡng sạch sẽ, ngăn nước. Chế biến thức ăn vụn để, không để dư thừa. Sắp xếp gọn gàng và duy trì vệ sinh sạch sẽ khu bảo dưỡng thực phẩm.



Không chỉ chú trọng triển khai các nhiệm vụ hoàn thành chỉ tiêu kế hoạch SXKD và đầu tư năm 2021 cũng là năm đánh dấu các kết quả nổi bật trong các hoạt động ASXH, thể hiện trách nhiệm của doanh nghiệp và cộng đồng và người lao động.

Đặc biệt, trong việc ủng hộ công tác phòng chống dịch Covid-19, hướng ứng lời kêu gọi của Thủ tướng Chính phủ, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và Tập đoàn Dầu khí Việt Nam trong đợt cao điểm ủng hộ công tác phòng, chống dịch Covid-19 và thể hiện trách nhiệm của doanh nghiệp với cộng đồng, PVTrans đã ủng hộ 5 tỷ đồng cho Quỹ vắc-xin công và 01 ngày lương của toàn thể CBCNV cho Quỹ phòng Covid-19 của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam.

Đồng ý PVTrans cũng đã chỉ đạo Ban điều hành và tổ chức đoàn thể Tổng công ty trao tặng nhiều trẻ em cấp 3 các trường THPT bị lũ lụt trước công tác tiến một hỗ trợ Bệnh viện Huyết Cấy cứu Covid-19 và Bệnh viện Quận đân ỹ

BÁO CÁO VỀ HOẠT ĐỘNG TRÁCH NHIỆM XÃ HỘI

Miền Đông với tổng số nhân hơn **3 tỷ đồng** Đồng thời hoàn thiện các thủ tục chuyển **12,6 tỷ đồng** mua 50 máy thở cao cấp và gần **6 tỷ đồng** mua 5 xe cứu thương, theo phân bổ của Tập đoàn để trợ cho Bộ Y tế hỗ trợ kịp thời cho các tỉnh thành phố vùng tạm dịch tại miền Nam đưa vào sử dụng đầu tư và cứu chữa bệnh nhân nhiễm Covid-19

PVTrans cũng tiếp tục tài trợ các dự án đầu tư xây dựng các công trình trường học và đường xá tại các địa phương gặp khó khăn.





➤ PVITrans thường xuyên ra soát, điều chỉnh Quy chế trả lương thường phù hợp với quy định của pháp luật và lĩnh hình ảnh doanh nghiệp để nhân hơn chế hiện tương xứng công mức chi trả và thu hút lao động giỏi.

➤ Ban hành các chính sách đãi ngộ (lương thưởng, đào tạo, học tập, nghỉ ngơi, lưu trú,...) đối với những người lao động giỏi, cá nhân có quân sự và chuyên môn cao.

CHÍNH SÁCH PHÚC LỢI VÀI NGƯỜI LAO ĐỘNG

➤ PVITrans tổ chức nhiều hoạt động chăm lo đời sống tinh thần cho CBCNV như thăm hỏi, chúc tết và tặng quà cho cán bộ, chuyên viên công tác đang làm việc trên tàu, người lao động cả hoàn cảnh khó khăn, bệnh tật và các làm gương lao động đến từ nhân các cấp kể từ ngày 8/3, ngày 2/9, ngày 20/10...

➤ Đặc biệt, Công đoàn Tổng công ty và trực thuộc đã hỗ trợ người lao động F0 do dịch Covid-19, làm việc chế độ "3 tại chỗ", cả hoàn cảnh khó khăn/ốm nhập nhập, bệnh nhiễm, người/mới việc/nghỉ chỉ việc đó làm hưởng dịch Covid-19 trong đợt bùng phát lần thứ 4 đến nay.

➤ Tổ chức nhiều hoạt động và cuộc thi giúp gắn kết người lao động như cuộc thi ảnh và video "Khao khát nước PVItrans", cuộc thi Bữa cơm gia đình - Chia sẻ yêu thương...

➤ PVITrans luôn tạo điều kiện cho cán bộ công nhân viên nữ được hưởng lương và đủ các chế độ về thời sinh, như nghỉ 06 tháng hưởng lương đầy đủ và nghỉ làm việc 07 giờ trong năm đầu sau khi sinh con.





HOSE
VIỆT NAM
THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN

CHƯƠNG V - BÁO CÁO TÀI CHÍNH 2021

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ

(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021



MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	4 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	8 - 9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	10 - 55

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí (gọi tắt là "Công ty mẹ") và các công ty con (Công ty mẹ và các công ty con sau đây gọi chung là "Tổng Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đã điều hành Tổng Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Phạm Việt Anh	Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 15 tháng 6 năm 2021)
Ông Mai Thế Toàn	Thành viên kiêm Phụ trách Hội đồng quản trị (miễn nhiệm ngày 15 tháng 6 năm 2021)
Ông Nguyễn Duyên Hiếu	Thành viên (bổ nhiệm ngày 15 tháng 6 năm 2021)
Bà Nguyễn Linh Giang	Thành viên (bổ nhiệm ngày 15 tháng 6 năm 2021)
Ông Phạm Anh Tuấn	Thành viên
Ông Lê Mạnh Tuấn	Thành viên

Ban Kiểm soát

Bà Trương Thị Anh Đào	Trưởng ban (bổ nhiệm ngày 15 tháng 6 năm 2021)
Bà Nguyễn Thị Kim Anh	Trưởng ban (miễn nhiệm ngày 15 tháng 6 năm 2021)
Ông Phạm Văn Hưng	Thành viên
Ông Kim Kwang Hynk	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Duyên Hiếu	Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 15 tháng 6 năm 2021)
Ông Phạm Việt Anh	Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 15 tháng 6 năm 2021)
Bà Nguyễn Linh Giang	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 30 tháng 6 năm 2021)
Ông Mai Thế Toàn	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 05 tháng 8 năm 2021)
Ông Nguyễn Đình Thanh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Quốc Thịnh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Việt Long	Phó Tổng Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ
Tầng 2, Tòa nhà PVFCCo, 43 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đakao
Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam


BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tổng Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Tổng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc, 




Nguyễn Duyên Hiếu
Tổng Giám đốc
Ngày 21 tháng 3 năm 2022

Số: 3379/VN1A-HC-BC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc
Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí (gọi tắt là "Công ty mẹ") và các công ty con (Công ty mẹ và các công ty con sau đây gọi chung là "Tổng Công ty"), được lập ngày 21 tháng 3 năm 2022, từ trang 4 đến trang 55, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu đo gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất đo gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.



Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 0138-2018-001-1
CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM
Ngày 21 tháng 3 năm 2022
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Nguyễn Phương Thảo
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 4766-2019-001-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

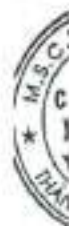
TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm (trình bày lại)
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		4.849.728.123.623	4.662.070.740.676
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	1.283.386.854.560	1.472.901.602.636
1. Tiền	111		365.414.373.186	226.926.288.424
2. Các khoản tương đương tiền	112		917.972.481.374	1.245.975.314.212
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		1.789.507.945.205	1.853.068.816.438
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5	1.789.507.945.205	1.853.068.816.438
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1.476.856.951.153	1.103.386.965.301
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	1.192.941.542.407	889.653.073.285
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		19.756.557.197	12.942.277.527
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	7	359.058.293.683	299.776.867.536
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	8	(95.571.260.316)	(98.985.253.047)
5. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		671.818.182	-
IV. Hàng tồn kho	140	9	141.926.455.000	112.296.418.440
1. Hàng tồn kho	141		141.926.455.000	112.296.418.440
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		158.049.917.705	120.416.937.861
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		26.264.476.520	20.826.287.160
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		128.090.936.701	99.566.599.812
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	19	3.694.504.484	24.050.889



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

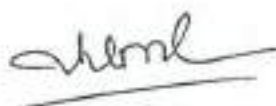
TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm (trình bày lại)
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		7.643.491.677.948	6.437.325.644.055
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		109.810.733.438	19.751.742.208
1. Phải thu dài hạn khác	216	7	109.810.733.438	19.751.742.208
II. Tài sản cố định	220		6.975.627.100.741	5.860.054.469.445
1. Tài sản cố định hữu hình	221	10	6.974.737.026.186	5.858.554.594.549
- Nguyên giá	222		12.303.483.478.842	10.538.865.727.752
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(5.328.746.452.656)	(4.680.311.133.203)
2. Tài sản cố định vô hình	227	11	890.074.555	1.499.874.896
- Nguyên giá	228		8.478.184.397	8.340.073.473
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(7.588.109.842)	(6.840.198.577)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240		1.532.089.450	155.630.810.797
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	12	1.532.089.450	155.630.810.797
IV. Đầu tư tài chính dài hạn	250		194.132.707.726	204.766.329.022
1. Đầu tư vào công ty liên kết	252	13	148.194.940.426	158.828.561.722
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	14	45.937.767.300	45.937.767.300
V. Tài sản dài hạn khác	260		362.389.046.593	197.122.292.583
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	15	268.265.136.424	96.761.454.829
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	16	94.123.910.169	100.360.837.754
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		12.493.219.801.571	11.099.396.384.731



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số đầu năm (trình bày lại)	
			Số cuối năm	Số đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		5.530.022.086.393	4.776.996.251.435
1. Nợ ngắn hạn	310		2.449.919.250.097	2.195.907.057.512
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	17	676.929.311.844	629.989.077.562
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	18	27.582.652.349	32.932.288.021
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	19	61.500.561.988	113.097.974.120
4. Phải trả người lao động	314		238.876.431.333	222.982.410.895
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	20	177.418.356.405	157.785.320.369
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		18.596.984.788	1.524.512.038
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	21	139.133.687.936	144.407.501.145
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	22	778.354.285.393	615.118.710.370
9. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	23	205.134.348.371	160.065.418.248
10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		126.392.629.690	118.003.844.744
II. Nợ dài hạn	330		3.080.102.836.296	2.581.089.193.923
1. Chi phí phải trả dài hạn	333	20	-	4.838.946.703
2. Phải trả dài hạn khác	337	21	538.893.676.840	449.669.433.600
3. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	24	2.468.111.805.631	1.987.479.904.866
4. Dự phòng phải trả dài hạn	342	23	73.097.353.825	139.100.908.754
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		6.963.197.715.178	6.322.400.133.296
1. Vốn chủ sở hữu	410	25	6.963.197.715.178	6.322.400.133.296
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		3.236.512.460.000	3.236.512.460.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		3.236.512.460.000	3.236.512.460.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		967.502.014.089	726.264.850.938
3. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		47.218.399.245	47.218.399.245
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		943.632.958.523	897.900.556.915
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		283.876.223.955	221.815.047.791
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		659.756.734.568	676.085.509.124
5. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		1.768.331.883.321	1.414.503.866.198
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		12.493.219.801.571	11.099.396.384.731



Trần Thị Thục Trang
 Người lập biểu



Đỗ Đức Hùng
 Kế toán trưởng



Nguyễn Duyên Hiếu
 Tổng Giám đốc

Ngày 21 tháng 3 năm 2022

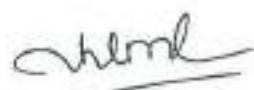
Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

10/1
 HI
 NG
 EL
 (E)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm trước	
			Năm nay	(trình bày lại)
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		7.460.234.126.265	7.382.693.923.902
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01)	10	28	7.460.234.126.265	7.382.693.923.902
3. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	29	6.222.277.497.227	6.252.788.728.382
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		1.237.956.629.038	1.129.905.195.520
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	31	180.227.299.307	272.212.217.378
6. Chi phí tài chính	22	32	156.483.569.802	173.689.228.736
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		142.674.860.677	142.978.691.865
7. Phần lãi trong công ty liên kết	24	13	24.549.751.684	29.649.082.386
8. Chi phí bán hàng	25	33	10.492.585.874	13.866.288.559
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	33	277.486.387.570	250.661.978.044
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+24+(21-22)-(25+26))	30		998.271.136.783	993.548.999.945
11. Thu nhập khác	31		75.325.766.548	75.499.031.033
12. Chi phí khác	32		33.380.207.674	17.884.954.096
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40	34	41.945.558.874	57.614.076.937
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		1.040.216.695.657	1.051.163.076.882
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	35	199.465.028.044	243.142.733.327
16. Chi phí/(thu nhập) thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	16	6.236.927.585	(35.348.137.825)
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		834.514.740.028	843.368.481.380
Phân bổ cho:				
- Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của Công ty mẹ			659.756.734.568	676.085.509.124
- Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát			174.758.005.460	167.282.972.256
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	36	1.933	1.981



Trần Thị Thực Trang
 Người lập biểu



Đỗ Đức Hùng
 Kế toán trưởng



Nguyễn Duyên Hiếu
 Tổng Giám đốc
 Ngày 21 tháng 3 năm 2022

111
 HÀ
 T N
 ITI
 NA
 50

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước (trình bày lại)
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	1.040.216.695.657	1.051.163.076.882
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	929.745.576.847	877.287.072.977
Các khoản dự phòng	03	209.435.897.410	149.977.552.314
(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(15.489.265.886)	13.830.548.327
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(193.828.806.109)	(211.255.059.639)
Chi phí lãi vay	06	142.674.860.677	142.978.691.865
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	2.112.754.958.596	2.023.981.882.726
Tăng các khoản phải thu	09	(506.284.627.376)	(152.574.322.359)
(Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	(29.630.036.560)	15.355.614.856
(Giảm)/tăng các khoản phải trả	11	(81.076.602.776)	84.269.018.917
(Tăng)/giảm chi phí trả trước	12	(178.532.346.329)	8.922.397.657
Tiền lãi vay đã trả	14	(119.800.334.622)	(121.791.891.811)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(234.661.550.516)	(209.398.365.083)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	100.460.722	4.223.000.000
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(134.260.989.804)	(117.433.949.096)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	828.608.931.335	1.535.553.985.807
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(1.935.502.711.608)	(176.147.368.438)
2. Tiền thu thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	100.539.732.045	29.618.352.744
3. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	(2.808.065.265.705)	(3.741.054.284.931)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	2.871.659.042.367	3.366.826.468.493
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	171.895.430.964	194.491.724.438
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(1.599.473.771.937)	(326.265.107.694)



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (TIẾP THEO)
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Đơn vị: VND	
		Năm nay	Năm trước
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	238.921.780.000	-
2. Tiền thu từ đi vay	33	1.635.685.883.664	278.232.333.822
3. Tiền trả nợ gốc vay	34	(909.576.062.305)	(1.054.746.281.184)
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(382.512.410.600)	(168.756.674.200)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<i>40</i>	<i>582.519.190.759</i>	<i>(945.270.621.562)</i>
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50	(188.345.649.843)	264.017.656.551
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	1.472.901.602.636	1.207.921.258.308
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(1.169.098.233)	962.687.777
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60+61)	70	1.283.386.854.560	1.472.901.602.636

Trần Thị Thực Trang

Trần Thị Thực Trang
 Người lập biểu

Đỗ Đức Hùng

Đỗ Đức Hùng
 Kế toán trưởng



Nguyễn Duyên Hiếu

Nguyễn Duyên Hiếu
 Tổng Giám đốc

Ngày 21 tháng 3 năm 2022

CHI
 NG
 VEI
 /1E
 /4P

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

1. THÔNG TIN CHUNG

Hình thức sở hữu vốn

Công ty mẹ

Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí (gọi tắt là "Tổng Công ty") hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0302743192 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp và sửa đổi lần thứ 15 ngày 21 tháng 6 năm 2021. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp này thay thế cho Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103006624 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 07 tháng 5 năm 2007. Tổng Công ty chính thức niêm yết trên Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ngày 10 tháng 12 năm 2007, với mã chứng khoán là PVT.

Tổng số nhân viên của Công ty mẹ tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 908 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020: 900 người).

Hoạt động chính của Tổng Công ty là kinh doanh vận tải dầu thô, dầu sản phẩm, hóa chất, hàng khô và các sản phẩm khí, cung ứng dịch vụ hàng hải, sửa chữa tàu biển và phương tiện nổi, thuê và cho thuê tàu biển, phương tiện vận tải khác.

Sự kiện quan trọng trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính hợp nhất

Sự bất ổn của tình hình đại dịch virus Corona ("Covid-19") trên thế giới trong năm đã gây ra một số biến động đối với nền kinh tế thế giới và ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty. Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đã đánh giá các tác động tiềm tàng của Covid-19 đối với hoạt động kinh doanh, hoạt động tài chính và quản trị của Tổng Công ty, xây dựng và áp dụng các kế hoạch phù hợp để kiểm soát tình hình, đảm bảo duy trì hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Tổng Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính hợp nhất

Số liệu so sánh là số liệu của báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 sau khi được phân loại/trình bày lại như Thuyết minh số 42.

Cấu trúc doanh nghiệp

Thông tin chi tiết về các công ty con của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 như sau:

Các Công ty con

Tên công ty	Nơi đăng ký hoạt động	Số lượng cổ phiếu năm giữ	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết năm giữ	Hoạt động chính
Công ty Cổ phần Hàng Hải Thăng Long (trước đây tên là "Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Vũng Tàu") (sau đây gọi tắt là "Công ty Thăng Long")	Tầng 10, Tòa nhà PVFCCo, số 43 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh	15.600.000	99,85%	99,85%	Kinh doanh vận tải dầu thô và các sản phẩm khí, cung ứng dịch vụ hàng hải, sửa chữa tàu biển và phương tiện nổi, thuê và cho thuê tàu biển, phương tiện vận tải khác, tuyến đặng, đào tạo và cung ứng thuyền viên, kinh doanh xuất khẩu các mặt hàng công, nông, ngư nghiệp, và các mặt hàng phục vụ đời sống dân sinh.
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Hà Nội (Sau đây gọi tắt là "Công ty Hà Nội")	Tầng 5, Tòa nhà Oriental, Số 324 Tây Sơn, Phường Ngã Tư Sở, Quận Đống Đa, TP. Hà Nội	10.780.000	50,50%	50,50%	Kinh doanh vận tải dầu thô và các sản phẩm khí, cung ứng dịch vụ hàng hải, sửa chữa tàu biển và phương tiện nổi, thuê và cho thuê tàu biển, phương tiện vận tải khác, kinh doanh xuất khẩu các mặt hàng công, nông, ngư nghiệp, đồ dùng gia đình và cá nhân, dịch vụ tuyến đặng và cung ứng lao động trong nước, dịch vụ tư vấn, quản lý bất động sản, lý hành nội địa và dịch vụ phục vụ khách du lịch, sản xuất phần mềm tin học, cung cấp dịch vụ giải pháp tin học và mua bán thiết bị tin học.
Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Phương Nam (Sau đây gọi tắt là "Công ty Phương Nam")	Tầng 3, Tòa nhà PVFCCo, số 43 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh	40.563.200	69,63%	53,75%	Kinh doanh vận tải xăng dầu bằng đường biển, đại lý kinh doanh xăng dầu, đại lý hàng hải, dịch vụ môi giới, cung ứng, sửa chữa tàu biển và cho thuê phương tiện vận tải.
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Thái Bình Dương (Sau đây gọi tắt là "Công ty Thái Bình Dương")	Tầng 3, Tòa nhà PVFCCo, số 43 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh	61.200.000	64,92%	64,92%	Kinh doanh vận tải dầu thô, cho thuê phương tiện vận tải, dịch vụ môi giới tàu biển, đại lý hàng hải, cung ứng tàu biển, sửa chữa tàu biển.
Công ty Cổ phần Sản phẩm khí Quốc tế (Sau đây gọi tắt là "Công ty Sản phẩm khí")	Tầng 13, Tòa nhà Saeic, Số 30 Mai Chí Thọ, Phường Thủ Thiêm, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh	37.932.347	67,98%	67,98%	Kinh doanh mua bán phương tiện vận tải, cho thuê tàu, kinh doanh vận tải hàng bằng ô tô, đường thủy nội địa, kinh doanh vận tải biển, dịch vụ: đại lý tàu biển, môi giới hàng hải, cung ứng tàu biển, kiểm đếm hàng hóa, vệ sinh tàu biển, sửa chữa tàu biển tại công, giao nhận hàng hóa xuất nhập khẩu, đào tạo nghề.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Tên công ty	Nơi đăng ký hoạt động	Số lượng cổ phiếu năm giữ	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết năm giữ	Hoạt động chính
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Đông Dương (Sau đây gọi tắt là "Công ty Đông Dương")	Tầng 5A, Tòa nhà Việt Á, Phố Duy Tân, Thành phố Hà Nội	4.267.000	48,67%	48,67%	Kinh doanh vận tải bằng ô tô dưới các hình thức vận chuyển hành khách theo hợp đồng, vận chuyển hành khách theo tuyến cố định, vận tải hàng hóa, xăng dầu, gas; kinh doanh xăng dầu, khí hóa lỏng; kinh doanh gas; chế tạo, sửa chữa bình gas, chuyển đổi phương tiện vận tải sang sử dụng nhiên liệu khí hóa lỏng; sửa xe, bảo dưỡng xe, lắp đặt phụ tùng, phương tiện vận tải.
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu Phương Đông Việt (Sau đây gọi tắt là "Công ty Phương Đông Việt")	PR06, lầu 08 Circleight Tower, số 45 Võ Thị Sáu, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh	16.137.361	51,87%	52,32%	Kinh doanh vận tải biển, kinh doanh vận tải hàng hóa bằng ô tô, kinh doanh vận tải hàng hóa đường thủy nội địa, dịch vụ môi giới hàng hải, dịch vụ cung ứng tàu biển, đại lý hàng hải, dịch vụ sửa chữa tàu biển (không hoạt động tại trụ sở), cho thuê phương tiện vận tải tàu biển, xe ô tô, xe cơ giới và khai thác đá, cát, sỏi, đất sét, dạy nghề, chuẩn bị mặt bằng.
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Quảng Ngãi (Sau đây gọi tắt là "Công ty Quảng Ngãi")	Lô CN08, Đường số 6, Khu công nghiệp Tịnh Phong, Xã Tịnh Phong, Huyện Sơn Tịnh, Tỉnh Quảng Ngãi	760.000	50,67%	50,67%	Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng đường bộ; đại lý tàu biển, đại lý vận tải đường biển và các dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải; dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy, đường bộ và đường hàng không; kinh doanh kho bãi, lưu giữ hàng hóa; vận tải hành khách bằng đường bộ (trừ vận tải bằng xe buýt); vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương; mua bán và cung ứng vật tư, trang thiết bị phục vụ ngành dầu khí, hàng hải; đại lý bán vé máy bay; dịch vụ kỹ thuật dầu khí; kinh doanh dịch vụ môi giới và cung ứng tàu biển.
Công ty Cổ phần Vận tải Nhật Việt (Sau đây gọi tắt là "Công ty Nhật Việt")	151 Nguyễn Văn Thủ, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh	38.760.000	51%	51%	Cung cấp dịch vụ quản lý tàu, cung cấp nhiên liệu trong nước và nhập khẩu tạm thời đối với các tàu biển, tái xuất; vận chuyển khí hóa lỏng LPG trong vùng biển nội địa và quốc tế; dịch vụ: đại lý tàu biển.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 và 31 tháng 12 năm 2020, tỷ lệ vốn góp thực tế của Tổng Công ty tại Công ty Đông Dương là 48,67% trên tổng số vốn thực góp của các cổ đông. Tuy nhiên, đa số các thành viên trong Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc (bao gồm cả Giám đốc) đều là đại diện của Công ty mẹ, Công ty mẹ có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của công ty này. Do đó, Công ty mẹ để trình bày khoản đầu tư góp vốn vào công ty này như một khoản đầu tư vào công ty con.



2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam ("VND"), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty mẹ và báo cáo tài chính của các công ty do Công ty mẹ kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty mẹ có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty mẹ và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng Tổng Công ty được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu (chỉ tiết xem nội dung trình bày dưới đây) và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của năm tài chính phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty mẹ có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty mẹ. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các công ty liên kết được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Công ty mẹ vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Công ty mẹ tại công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Công ty mẹ tại công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

Trong trường hợp một công ty thành viên của Công ty mẹ thực hiện giao dịch với một công ty liên kết với Công ty mẹ, lãi/lỗ chưa thực hiện tương ứng với phần góp vốn của Công ty mẹ vào công ty liên kết, được loại trừ khỏi báo cáo tài chính hợp nhất.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Tổng Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng và phải thu khác, đầu tư tài chính.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Tổng Công ty bao gồm phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả và các khoản vay.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

11.01
CHI
ÔNG
DEL
/111
PHC

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Tổng Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Tổng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư. Dự phòng đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm giá mua và các chi phí liên quan để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp nhập trước xuất trước. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Tổng Công ty được trích lập theo các quy định hiện hành. Theo đó, Tổng Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hình thành do mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Đối với tài sản cố định hình thành do đầu tư xây dựng cơ bản theo phương thức giao thầu hoặc tự xây dựng và sản xuất, nguyên giá là giá quyết toán công trình xây dựng theo quy chế quản lý đầu tư và xây dựng hiện hành, các chi phí khác có liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ (nếu có). Trường hợp dự án đã hoàn thành và đưa vào sử dụng nhưng quyết toán chưa được phê duyệt, nguyên giá tài sản cố định được ghi nhận theo giá tạm tính trên cơ sở chi phí thực tế đã bỏ ra để có được tài sản cố định. Nguyên giá tạm tính sẽ được điều chỉnh theo giá quyết toán được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

112
HÀNH
/ TÀI
/ TÀI
/ NH
30/

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	10
Máy móc, thiết bị	3 - 8
Phương tiện vận tải	5 - 25
Thiết bị văn phòng	2 - 7

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Trong năm 2021, Tổng Công ty đã thay đổi thời gian khấu hao của bốn tàu vận tải gồm Phương Dong Star, PVT Dragon, Oceanus 9, và Annie Gas 09 với thời gian thay đổi lần lượt là từ 18 năm xuống 16 năm, 20 năm xuống 17,5 năm, 12 năm xuống 9 năm, và 7 năm xuống 5 năm. Chi tiết ảnh hưởng của việc thay đổi được trình bày tại Thuyết minh số 10.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản phù hợp với chính sách kế toán của Tổng Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản đưa vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định định kỳ

Đối với tài sản cố định là tàu vận tải thì việc sửa chữa lớn sẽ mang tính chất định kỳ, bao gồm các chi phí sửa chữa và duy tu tàu theo yêu cầu kỹ thuật nhằm khôi phục lại điều kiện và khả năng hoạt động của tàu. Theo quy định kế toán hiện hành thì Tổng Công ty có thể ghi nhận chi phí sửa chữa lớn tàu vận tải khi thực tế phát sinh hay lập dự phòng trích trước vào chi phí sản xuất kinh doanh hàng năm căn cứ vào dự toán và đánh giá của Ban Tổng Giám đốc đối với từng loại tàu. Tổng Công ty và các công ty con hiện đang áp dụng chính sách ghi nhận chi phí sửa chữa lớn tàu vận tải như sau:

- a) Đối với trường hợp ghi nhận theo thực tế phát sinh: Chi phí sửa chữa lớn và duy tu định kỳ sẽ được ghi nhận khi thực tế phát sinh và phân bổ vào kết quả kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng từ ngày phát sinh đến kỳ sửa chữa tiếp theo;
- b) Đối với trường hợp dự phòng trích trước: Chi phí sửa chữa lớn và duy tu định kỳ được trích trước vào chi phí sản xuất kinh doanh căn cứ vào dự toán cho đến kỳ dự kiến việc sửa chữa tài sản xảy ra. Tại kỳ phát sinh việc sửa chữa, nếu chi phí sửa chữa thực tế lớn hơn số trích theo dự toán hoặc ngược lại thì số chênh lệch được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của năm tài chính đó.

Trong năm Công ty Nhật Việt đã thực hiện điều chỉnh hồi tố chính sách kế toán liên quan tới ghi nhận chi phí sửa chữa lớn và duy tu định kỳ của toàn bộ đội tàu vận tải sản phẩm khí từ trích trước sang ghi nhận khi thực tế phát sinh và phân bổ vào kết quả kinh doanh theo phương pháp đường thẳng từ ngày phát sinh đến kỳ sửa chữa tiếp theo. Chi tiết ảnh hưởng của việc thay đổi được trình bày tại Thuyết minh số 42.

Thuê hoạt động

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản.

Tổng Công ty là bên cho thuê

Doanh thu cho thuê hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.



Tổng Công ty là bên đi thuê

Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất, phần mềm máy tính và giấy chứng nhận được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Tổng Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng. Quyền sử dụng đất có thời hạn được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng lô đất. Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn sẽ không trích khấu hao.

Phần mềm máy tính và giấy chứng nhận được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế và được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 3 năm đến 6 năm.

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định, chi phí thuê văn phòng, chi phí bảo hiểm tàu và các chi phí trả trước khác được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Tổng Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Tổng Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Tổng Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Tổng Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Tổng Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Tổng Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư tài chính được ghi nhận khi Tổng Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện thể hiện số tiền đã nhận trước từ khách hàng về cho thuê tài sản nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán. Doanh thu chưa thực hiện được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Chi phí lãi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh hợp nhất trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập tính thuế trong năm. Thu nhập tính thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập tính thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính hợp nhất và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Tổng Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Tổng Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Việc xác định thuế thu nhập của Tổng Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ khen thưởng, phúc lợi được trích từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Tổng Công ty để dùng cho công tác khen thưởng, khuyến khích lợi ích vật chất, phục vụ nhu cầu phúc lợi công cộng, cải thiện và nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của người lao động. Việc trích lập và sử dụng quỹ khen thưởng, phúc lợi tuân thủ theo các quy định về kế toán và tài chính hiện hành.

Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Tổng Công ty và được sử dụng vào việc đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của doanh nghiệp. Việc trích và sử dụng quỹ đầu tư phát triển tuân thủ theo các quy định về kế toán và tài chính hiện hành.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tiền mặt	1.557.513.050	3.516.614.886
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	363.856.860.136	223.409.673.538
Các khoản tương đương tiền (*)	917.972.481.374	1.245.975.314.212
	<u>1.283.386.854.560</u>	<u>1.472.901.602.636</u>

(*) Các khoản tương đương tiền thể hiện các khoản tiền gửi bằng Đồng Việt Nam, Đô la Mỹ và Euro có kỳ hạn dưới 3 tháng tại các ngân hàng thương mại với lãi suất hàng năm được hưởng từ 0,2% đến 4% (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020: lãi suất hàng năm được hưởng từ 0,1% đến 4%).

5. ĐẦU TƯ NĂM GIỮ TỚI NGÀY ĐÁO HẠN

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND
Tiền gửi có kỳ hạn (*)	1.789.507.945.205	1.789.507.945.205	1.853.068.816.438	1.853.068.816.438
	<u>1.789.507.945.205</u>	<u>1.789.507.945.205</u>	<u>1.853.068.816.438</u>	<u>1.853.068.816.438</u>

(*) Tiền gửi có kỳ hạn ngắn hạn thể hiện các khoản tiền gửi bằng Đồng Việt Nam có kỳ hạn còn lại không quá 12 tháng tại các ngân hàng thương mại với lãi suất hàng năm được hưởng từ 3,2%/năm đến 6,3%/năm (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020: 3,7%/năm đến 7,1%/năm).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Tổng Công ty và các công ty con đã sử dụng một số khoản đầu tư năm giữ đến ngày đáo hạn tại ngân hàng thương mại với số tiền là 5.000.000.000 đồng làm tài sản đảm bảo cho khoản vay ngắn hạn (Thuyết minh số 22), 140.000.000.000 đồng làm tài sản đảm bảo cho khoản vay dài hạn (Thuyết minh số 24), 10.247.945.205 đồng làm tài sản đảm bảo cho các nghĩa vụ trả nợ, bảo lãnh thanh toán, và 6.500.000.000 đồng làm bảo lãnh cho việc thực hiện các hợp đồng kinh tế.

6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a) Phải thu khách hàng là bên thứ ba		
Premier Oil Vietnam Offshore B.V	50.953.761.700	32.486.340.495
Công ty TNHH Khí đốt Thăng Long	96.482.277.636	-
Công ty TNHH Sellan Gas	15.477.818.664	-
Các đối tượng khác	275.340.328.790	368.121.988.304
b) Phải thu khách hàng là các bên liên quan (Thuyết minh số 40)	754.687.355.617	489.044.744.486
	<u>1.192.941.542.407</u>	<u>889.653.073.285</u>

7. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm (trình bày lại) VND
a) Ngắn hạn		
Kỳ cược, kỳ quỹ	162.410.103.407	112.416.679.733
Tạm ứng cho nhân viên	10.695.849.282	11.676.870.727
Trích trước lãi tiền gửi Ngân hàng	25.858.208.663	36.997.931.218
Phải thu tiền bồi thường (*)	77.610.499.530	77.693.973.000
Phải thu khác là các bên liên quan (Thuyết minh số 40)	27.708.950.323	13.776.809.348
Các đối tượng khác	54.774.682.478	47.214.603.510
	<u>359.058.293.683</u>	<u>299.776.867.536</u>
b) Dài hạn		
Kỳ cược, kỳ quỹ	109.711.859.191	19.506.596.158
Phải thu khác	98.874.247	245.146.050
	<u>109.810.733.438</u>	<u>19.751.742.208</u>

(*) Phải thu tiền bồi thường thể hiện khoản phải thu của Công ty Thái Bình Dương (Công ty con của Tổng Công ty) liên quan tới Bà Huỳnh Thị Huyền Như. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc đã đánh giá khả năng thu hồi số tiền này là thấp và đã trích lập dự phòng toàn bộ cho khoản phải thu này trong năm 2012.

8. DỰ PHÒNG PHẢI THU NGẮN HẠN KHÓ ĐÒI

Đối tượng nợ	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Đối tượng nợ				
Phải thu tiền bồi thường	77.610.499.530	-	77.693.973.000	-
Công ty Cổ phần Vận tải biển Anh Vũ	3.082.546.497	-	3.107.171.553	-
Vitol Asia Pte Ltd	-	-	2.043.177.000	-
Đối tượng khác	14.878.214.289	-	17.859.724.172	1.518.792.678
	<u>95.571.260.316</u>	<u>-</u>	<u>100.504.045.725</u>	<u>1.518.792.678</u>

9. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng đi đường	-	-	486.520.933	-
Nguyên liệu, vật liệu	141.421.729.362	-	110.463.118.999	-
Công cụ, dụng cụ	-	-	7.600.000	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	17.425.762	-	251.185.162	-
Thành phẩm	10.527.908	-	114.311.406	-
Hàng hoá	476.771.968	-	973.681.940	-
	<u>141.926.455.000</u>	-	<u>112.296.418.440</u>	-



0106
H H
G T
LOI
Ệ T
HỒ K

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

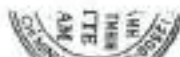
MÃ SỐ B 09-01/HV

10. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ					
Số dư đầu năm	6.833.645.056	10.512.383.083	10.503.184.756.769	18.334.942.842	10.558.865.727.752
Mua trong năm	-	11.542.936.904	1.916.512.139.664	1.238.760.817	1.929.293.837.465
Xây dựng cơ bản hoàn thành	-	-	175.809.290.326	-	175.809.290.326
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(340.184.843.156)	(294.473.545)	(340.479.316.701)
Phân loại lại	-	2.180.194.374	(1.523.275.058)	(656.919.316)	-
Số dư cuối năm	6.833.645.056	24.235.514.443	12.258.792.068.545	18.622.330.798	12.303.483.478.842
GIÁ TRỊ HAO MÒN LƯỸ KẾ					
Số dư đầu năm	(697.142.928)	(6.605.316.594)	(4.656.244.516.236)	(16.764.157.445)	(4.680.311.133.203)
Khấu hao trong năm	(300.046.224)	(868.654.541)	(925.771.289.206)	(1.955.075.611)	(928.875.065.582)
Thanh lý, nhượng bán	-	-	280.145.272.584	294.473.545	280.439.746.129
Phân loại lại	(52.972.632)	(1.518.321.430)	1.010.376.679	560.937.383	-
Số dư cuối năm	(1.050.161.784)	(8.972.292.565)	(5.300.860.156.179)	(17.863.841.126)	(5.328.740.452.656)
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày cuối năm	5.783.483.272	15.263.221.878	6.952.931.852.366	758.468.670	6.974.737.026.186
Tại ngày đầu năm	6.136.502.128	3.907.066.491	5.846.940.240.533	1.570.785.397	5.858.554.564.549

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 24, Tổng Công ty đã thế chấp một số phương tiện vận tải với tổng nguyên giá và giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 lên lượt là 8.784.145.178.596 đồng và 5.936.252.289.724 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 8.333.422.864.516 đồng và 5.223.356.672.274 đồng) làm tài sản đảm bảo cho các khoản vay dài hạn.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Tổng Công ty có một số tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với nguyên giá là 1.215.699.495.120 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020: 1.226.131.838.440 đồng).



Trong năm 2021, Công ty Phương Đông Việt đã thay đổi thời gian hữu dụng của phương tiện vận tải là tàu Phương Đông Star từ 18 năm xuống 16 năm. Ban Tổng Giám đốc đã thông qua chủ trương và phê duyệt kế hoạch bán tàu Phương Đông Star và hiện Công ty Phương Đông Việt đang triển khai các công tác tổ chức, thực hiện việc bán tàu này. Ban Tổng Giám đốc đánh giá và tin tưởng rằng việc thay đổi thời gian khấu hao của tài sản là phù hợp với tình hình thực tế sử dụng tài sản, tình trạng kỹ thuật và kế hoạch khai thác các tàu này. Nếu thời gian khấu hao trước đây được tiếp tục sử dụng, giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp năm 2021 sẽ giảm với số tiền là 13.301.345.584 đồng và lợi nhuận trước thuế trong năm 2021 sẽ tăng với số tiền tương ứng.

Trong năm 2021, Công ty Thăng Long đã thay đổi thời gian hữu dụng của phương tiện vận tải là tàu PVT Dragon từ 20 năm xuống 17,5 năm để đảm bảo thời gian khấu hao không vượt quá tuổi thọ kỹ thuật của tàu. Ban Tổng Giám đốc đánh giá và tin tưởng rằng việc thay đổi thời gian khấu hao của tài sản là phù hợp với tình hình thực tế sử dụng tài sản, tình trạng kỹ thuật và kế hoạch khai thác các tàu này. Nếu thời gian khấu hao trước đây được tiếp tục sử dụng, giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp năm 2021 sẽ giảm với số tiền là 7.783.841.891 đồng và lợi nhuận trước thuế trong năm 2021 sẽ tăng với số tiền tương ứng.

Trong năm 2021, Công ty Nhật Việt đã thay đổi thời gian hữu dụng của phương tiện vận tải là tàu Oceanus 9 từ 12 năm xuống 9 năm, và tàu Annie Gas 09 từ 7 năm xuống 5 năm để phù hợp với kế hoạch khai thác các tàu này. Ban Tổng Giám đốc đánh giá và tin tưởng rằng việc thay đổi thời gian khấu hao của tài sản là phù hợp với tình trạng kỹ thuật và tình hình thực tế sử dụng tài sản. Nếu thời gian khấu hao trước đây được tiếp tục sử dụng, giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp năm 2021 sẽ giảm với số tiền là 34.503.848.888 đồng và lợi nhuận trước thuế trong năm 2021 sẽ tăng với số tiền tương ứng.

11. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm VND	Giấy chứng nhận VND	Tổng VND
NGUYỄN GIÁ			
Số dư đầu năm	8.163.732.923	176.340.550	8.340.073.473
Mua trong năm	260.710.924	-	260.710.924
Giảm trong năm	(122.600.000)	-	(122.600.000)
Số dư cuối năm	8.301.843.847	176.340.550	8.478.184.397
Số dư đầu năm	(6.724.122.316)	(116.076.261)	(6.840.198.577)
Khấu hao trong năm	(863.219.608)	(7.291.657)	(870.511.265)
Giảm trong năm	122.600.000	-	122.600.000
Số dư cuối năm	(7.464.741.924)	(123.367.918)	(7.588.109.842)
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày cuối năm	837.101.923	52.972.632	890.074.555
Tại ngày đầu năm	1.439.610.607	60.264.289	1.499.874.896

12. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỨ DANG

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tàu PVT Venus (*)	-	155.428.485.797
Khác	1.532.089.450	202.325.000
	1.532.089.450	155.630.810.797

(*) Tại ngày 07 tháng 01 năm 2021, Công ty Phương Đông Việt đã hoàn thành tiếp nhận tàu PVT Venus với giá trị nghiệm thu là 171 tỷ đồng.

13. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT

Đầu tư vào công ty liên kết:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Đầu tư vào công ty liên kết	98.000.000.000	98.000.000.000
Phần lợi nhuận phát sinh sau ngày đầu tư trừ cổ tức được chia	50.194.940.426	60.828.561.722
	<u>148.194.940.426</u>	<u>158.828.561.722</u>

Giá gốc khoản đầu tư và thông tin chi tiết về công ty liên kết tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 như sau:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Công ty Cổ phần Dịch vụ Khai thác Dầu khí PTSC	98.000.000.000	98.000.000.000
	<u>98.000.000.000</u>	<u>98.000.000.000</u>

Công ty Cổ phần Dịch vụ Khai thác Dầu khí PTSC được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3501811660 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp ngày 01 tháng 4 năm 2011. Tổng Công ty đã góp 98 tỷ đồng, tương ứng với 49% tổng vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. Hoạt động chính của công ty này là dịch vụ vận hành và bảo dưỡng các công trình khai thác dầu khí; hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác dầu thô và khí tự nhiên; cung cấp lao động chuyên ngành dầu khí.

Thông tin tài chính tóm tắt về công ty liên kết được trình bày như sau:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tổng tài sản	570.147.361.336	636.711.602.809
Tổng công nợ	(267.708.707.406)	(312.571.680.928)
Tài sản thuần	<u>302.438.653.930</u>	<u>324.139.921.881</u>
Phần tài sản thuần khoản đầu tư vào công ty liên kết	<u>148.194.940.426</u>	<u>158.828.561.722</u>

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận sau thuế	<u>50.101.534.049</u>	<u>60.508.331.400</u>
Lợi nhuận thuần từ khoản đầu tư vào công ty liên kết	<u>24.549.751.684</u>	<u>29.649.082.386</u>

14. ĐẦU TƯ GÓP VỐN VÀO ĐƠN VỊ KHÁC

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
PV KEEZ Pte., Ltd.	45.937.767.300	-	45.937.767.300	-
	<u>45.937.767.300</u>	<u>-</u>	<u>45.937.767.300</u>	<u>-</u>

Giấy chứng nhận đầu tư ra nước ngoài do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp ngày 16 tháng 7 năm 2010, Tổng Công ty được phép liên doanh với 3 công ty nước ngoài thành lập Công ty PV KEEZ Pte. Ltd. tại Singapore với mục đích cung cấp tàu chứa và xử lý dầu thô cho mỏ Chìm Sáo và Dừa. Tổng vốn đầu tư của dự án là 405 triệu đô la Mỹ, trong đó, vốn đầu tư ra nước ngoài của nhà đầu tư Việt Nam là 9 triệu đô la Mỹ. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 và ngày 31 tháng 12 năm 2020, Tổng Công ty đã góp 2.389.343 Đô la Mỹ.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, khoản đầu tư vào đơn vị khác không có dấu hiệu giảm giá, nên dự phòng không cần thiết phải trích lập.

15. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	(trình bày lại) VND
Chi phí sửa chữa lớn tàu	209.422.553.078	66.339.785.409
Chi phí trả trước về công cụ, dụng cụ	18.587.852.497	23.563.415.664
Chi phí trả trước về thuê hoạt động tài sản	20.662.871.537	-
Chi phí dài hạn khác	19.591.859.312	6.858.253.756
	<u>268.265.136.424</u>	<u>96.761.454.829</u>

Số dư đầu năm của chi phí trả trước dài hạn được trình bày lại do Công ty Nhật Việt thực hiện thay đổi chính sách kế toán liên quan đến việc ghi nhận chi phí sửa chữa lớn và duy tu đội tàu từ trích trước theo dự toán sang ghi nhận theo thực tế phát sinh và phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh. Chi tiết ảnh hưởng của việc thay đổi được trình bày tại Thuyết minh số 42.

11/2021

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Mẫu số B-CĐ-ON/HH

16. TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP HOÀN LẠI

	Dự phòng	Chi phí trích trước	Khác	Tổng cộng
Số dư đầu năm trước (trình bày lại)	12.813.941.361	16.594.111.482	35.606.647.000	65.012.699.829
Ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm (trình bày lại)	838.561.027	1.800.305.477	32.708.171.321	35.348.137.825
Số dư đầu năm nay (trình bày lại)	13.650.502.388	18.394.416.959	68.315.918.407	100.360.837.754
Ghi nhận/(hoàn nhập) vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm	13.009.302.212	(511.641.733)	(18.734.588.064)	(6.236.927.585)
Số dư cuối năm nay	26.659.804.600	17.882.775.226	49.581.330.343	94.123.910.169

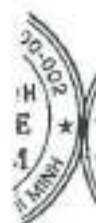
17. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm (trình bày lại) VND
Công ty Cổ phần Dầu khí FGas	16,636,291.620	142,207,992.676
Công ty TNHH Vận tải Dầu khí OPEC	13,936,246.328	23,162,958.315
Công ty Cổ phần cung ứng nhiên liệu tàu biển Vina	29,411,733.870	5,699,962.000
Phải trả người bán là các bên liên quan (Thuyết minh số 40)	128,540,445.332	97,626,606.941
Phải trả cho các đối tượng khác	488,404,594.694	361,291,557.630
	<u>676,929,311.844</u>	<u>629,989,077.562</u>

Tổng Công ty có khả năng thanh toán toàn bộ số dư phải trả người bán ngắn hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 và 31 tháng 12 năm 2020.

18. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
DHT Management AS	3,196,811.469	-
Arcadia Fuels Pty. Ltd.	-	8,738,117.371
Daelim Corporation, Korea	-	2,769,811.139
Khác	24,385,840.880	21,424,359.511
	<u>27,582,652.349</u>	<u>32,932,288.021</u>



19. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/PHẢI TRẢ NHÀ NƯỚC

	Số đầu năm VNĐ	Số phải thu trong năm VNĐ	Số đã thực thu trong năm VNĐ	Số cuối năm VNĐ
a) Các khoản phải thu				
Thuế giá trị gia tăng	18.995.773	-	-	18.995.773
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	3.647.628.300	-	3.647.628.300
Thuế thu nhập cá nhân	5.055.116	115.979.629	95.109.176	25.925.569
Các loại thuế khác	-	1.954.842	-	1.954.842
	<u>24.050.889</u>	<u>3.765.562.771</u>	<u>95.109.176</u>	<u>3.694.504.484</u>
	Số đầu năm (trình bày lại) VNĐ	Số phải nộp trong năm VNĐ	Số đã thực nộp trong năm VNĐ	Số cuối năm VNĐ
b) Các khoản phải trả				
Thuế giá trị gia tăng	21.951.800.507	173.682.980.333	192.063.566.710	3.570.617.130
Thuế xuất, nhập khẩu	47.180.000	22.521.343.251	22.556.300.905	12.213.349
Thuế thu nhập doanh nghiệp	83.947.825.999	199.465.028.044	281.013.922.216	52.398.929.827
Thuế thu nhập cá nhân	6.783.234.261	43.136.456.790	44.448.111.927	5.471.579.054
Thuế nhà thầu	131.973.498	2.787.297.059	3.119.270.557	-
Thuế môn bài	-	28.000.000	28.000.000	-
Các loại thuế khác	35.058.871	7.599.494.931	7.568.231.175	47.212.626
	<u>113.897.974.120</u>	<u>449.220.003.358</u>	<u>500.817.412.490</u>	<u>61.500.561.988</u>

20. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	Số cuối năm VND	Số đầu năm (trình bày lại) VND
a) Ngắn hạn		
Chi phí lãi vay	132.837.615.827	113.147.849.945
Chi phí thuê tàu	16.973.355.965	20.964.286.838
Phí đại lý	3.791.598.144	5.685.173.291
Phí quản lý	-	7.355.030.511
Chi phí khác	23.815.786.469	10.632.979.784
	<u>177.418.356.405</u>	<u>157.785.320.369</u>
b) Dài hạn		
Phí hoa hồng đại lý	-	4.838.946.703
	-	<u>4.838.946.703</u>

21. PHẢI TRẢ KHÁC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm (trình bày lại) VND
a) Ngắn hạn		
Kinh phí công đoàn	3.228.216.789	2.916.144.255
Bảo hiểm xã hội	1.854.388.847	1.765.648.978
Bảo hiểm y tế	93.240.319	107.447.331
Bảo hiểm thất nghiệp	50.194.371	63.389.710
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	41.661.981.929	25.303.679.846
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	7.562.183.690	15.925.940.290
Phải trả khác là các bên liên quan (Thuyết minh số 40)	50.701.218.332	48.908.518.332
Các khoản phải trả khác	33.982.263.659	49.416.732.403
	<u>139.133.687.936</u>	<u>144.407.501.145</u>
b) Dài hạn		
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	120.090.643.240	30.866.400.000
Phải trả khác là các bên liên quan (Thuyết minh số 40)	418.803.033.600	418.803.033.600
	<u>538.893.676.840</u>	<u>449.669.433.600</u>

Phải trả khác ngắn hạn và dài hạn với bên liên quan thể hiện khoản tiền mua tàu vận tải dầu thô trọng tải 104.000 DWT từ Tập đoàn Dầu khí Việt Nam với tổng giá trị hợp đồng là 618.458.400.000 đồng. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Tổng Công ty và Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam đang trong quá trình thực hiện các thủ tục để ký kết Phụ lục hợp đồng xác định lại lịch thanh toán. Chi tiết ảnh hưởng của việc trình bày lại được trình bày tại Thuyết minh số 42.

22. VAY NGẮN HẠN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Vay ngắn hạn (*)	48.113.985.654	59.848.282.487
Vay dài hạn đến hạn trả (xem Thuyết minh số 24)	730.240.299.739	555.270.427.883
	<u>778.354.285.393</u>	<u>615.118.710.370</u>

010
HI N
IG T
ELC
IET
5/10

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

MẪU SỐ B 09-DN/HN

(*) Trong đó vay ngắn hạn bao gồm:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam	48.113.985.654	54.890.463.250
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng	-	4.957.819.237
	<u>48.113.985.654</u>	<u>59.848.282.487</u>

Tổng Công ty đã ký hợp đồng vay ngắn hạn với các ngân hàng thương mại bằng Đồng Việt Nam và Đô la Mỹ. Các hợp đồng này có Tổng hạn mức tín dụng là 50.000.000.000 đồng. Các khoản vay này được đảm bảo bằng một số hợp đồng tiền gửi (Thuyết minh số 5), chịu lãi suất hàng năm từ 5,5% đến 6,6% (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020: lãi suất hàng năm từ 5,5% đến 8%).

23. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ

	Chi phí sửa chữa lớn tàu đầu thô và sản phẩm khí VND	Dự phòng khác VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu năm (trình bày lại)	272.032.697.627	27.133.629.375	299.166.327.002
Trích lập trong năm	191.312.134.913	21.537.755.228	212.849.890.141
Hoàn nhập trong năm	(74.226.779.158)	(16.544.702.704)	(90.771.481.862)
Các khoản dự phòng đã sử dụng	<u>(143.013.033.085)</u>	-	<u>(143.013.033.085)</u>
Số dư cuối năm	<u>246.105.020.297</u>	<u>32.126.681.899</u>	<u>278.231.702.196</u>

Chi tiết các khoản dự phòng phải trả:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm (trình bày lại) VND
Dự phòng phải trả ngắn hạn	205.134.348.371	160.065.418.248
Dự phòng phải trả dài hạn	73.097.353.825	139.100.908.754
	<u>278.231.702.196</u>	<u>299.166.327.002</u>

24. VAY DÀI HẠN

	Số đầu năm		Trong năm		Số cuối năm
	Giá trị VND	Nhận nợ VND	Hoàn trả VND	Chênh lệch tỷ giá VND	Giá trị VND
Vay dài hạn	2.542.750.332.749	1.469.527.725.624	(794.975.536.765)	(18.950.416.238)	3.198.352.105.370

Tổng Công ty có khả năng thanh toán toàn bộ số dư nợ vay dài hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 và 31 tháng 12 năm 2020.

Chi tiết số dư các khoản vay tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a. Vay dài hạn đến hạn trả		
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong	223.559.933.579	104.326.681.764
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Đông	87.643.484.245	88.908.579.320
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại chúng Việt Nam	81.657.888.432	113.727.425.617
Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam	130.726.768.123	118.660.415.800
Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam	101.868.762.504	101.868.762.504
Ngân hàng OCBC	36.580.320.000	-
Ngân hàng Wooribank Việt Nam	66.403.142.856	23.436.000.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	1.800.000.000	1.550.000.000
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội	-	2.792.562.878
	730.240.299.739	555.270.427.883
b. Vay dài hạn		
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong	945.105.082.774	452.558.823.440
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Đông	360.911.344.362	455.062.058.180
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại chúng Việt Nam	302.947.616.374	387.162.624.959
Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam	336.424.388.127	376.553.980.052
Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam	169.638.192.164	237.550.700.500
Ngân hàng OCBC	118.886.040.000	-
Ngân hàng Wooribank Việt Nam	226.820.571.430	70.118.000.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	7.378.570.400	7.581.344.000
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội	-	892.373.735
	2.468.111.805.631	1.987.479.904.866

Tổng Công ty đã ký một số hợp đồng vay dài hạn với các ngân hàng thương mại, tổ chức tài chính và hợp đồng bảo lãnh với Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam. Các hợp đồng này có tổng hạn mức tín dụng là 2.126,8 tỷ đồng và 142.479.500 Đô la Mỹ. Các khoản vay được đảm bảo bằng một số hợp đồng tiền gửi (Thuyết minh số 5), phương tiện vận chuyển của Tổng Công ty (Thuyết minh số 10) và phần vốn góp của Tổng Công ty trong Công ty Nhật Việt. Các khoản vay này chịu lãi suất hàng năm theo lãi suất huy động vốn cộng từ 2,2%/năm đến 3,5%/năm cho khoản vay bằng tiền Đô la Mỹ, lãi suất hàng năm theo lãi suất huy động vốn cộng từ 1,1% đến 5% cho khoản vay bằng tiền Đồng Việt Nam.

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Trong vòng một năm	730.240.299.739	555.270.427.883
Trong năm thứ hai	765.973.962.251	505.617.075.636
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	1.231.969.206.730	1.202.412.997.129
Sau năm năm	470.168.636.651	279.449.832.101
	3.198.352.105.370	2.542.750.332.749
Trừ: Số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần vay ngắn hạn)	(730.240.299.739)	(555.270.427.883)
Số phải trả sau 12 tháng	2.468.111.805.631	1.987.479.904.866

25. VỐN CHỦ SỞ HỮU

	<u>Số cổ phần</u>	<u>Số cuối năm</u> <u>VND</u>	<u>Số cổ phần</u>	<u>Số đầu năm</u> <u>VND</u>
Được phép phát hành	323.651.246	3.326.512.460.000	323.651.246	3.326.512.460.000
Đã phát hành và góp vốn đủ	323.651.246	3.326.512.460.000	323.651.246	3.326.512.460.000

<u>Cổ phần</u>	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phần đã bán ra công chúng + Cổ phần phổ thông	323.651.246	323.651.246
Số lượng cổ phần đang lưu hành + Cổ phần phổ thông	323.651.246	323.651.246

Tổng Công ty chỉ phát hành một loại cổ phần phổ thông không được hưởng cổ tức cố định có mệnh giá 10.000 đồng một cổ phần. Cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông được nhận cổ tức khi được công bố và có quyền biểu quyết theo tỷ lệ một quyền biểu quyết cho mỗi cổ phần sở hữu tại các cuộc họp cổ đông của Tổng Công ty. Các cổ phần đều có quyền thừa hưởng như nhau đối với số tài sản thuần của Tổng Công ty.

Chi tiết cổ đông sở hữu từ 5% cổ phần trở lên tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>VND</u>	<u>%</u>	<u>VND</u>	<u>%</u>
Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam	1.650.664.920.000	51	1.650.664.920.000	51
Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam	164.091.560.000	5,07	164.091.560.000	5,07

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MÃU SỐ B 09-DN/NN

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Lợi ích cổ đông không kiểm soát VND	Tổng VND
Số dư đầu năm trước (trình bày lại)	1.814.401.820.000	528.672.745.977	47.218.399.245	1.006.493.471.928	1.324.745.728.681	5.721.531.965.831
Lợi nhuận trong năm (trình bày lại)	-	-	-	676.085.509.124	167.282.972.256	843.368.481.380
Cổ tức công bố	422.130.840.000	-	-	(534.686.904.800)	(67.774.424.000)	(180.350.488.800)
Phân phối quỹ	-	197.592.104.961	-	(197.771.255.851)	(388.942.165)	(368.093.055)
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	(41.001.422.458)	(6.165.858.076)	(47.167.280.534)
Thù lao Ban Tổng Giám đốc, Hội đồng Quản trị	-	-	-	(6.775.100.876)	(1.641.814.345)	(10.416.915.221)
Điều chỉnh khác	-	-	-	(2.443.740.152)	(1.753.796.153)	(4.197.536.305)
Số dư đầu năm nay (trình bày lại)	3.236.512.460.000	726.264.850.938	47.218.399.245	897.990.556.815	1.414.503.866.196	6.322.400.133.296
Tăng vốn trong năm	-	-	-	-	238.921.780.000	238.921.780.000
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	659.756.734.568	174.758.005.460	834.514.740.028
Cổ tức công bố	-	-	-	(323.651.246.000)	(50.487.408.000)	(374.138.654.000)
Phân phối quỹ	-	341.287.161.151	-	(241.433.191.167)	(192.525.276)	(388.555.287)
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	(35.006.120.444)	(6.845.221.958)	(41.851.344.000)
Thù lao Ban Tổng Giám đốc, Hội đồng Quản trị	-	-	-	(8.200.414.962)	(2.205.594.898)	(10.407.011.878)
Điều chỉnh khác	-	-	-	(5.733.354.372)	(110.014.509)	(5.843.372.981)
Số dư cuối năm nay	3.236.512.460.000	967.502.014.089	47.218.399.245	948.632.958.529	1.756.331.883.321	6.965.197.715.175

Số trích lập các quỹ và cổ tức công bố trong năm căn cứ theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/VTDK-DHĐCĐ2021 ngày 15 tháng 6 năm 2021 của Công ty mẹ và các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông của các công ty con. Tổng Công ty đã thực hiện thanh toán cổ tức bằng tiền trong năm 2021. Tuy nhiên một phần cổ tức chưa được thanh toán do cổ đông chưa tới nhận đang được ghi nhận ở mục Phải trả ngắn hạn khác (xem tại Thuyết minh số 21).

26. KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngoại tệ các loại

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Đô la Mỹ ("USD")	5.082.322	3.794.253
- Euro ("EUR")	1.924.171	1.574.597
- Đô la Singapore ("SGD")	-	8.279

27. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Để phục vụ mục đích quản lý, cơ cấu tổ chức của Tổng Công ty được chia thành 4 bộ phận hoạt động: Bộ phận kinh doanh dịch vụ vận tải, Bộ phận kinh doanh dịch vụ hàng hải dầu khí, Bộ phận kinh doanh thương mại và Bộ phận kinh doanh dịch vụ khác. Tổng Công ty lập báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh bộ phận theo bốn bộ phận kinh doanh này. Hoạt động chủ yếu của bốn bộ phận kinh doanh trên như sau:

- Bộ phận kinh doanh dịch vụ vận tải: kinh doanh vận tải bằng tàu, xe taxi và xe bồn;
- Bộ phận kinh doanh dịch vụ hàng hải dầu khí: kinh doanh dịch vụ cung cấp kho nổi và quản lý kho nổi cho mỏ dầu;
- Bộ phận kinh doanh thương mại: kinh doanh mua bán mặt hàng LPG, xăng dầu và hàng hóa khác;
- Bộ phận kinh doanh dịch vụ khác.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Mẫu số B-CO-01/HN

Các thông tin bổ phân về hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty như sau:

Bảng cân đối kế toán hợp nhất

Số cuối năm	Dịch vụ vận tải VND	Dịch vụ hàng hải dầu khí VND	Thương mại VND	Dịch vụ khác VND	Tổng VND
Tài sản bộ phận	9.673.882.325.062	2.311.809.680.275	112.645.659.517	5.605.434.796	12.103.943.099.650
Lãi từ công ty liên kết					50.194.940.426
Tài sản không phân bổ					339.081.761.495
Tổng tài sản hợp nhất					<u>12.498.219.801.571</u>
Nợ phải trả bộ phận	4.464.057.176.985	662.564.323.361	126.796.787.057	5.739.000.939	5.259.157.288.342
Nợ phải trả không phân bổ					270.864.798.051
Tổng nợ phải trả hợp nhất					<u>5.530.022.086.393</u>
Số đầu năm (trình bày lại)	Dịch vụ vận tải VND	Dịch vụ hàng hải dầu khí VND	Thương mại VND	Dịch vụ khác VND	Tổng VND
Tài sản bộ phận	8.686.000.331.742	1.701.231.173.710	158.526.076.212	2.366.701.565	10.548.124.283.229
Lãi từ công ty liên kết					60.828.561.722
Tài sản không phân bổ					490.443.539.700
Tổng tài sản hợp nhất					<u>11.099.396.384.731</u>
Nợ phải trả bộ phận	4.098.554.380.153	473.665.326.692	23.757.013.281	4.272.377.764	4.800.248.095.800
Nợ phải trả không phân bổ					176.747.158.545
Tổng nợ phải trả hợp nhất					<u>4.776.996.251.435</u>



**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

Mẫu số 8-09-DM/HN

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

Năm nay

	Dịch vụ vận tải VNĐ	Dịch vụ hàng hải dầu khí VNĐ	Thương mại VNĐ	Dịch vụ khác VNĐ	Tổng VNĐ
Doanh thu					
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	5.397.024.030.625	1.349.404.552.711	692.393.414.002	21.412.128.923	7.460.234.126.265
Tổng doanh thu	5.397.024.030.625	1.349.404.552.711	692.393.414.002	21.412.128.923	7.460.234.126.265
Giá vốn					
Giá vốn từ bán hàng ra bên ngoài	4.473.533.345.637	1.053.767.458.218	680.654.382.331	14.322.311.041	6.222.277.497.227
Tổng giá vốn	4.473.533.345.637	1.053.767.458.218	680.654.382.331	14.322.311.041	6.222.277.497.227
Kết quả hoạt động kinh doanh					
Kết quả hoạt động kinh doanh	923.490.684.992	295.637.094.493	11.739.031.671	7.089.817.882	1.237.956.629.038
Chi phí không phân bổ					(287.978.573.444)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh					949.977.655.594
Doanh thu hoạt động tài chính					180.227.299.307
Phân lãi trong công ty liên kết					24.549.751.684
Lợi nhuận khác					41.945.558.874
Chi phí tài chính					(156.483.569.802)
Lợi nhuận trước thuế					1.040.216.695.657
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp					(199.465.028.044)
Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại					(6.236.927.585)
Lợi nhuận trong năm					834.514.740.028
Thông tin khác					
Khấu hao					929.745.576.847



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MÃ SỐ 0 03-04/14

Năm trước (trình bày lại)

	Dịch vụ vận tải VNĐ	Dịch vụ hàng hải dầu khí VNĐ	Thương mại VNĐ	Dịch vụ khác VNĐ	Tổng VNĐ
Doanh thu					
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	4.653.061.962.346	1.576.061.885.317	1.145.570.239.366	7.999.838.873	7.382.693.929.902
Tổng doanh thu	4.653.061.962.346	1.576.061.885.317	1.145.570.239.366	7.999.838.873	7.382.693.929.902
Giá vốn					
Giá vốn từ bán hàng ra bên ngoài	3.919.952.802.698	1.194.591.383.912	1.183.785.804.611	4.458.737.161	6.252.788.728.382
Tổng giá vốn	3.919.952.802.698	1.194.591.383.912	1.183.785.804.611	4.458.737.161	6.252.788.728.382
Kết quả hoạt động kinh doanh					
Kết quả hoạt động kinh doanh	733.109.159.648	381.470.501.405	11.784.434.755	3.541.099.712	1.129.905.195.520
Chi phí không phân bổ					(264.528.266.605)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh					865.376.928.917
Doanh thu hoạt động tài chính					272.212.217.378
Phân lãi trong công ty liên kết					29.649.082.388
Lợi nhuận khác					57.614.076.937
Chi phí tài chính					(178.689.228.736)
Lợi nhuận trước thuế					1.051.163.076.882
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp					(243.142.733.327)
Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại					35.346.137.625
Lợi nhuận trong năm					843.366.481.180
Thống tin khác					
Khấu hao					877.287.072.977

Bộ phận theo khu vực địa lý

Hoạt động chính của Tổng Công ty là cung cấp dịch vụ vận tải và dịch vụ thương mại. Doanh thu từ dịch vụ thương mại toàn bộ được thực hiện ở Việt Nam, trong khi doanh thu vận tải được thực hiện ở cả Việt Nam (chủ yếu từ Nhà máy lọc dầu Dung Quất, kho cảng Thị Vải đến các địa phương) và quốc tế (vận chuyển tại khu vực Đông Nam Á, Nam Trung Quốc và khu vực Nam Mỹ).

Chi tiết doanh thu vận tải theo khu vực địa lý như sau:

	Năm nay <u>VND</u>	Năm trước (trình bày lại) <u>VND</u>
Doanh thu vận tải		
Vận tải nội địa	3.069.442.537.857	2.806.688.823.535
Vận tải quốc tế	<u>2.327.581.492.772</u>	<u>1.846.373.138.811</u>
	<u>5.397.024.030.629</u>	<u>4.653.061.962.346</u>
Gia vốn vận tải		
Vận tải nội địa	2.533.110.536.405	2.195.658.262.232
Vận tải quốc tế	<u>1.940.422.809.232</u>	<u>1.724.294.540.466</u>
	<u>4.473.533.345.637</u>	<u>3.919.952.802.698</u>

Do đặc thù kinh doanh vận tải bằng tàu biển, tàu biển có thể vừa chạy tuyến nội địa, vừa chạy tuyến quốc tế nên Ban Tổng Công ty không tách được tài sản và nợ phải trả cho hoạt động vận tải nội địa và vận tải quốc tế. Theo đó, Ban Tổng Giám đốc đã đánh giá và tin tưởng rằng việc không tách và trình bày tài sản và nợ phải trả cho hoạt động vận tải nội địa và vận tải quốc tế là phù hợp với quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 28 "Báo cáo bộ phận" và phù hợp với tình hình kinh doanh hiện nay của Tổng Công ty.

28. DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm nay <u>VND</u>	Năm trước <u>VND</u>
Dịch vụ vận tải	5.397.024.030.629	4.653.061.962.346
Dịch vụ hàng hải dầu khí	1.349.404.552.711	1.576.061.885.317
Thương mại	692.393.414.002	1.145.570.239.366
Dịch vụ khác	<u>21.412.128.923</u>	<u>7.999.836.873</u>
	<u>7.460.234.126.265</u>	<u>7.382.693.923.902</u>

29. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Năm nay <u>VND</u>	Năm trước (trình bày lại) <u>VND</u>
Dịch vụ vận tải	4.473.533.345.637	3.919.952.802.698
Dịch vụ hàng hải dầu khí	1.053.767.458.218	1.194.591.383.912
Thương mại	680.654.382.331	1.133.785.804.611
Dịch vụ khác	<u>14.322.311.041</u>	<u>4.458.737.161</u>
	<u>6.222.277.497.227</u>	<u>6.252.788.728.382</u>

11/2
 HẠN
 Y TH
 ITI
 NA
 HOC

30. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm nay VND	Năm trước (trình bày lại) VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.374.234.251.995	1.422.793.081.961
Chi phí nhân công	778.514.188.552	806.675.056.097
Chi phí khấu hao tài sản cố định	929.745.576.847	877.287.072.977
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.350.791.516.504	1.475.753.522.886
Chi phí khác bằng tiền	396.316.554.442	801.022.456.453
	<u>5.829.602.088.340</u>	<u>5.383.531.190.374</u>

31. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay, tiền ủy thác đầu tư	129.429.300.547	168.125.900.901
Lãi chênh lệch tỷ giá	46.364.214.800	99.570.717.895
Cổ tức, lợi nhuận được chia	4.433.783.960	4.515.598.582
	<u>180.227.299.307</u>	<u>272.212.217.378</u>

32. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí lãi vay	142.674.860.677	142.978.691.865
Lỗ chênh lệch tỷ giá	13.319.231.397	30.710.536.871
Chi phí tài chính khác	489.477.728	-
	<u>156.483.569.802</u>	<u>173.689.228.736</u>

33. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP VÀ CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm nay VND	Năm trước VND
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm		
Chi phí lương	155.481.717.982	138.325.838.256
Chi phí khác	122.083.001.010	134.727.914.794
Các khoản ghi giảm chi phí quản lý doanh nghiệp		
Hoàn nhập dự phòng nợ phải thu khó đòi	(78.331.422)	(22.391.775.006)
	<u>277.486.387.570</u>	<u>250.661.978.044</u>
Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong năm		
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.165.906.423	9.212.470.433
Chi phí khác	4.326.679.451	4.653.818.126
	<u>10.492.585.874</u>	<u>13.866.288.559</u>



34. LỢI NHUẬN KHÁC

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	35.415.969.918	10.869.013.810
Thu từ bồi thường và phí lưu tàu	31.423.699.730	47.408.342.493
Thu nhập khác	8.486.096.900	17.221.674.730
Thu nhập khác	<u>75.325.766.548</u>	<u>75.499.031.033</u>
Chi phí phạt	13.646.397	3.502.947.268
Chi phí khác	33.366.561.277	14.382.006.828
Chi phí khác	<u>33.380.207.674</u>	<u>17.884.954.096</u>
Lợi nhuận khác	<u>41.945.558.874</u>	<u>57.614.076.937</u>

35. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm nay VND	Năm trước (trình bày lại) VND
Lợi nhuận trước thuế	1.040.216.695.657	1.051.163.076.882
Trừ: Lãi đầu tư vào công ty liên kết	(24.549.751.684)	(29.649.082.386)
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	7.516.307.867	8.487.673.987
Điều chỉnh khác:		
Trừ: <i>Chênh lệch tạm thời được khấu trừ</i>	(217.787.733.620)	(86.003.639.805)
Cộng: <i>Chênh lệch tạm thời không được khấu trừ</i>	182.192.416.705	202.724.578.175
Thu nhập chịu thuế	<u>987.587.934.925</u>	<u>1.146.722.606.853</u>
Lỗ phát sinh tại công ty con	19.084.045.856	-
Thu nhập tính thuế	<u>1.006.671.980.781</u>	<u>1.146.722.606.853</u>
Thuế suất hiện hành	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	201.334.396.156	229.344.521.371
Thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm theo ND 92/2021/NĐCP	(603.444.217)	-
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp năm trước	(1.265.923.895)	13.798.211.956
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm	<u>199.465.028.044</u>	<u>243.142.733.327</u>

Tổng Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất 20% trên thu nhập tính thuế (năm 2020: 20%).

36. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Tổng Công ty được tính trong năm như sau:

	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
Lợi nhuận trong năm (VND)	834.514.740.028	843.368.481.380
Phân bổ cho:		
- Cổ đông không kiểm soát (VND)	174.758.005.460	167.282.972.256
- Cổ đông của Công ty mẹ (VND)	659.756.734.568	676.085.509.124
Trừ: trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi (VND)	(34.160.654.832)	(35.006.120.444)
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	625.596.079.736	641.079.388.680
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	323.651.246	323.651.246
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.933	1.981

Lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 được tính trên cơ sở của lợi nhuận sau thuế năm tài chính như trên và số liệu ước tính Quỹ khen thưởng, phúc lợi trích bằng 5,2% lợi nhuận sau thuế, tương ứng với tỷ lệ trích trung bình trong năm 2020 của Công ty mẹ và các công ty con. Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu với cơ sở nêu trên nhằm phục vụ cho việc so sánh thông tin giữa hai năm do Tổng Công ty chưa có kế hoạch cho việc trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi cho năm 2021.

Ngoài ra lãi cơ bản trên cổ phiếu năm trước cũng được trình bày lại do ảnh hưởng của số thực trích quỹ khen thưởng, phúc lợi và thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát. Số liệu lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 được trình bày lại như sau:

	Số đã trình bày	Thay đổi	Số trình bày lại
Lợi nhuận trong năm (VND)	830.424.584.517	12.943.896.863	843.368.481.380
Trừ: Trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi (VND)	(39.804.794.628)	4.798.674.184	(35.006.120.444)
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	629.679.327.096	11.400.061.584	641.079.388.680
Số bình quân gia quyền của cổ phần phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	323.651.246	-	323.651.246
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.946	35	1.981

37. CAM KẾT THUẾ HOẠT ĐỘNG

Tổng Công ty là bên đi thuế:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí thuế hoạt động tối thiểu đã ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm	123.945.321.529	73.010.386.521

11/11/2021

Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Tổng Công ty có các khoản cam kết thuê hoạt động với lịch thanh toán như sau:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Trong vòng một năm	63.307.134.241	43.956.468.267
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	155.219.942.018	4.643.392.942
Sau năm năm	43.085.016.000	-
	<u>261.612.092.259</u>	<u>48.599.861.209</u>

Thuê hoạt động thể hiện các khoản thuê xe, thuê văn phòng, thuê tàu và thuê cơ sở hạ tầng của Tổng Công ty và các công ty con. Các khoản thuê xe được ký với thời hạn từ 1 năm tới 6 năm. Các khoản thuê văn phòng được ký cho các giai đoạn từ 1 năm đến 6 năm. Khoản thuê tàu được ký với thời hạn 7 năm. Các khoản thuê cơ sở hạ tầng được ký với thời hạn không quá 5 năm.

Tổng Công ty là bên cho thuê:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Doanh thu cho thuê hoạt động tối thiểu đã ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong năm	<u>980.585.553.127</u>	<u>799.173.928.871</u>

Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Tổng Công ty có các khoản cam kết cho thuê hoạt động với lịch thanh toán như sau:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Trong vòng một năm	512.631.950.000	265.185.260.000
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	200.596.722.000	46.869.135.000
	<u>713.228.672.000</u>	<u>312.054.395.000</u>

Khoản cam kết cho thuê hoạt động thể hiện khoản tiền phải thu với Công ty TNHH MTV Điều Hành Thăm dò Khai thác Dầu khí Trong nước từ việc cho thuê kho nổi Đại Hùng Queen, phải thu cho thuê tàu Athena và tàu NV Aquamarine với thời hạn thuê từ 1 đến 10 năm.

38. CAM KẾT VỐN

Căn cứ theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/NQ-VTDK-ĐHĐCĐ2021 ngày 15 tháng 6 năm 2021 của Công ty mẹ và các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông của các công ty con, các cổ đông đã phê duyệt kế hoạch đầu tư tài sản cố định trong năm 2021 với số tiền là 7.784 tỷ đồng. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Công ty mẹ và các công ty con đã thực hiện khoản đầu tư tài sản cố định với giá trị hơn 2.092 tỷ đồng.

39. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Tổng Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Tổng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Tổng Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 22 và 24, trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của Tổng Công ty (bao gồm vốn góp của chủ sở hữu, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).



11/1
AN
TN
TJ
VAJ
3C

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Tổng Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm (trình bày lại) VND
Các khoản vay	3.246.466.091.024	2.602.598.615.236
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	1.283.386.854.560	1.472.901.602.636
Nợ thuần	1.963.079.236.464	1.129.697.012.600
Vốn chủ sở hữu	6.963.197.715.178	6.322.400.133.296
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	<u>0,28</u>	<u>0,18</u>

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và phương pháp mà Tổng Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 3.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi số	
	Số cuối năm VND	Số đầu năm (phân loại/trình bày lại) VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.283.386.854.560	1.472.901.602.636
Đầu tư tài chính	1.835.445.712.505	1.899.006.583.738
Phải thu khách hàng và phải thu khác	1.555.543.459.930	1.099.843.372.395
Tổng cộng	4.674.376.026.995	4.471.751.558.769
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	3.246.466.091.024	2.602.598.615.236
Phải trả người bán và phải trả khác	1.349.730.636.294	1.219.213.382.033
Chi phí phải trả	177.418.356.405	145.435.704.725
Tổng cộng	4.773.615.083.723	3.967.247.701.994

Tổng Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư 210") cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Tổng Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Tổng Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Tổng Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá và rủi ro lãi suất), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.



Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty chủ yếu chịu sự rủi ro về thay đổi hoạt động của các Nhà máy lọc dầu (Dịch vụ vận tải) và hoạt động của các mỏ (Dịch vụ hàng hải dầu khí), để kiểm soát rủi ro này Tổng Công ty đã luôn đảm bảo đội tàu vận tải dầu thô đủ về số lượng và chất lượng theo yêu cầu của các Nhà máy lọc dầu, đối với các phương tiện kho nổi đều có thể chuyển đổi công năng để đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của các mỏ. Đây là lợi thế kinh doanh của Tổng Công ty trong các năm vừa qua.

Ngoài ra, hoạt động vận tải quốc tế của Tổng Công ty cũng chịu rủi ro liên quan tới việc giảm giá cước vận tải do suy thoái kinh tế thế giới, giá dầu giảm và ảnh hưởng dịch bệnh Covid-19, đồng thời cũng đứng trước rủi ro pháp lý khi tàu hoạt động ở những vùng biển nhạy cảm về an ninh, an toàn, khủng bố, cướp biển và khu vực đang chịu sự hạn chế của Mỹ. Để kiểm soát rủi ro, Tổng Công ty luôn linh hoạt trong công tác khai thác thương mại dưới các hình thức cho thuê định hạn tàu và vận chuyển theo chuyến; tăng cường huấn luyện, đào tạo, cập nhật kiến thức thường xuyên, nâng cao kiến thức chuyên môn nghiệp vụ cho thuyền viên và nhân viên, đảm bảo khai thác an toàn và hiệu quả đội tàu. Đồng thời, Tổng Công ty cũng duy trì hiệu lực các hợp đồng bảo hiểm thân tàu và bảo hiểm thuyền viên để giảm thiểu tối đa tổn thất nếu có trong tình huống rủi ro xảy ra.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Tổng Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Tổng Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ bằng tiền có gốc bằng ngoại tệ tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán như sau:

	Tài sản		Công nợ	
	Số cuối năm VND	Số đầu năm (trình bày lại) VND	Số cuối năm VND	Số đầu năm (trình bày lại) VND
Đô la Mỹ (USD)	222.674.655.347	131.441.686.402	1.556.512.698.108	1.569.269.288.827
Euro (EUR)	49.665.867.681	42.948.067.773	3.388.394.252	259.115.417
Yên Nhật (JPY)	-	-	3.294.302.132	1.110.425.404
Đô la Singapore (SGD)	1.307.572	143.735.895	5.189.492.526	6.906.126.235

Phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ

Tổng Công ty chủ yếu chịu ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá của Đô la Mỹ.

Tổng Công ty phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ của Tổng Công ty trong trường hợp tỷ giá Đồng Việt Nam tăng/giảm 2% (năm 2020: 2%) so với các đồng tiền trên. Tỷ lệ thay đổi 2% (năm 2020: 2%) được Ban Tổng Giám đốc sử dụng khi phân tích rủi ro tỷ giá và thể hiện đánh giá của Ban Tổng Giám đốc về mức thay đổi có thể có của tỷ giá. Phân tích độ nhạy với ngoại tệ chỉ áp dụng cho các số dư của các khoản mục tiền tệ bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối niên độ kế toán và điều chỉnh việc đánh giá lại các khoản mục này khi có 2% (năm 2020: 2%) thay đổi của tỷ giá. Nếu tỷ giá Đô la Mỹ so với Đồng Việt Nam tăng/giảm 2% (năm 2020: 2%) thì lợi nhuận trước thuế trong năm của Tổng Công ty sẽ giảm/tăng một khoản tương ứng là 26.676.760.855 đồng (năm 2020: 28.756.552.049 đồng). Phân tích biến động rủi ro tỷ giá tương tự cho đồng Euro, Đô la Singapore và Yên Nhật thì không có ảnh hưởng trọng yếu đến lợi nhuận kế toán trước thuế trong năm của Tổng Công ty.

Quản lý rủi ro lãi suất

Tổng Công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất thả nổi. Tổng Công ty chịu rủi ro lãi suất khi các đơn vị thuộc Tổng Công ty vay vốn theo lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Rủi ro này sẽ do Tổng Công ty quản trị bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay lãi suất cố định và lãi suất thả nổi.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Tổng Công ty. Tổng Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Tổng Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Các khách hàng và đối tác của Tổng Công ty đều là các bên có uy tín trên thị trường. Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Tổng Công ty có một số khoản phải thu quá hạn thanh toán, Tổng Công ty đã trích lập dự phòng cho những khoản này.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Tổng Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Tổng Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Tổng Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Tổng Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Tổng Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Tổng Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 05-DN/HN

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Tổng VND
Số cuối năm				
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.283.386.854.560	-	-	1.283.386.854.560
Đầu tư tài chính	1.789.507.945.205	-	45.937.767.300	1.835.445.712.505
Phải thu khách hàng và phải thu khác	1.445.732.726.482	109.810.733.438	-	1.555.543.459.920
	<u>4.518.627.526.257</u>	<u>109.810.733.438</u>	<u>45.937.767.300</u>	<u>4.674.376.026.995</u>
Các khoản vay	778.354.285.393	1.997.943.168.980	470.168.836.651	3.246.466.091.024
Phải trả người bán và phải trả khác	830.836.959.454	183.157.984.040	355.735.692.800	1.349.730.636.294
Chi phí phải trả	177.418.356.405	-	-	177.418.356.405
	<u>1.796.609.601.252</u>	<u>2.181.201.153.020</u>	<u>825.904.329.451</u>	<u>4.773.615.083.723</u>
Chênh lệch thanh khoản thuần	<u>2.752.017.925.005</u>	<u>(2.071.290.419.582)</u>	<u>(779.966.562.151)</u>	<u>[99.239.056.728]</u>
Số đầu năm (phân loại/trình bày lại)				
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.472.901.602.636	-	-	1.472.901.602.636
Đầu tư tài chính	1.853.068.816.438	-	45.937.767.300	1.899.006.583.738
Phải thu khách hàng và phải thu khác	1.090.091.630.187	19.751.742.208	-	1.099.843.372.395
	<u>4.406.062.049.261</u>	<u>19.751.742.208</u>	<u>45.937.767.300</u>	<u>4.471.751.558.769</u>
Các khoản vay	615.118.710.370	1.708.030.072.765	278.448.832.101	2.601.598.615.236
Phải trả người bán và phải trả khác	769.543.948.433	93.933.740.800	355.735.692.800	1.219.213.382.033
Chi phí phải trả	140.596.758.022	4.838.946.703	-	145.435.704.725
	<u>1.525.259.416.825</u>	<u>1.806.802.760.268</u>	<u>635.185.526.901</u>	<u>3.967.247.703.994</u>
Chênh lệch thanh khoản thuần	<u>2.880.802.632.436</u>	<u>(1.787.051.018.060)</u>	<u>(589.247.757.601)</u>	<u>504.503.856.775</u>

Ban Tổng Giám đốc đánh giá rủi ro thanh khoản ở mức vừa phải và tin tưởng rằng Tổng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.



40. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ ĐƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan

Bên liên quan

Mối quan hệ

Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam ("PVN")

Công ty mẹ

PV KEEZ Pte. Ltd

Công ty liên doanh

Tổng Công ty Dầu Việt Nam

Công ty con của PVN

Công ty Cổ phần Lọc hoá dầu Bình Sơn

Công ty con của PVN

Công ty TNHH MTV Công nghiệp Tàu thủy Dung Quất

Công ty con của PVN

Tổng Công ty Khí Việt Nam

Công ty con của PVN

Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí

Công ty con của PVN

Tổng Công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí ("PVEP")

Công ty con của PVN

Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Dầu khí

Công ty con của PVN

Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam

Công ty con của PVN

Tổng Công ty cổ phần Khoan và Dịch vụ khoan Dầu khí

Công ty con của PVN

Tổng Công ty cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí

Công ty con của PVN

Công ty Cổ phần Sơn Dầu Khí Việt Nam

Công ty con của PVN

Công ty Cổ phần Kinh doanh khí Miền Nam

Công ty thuộc Tổng Công ty Khí Việt Nam
(Công ty con của PVN)

Liên doanh Việt-Nga Vietsovpetro

Công ty liên doanh của PVN

Công ty Liên doanh Điều hành Cửu Long

Công ty liên doanh của PVN

Công ty Điều hành Dầu khí Biển Đông

Chi nhánh của PVN

Công ty Liên doanh Điều hành Hoàng Long

Công ty liên kết của Tổng Công ty Thăm dò Khai
thác Dầu khí (PVEP) (Công ty con của PVN)

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại chúng Việt Nam
(trước đây là Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí
Việt Nam)

Thành viên của PVN



Trong năm, Tổng Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau đây với các bên liên quan:

	Năm nay <u>VND</u>	Năm trước <u>VND</u>
Dịch vụ cung cấp		
Công ty Cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn và các công ty cùng tập đoàn	1.577.618.127.839	1.207.348.818.875
Tổng Công ty Khí Việt Nam và các công ty cùng tập đoàn	794.851.515.892	924.704.709.507
Tổng Công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí (PVEP) và các công ty cùng tập đoàn	443.401.100.737	399.699.946.806
Tổng Công ty Dầu Việt Nam và các công ty cùng tập đoàn	435.223.979.183	392.618.594.110
Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí Miền Nam và các công ty con	116.657.108.741	170.822.643.255
Tổng Công ty Phân bón và hóa chất Dầu khí và các công ty cùng tập đoàn	9.146.018.993	15.956.357.596
Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam	4.069.734.500	5.869.258.700
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam và các công ty cùng tập đoàn	9.535.119.516	824.229.873
Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Dầu khí và các công ty cùng tập đoàn	-	74.112.383
Mua hàng và dịch vụ		
Tổng Công ty Dầu Việt Nam và các công ty cùng tập đoàn	237.901.613.022	36.266.907.275
Tổng Công ty Khí Việt Nam và các công ty cùng tập đoàn	187.877.521.393	272.731.736.338
Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí Miền Nam và các công ty con	116.717.989.350	266.615.911.189
Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Dầu khí và các công ty cùng tập đoàn	97.017.346.249	61.933.026.183
Công ty Cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn và các công ty cùng tập đoàn	73.843.337.106	65.999.966.878
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam và các công ty con	70.764.493.866	92.218.235.852
Liên Doanh Việt Nga - Vietsovetro	40.002.295.950	42.150.867.290
Công ty TNHH MTV Công nghiệp Tàu thủy Dung Quất	34.258.053.219	30.752.511.697
Tổng Công ty cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí và các công ty cùng tập đoàn	30.663.292.281	29.086.816.955
Công ty Liên doanh Điều hành Cửu Long	30.338.000.000	19.069.600.000
Tổng Công ty cổ phần Khoan và Dịch vụ khoan Dầu khí và các công ty cùng tập đoàn	28.089.215.737	28.487.980.969
Công ty Liên doanh Điều hành Hoàng Long	12.550.909.090	11.221.350.000
Tổng Công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí (PVEP) và các công ty cùng tập đoàn	7.225.500.000	1.277.100.000
Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam	5.819.494.332	7.355.030.511
Công ty Cổ Phần Sơn Dầu Khí Việt Nam	5.292.122.728	-

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

MẪU SỐ B 09-DN/HN

	Năm nay <u>VND</u>	Năm trước <u>VND</u>
Chi phí lãi vay		
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam và các công ty trong Tập đoàn	62.182.855.281	60.270.557.963
Cố tức đã công bố và chi trả		
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	165.062.135.460	57.413.793.048
Cố tức được chia		
Công ty PV KEEZ Pte. Ltd	4.434.300.240	4.515.793.048
Thu nhập tài chính		
Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam và các công ty trong Tập đoàn	31.165.970.485	23.798.887.793

Thu nhập của các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc của Công ty mẹ trong năm như sau:

	Năm nay <u>VND</u>	Năm trước <u>VND</u>
Thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị		
- Ông Phạm Việt Anh	16.500.000	36.000.000
- Ông Nguyễn Duyên Hiếu	19.500.000	-
- Ông Lê Mạnh Tuấn	36.000.000	-
- Bà Nguyễn Linh Giang	-	-
- Ông Mai Thế Toàn	16.500.000	36.000.000
Lương, thưởng và các khoản phúc lợi khác	7.640.320.331	7.184.670.707

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	Số cuối năm <u>VND</u>	Số đầu năm <u>VND</u>
Phải thu ngắn hạn của khách hàng		
Công ty Cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn và các công ty con	436.068.191.641	215.163.334.763
Tổng Công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí (PVEP) và các công ty cùng tập đoàn	173.248.536.645	137.919.540.543
Tổng Công ty Dầu Việt Nam và các công ty cùng tập đoàn	47.888.987.874	71.236.434.036
Tổng Công ty Khí Việt Nam và các công ty cùng tập đoàn	80.848.972.521	58.001.768.269
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	8.349.763.110	254.700.820
Liên doanh Việt-Nga Vietsovetro	128.530.414	128.530.414
Các bên liên quan khác	8.154.373.412	6.340.435.641
	<u>754.687.355.617</u>	<u>489.044.744.486</u>
Phải thu ngắn hạn khác		
Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Dầu khí	15.269.683.863	-
Công ty TNHH MTV Công nghiệp Tàu thủy Dung Quất	7.644.465.154	7.644.465.154
Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam	3.095.115.755	3.095.115.755
PV KEEZ Pte. Ltd.	1.119.619.080	1.124.776.015
Tổng Công ty Dầu Việt Nam và các công ty cùng tập đoàn	-	1.250.693.520
Các bên liên quan khác	580.066.471	661.758.904
	<u>27.708.950.323</u>	<u>13.776.809.348</u>

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

MẪU SỐ B 09-DN/HN

	Số cuối năm <u>VND</u>	Số đầu năm <u>VND</u>
Phải thu ngắn hạn khác (lãi dự thu)		
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại chúng Việt Nam	6.273.994.518	7.915.340.110
	<u>6.273.994.518</u>	<u>7.915.340.110</u>
	Số cuối năm <u>VND</u>	Số đầu năm (phân loại lại) <u>VND</u>
Phải trả người bán ngắn hạn		
Tổng Công ty Khí Việt Nam và các công ty cùng tập đoàn	43.681.426.439	13.116.833.586
Tổng Công ty Dầu Việt Nam và các công ty cùng tập đoàn	18.854.206.430	1.621.004.840
Công ty Cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn và các công ty con	17.843.125.789	15.251.135.610
Liên Doanh Việt Nga - Vietsovpetro	12.635.571.000	13.654.205.000
Công ty TNHH MTV Công nghiệp Tàu thủy Dung Quất	10.833.036.612	10.833.036.612
Công ty Liên doanh Điều hành Cửu Long	7.627.840.000	10.488.280.000
Tổng Công ty cổ phần Khoan và Dịch vụ khoan Dầu khí và các công ty cùng tập đoàn	6.511.193.197	7.361.475.638
Tổng Công ty cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí và các công ty cùng tập đoàn	3.621.868.061	3.530.220.588
Công ty Liên doanh Điều hành Hoàng Long	3.429.150.000	2.789.850.000
Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí Miền Nam và các công ty con	-	15.512.731.797
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam và các công ty cùng tập đoàn	-	210.222.805
Các bên liên quan khác	3.503.027.804	3.257.610.465
	<u>128.540.445.332</u>	<u>97.626.606.941</u>
Phải trả ngắn hạn khác		
Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam	46.830.643.332	46.830.643.332
Công ty điều hành dầu khí Biển Đông	1.014.750.000	2.077.875.000
Tổng Công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí (PVEP) và các công ty cùng tập đoàn	2.855.825.000	-
	<u>50.701.218.332</u>	<u>48.908.518.332</u>
Phải trả dài hạn khác		
Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam	418.803.033.600	418.803.033.600
	<u>418.803.033.600</u>	<u>418.803.033.600</u>
Vay dài hạn		
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại chúng Việt Nam	384.605.504.806	500.890.050.576
Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam	271.506.954.668	339.419.463.004
	<u>656.112.459.474</u>	<u>840.309.513.580</u>
Trích trước chi phí tài chính ngắn và dài hạn		
Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam	125.131.621.063	106.535.558.539
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại chúng Việt Nam	2.826.917.027	3.376.915.144
	<u>127.958.538.090</u>	<u>109.912.473.683</u>

41. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ

Tiền chi trả lãi vay trong năm không bao gồm số tiền 132.837.615.827 đồng (năm 2020: 113.147.849.945 đồng), là khoản lãi vay phát sinh nhưng chưa được thanh toán. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần thay đổi các khoản phải trả.

Tiền thu từ lãi tiền gửi và cổ tức được chia trong năm không bao gồm số tiền 25.858.208.663 đồng (năm 2020: 36.997.931.218 đồng), là số lãi tiền gửi phát sinh trong năm nhưng chưa thu được. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần thay đổi các khoản phải thu.

Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho cổ đông trong năm không bao gồm số tiền 7.562.183.690 đồng (2020: 15.925.940.290 đồng), là khoản cổ tức, lợi nhuận phải trả bằng tiền nhưng chưa được thanh toán trong năm. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần thay đổi các khoản phải trả.

Tiền chi mua sắm tài sản cố định trong năm không bao gồm 14.820.434.704 đồng (2020: 654.564.318 đồng), là số tiền chi mua sắm tài sản cố định trong năm mà chưa được thanh toán. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần thay đổi các khoản phải trả.



42. SỐ ỨU SƠ SÁNH

Một số số liệu tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 được phân loại/trình bày lại do:

- Công ty mẹ phân loại lại khoản mục phải trả người bán liên quan đến Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam qua phải trả khác và chi phí phải trả do Tổng Công ty và Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam đang trong quá trình thực hiện các thủ tục để ký kết Phụ lục hợp đồng xác định lại lịch thanh toán.
- Công ty Nhật Việt đã thực hiện điều chỉnh hồi tố chính sách kế toán liên quan tới ghi nhận chi phí sửa chữa lớn và duy tu định kỳ của toàn bộ đội tàu vận tải sản phẩm khí từ trích trước sang ghi nhận khi thực tế phát sinh và phân bổ vào kết quả kinh doanh theo phương pháp đường thẳng từ ngày phát sinh đến kỳ sửa chữa tiếp theo.

Mã số	Số dữ báo cáo VNĐ	Phân loại/trình bày lại			Số sau phân loại/trình bày lại VNĐ
		Công ty mẹ phân loại lại VNĐ	Công ty Nhật Việt thay đổi chính sách VNĐ	Tổng công phân loại/trình bày lại VNĐ	
Bảng cân đối kế toán hợp nhất					
Chi phí trả trước dài hạn	386	86.998.894.170	-	15.762.600.669	96.761.494.839
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	392	106.311.340.144	-	(5.960.502.890)	100.350.837.254
Phải trả người bán ngắn hạn	311	745.434.645.562	(115.445.568.000)	-	629.989.077.562
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	318	117.048.435.694	-	(3.945.461.574)	113.102.974.120
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	140.595.758.033	17.188.562.347	-	157.784.320.380
Phải trả ngắn hạn khác	319	262.503.785.092	(118.518.183.947)	-	144.007.501.145
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	162.795.536.468	-	(2.670.508.220)	160.125.028.248
Phải trả người bán dài hạn	331	302.028.744.000	(302.028.744.000)	-	-
Phải trả dài hạn khác	337	80.866.400.000	418.803.033.600	-	499.669.433.600
Dự phòng phải trả dài hạn	342	166.182.932.481	-	(27.082.003.727)	139.100.928.754
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	875.710.420.300	-	72.190.136.613	897.900.556.913
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a	206.226.299.579	-	15.588.749.213	221.815.047.792
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b	669.484.121.724	-	5.601.387.400	675.085.509.124
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429	1.393.183.933.021	-	21.319.905.177	1.414.503.838.198

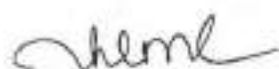
TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ 08-DN/HH

Mã số	Số để báo cáo VND	Phân loại/trình bày lại			Tổng cộng phân loại/trình bày lại VND	
		Công ty mẹ phân loại lại VND	Công ty Nhật Việt thay đổi chính sách VND	phân loại/trình bày lại VND		
Bảng báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất						
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	6.264.470.736.515	-	(11.682.007.933)	(11.682.007.933)	6.252.788.728.582
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	1.118.223.187.587	-	11.682.007.933	11.682.007.933	1.129.905.195.520
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30	981.866.992.012	-	11.682.007.933	11.682.007.933	993.548.999.945
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	1.039.481.068.949	-	11.682.007.933	11.682.007.933	1.051.163.076.882
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	244.318.343.084	-	(1.175.608.717)	(1.175.608.717)	243.142.734.367
Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	(35.261.858.612)	-	(86.279.213)	(86.279.213)	(35.348.137.825)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	830.424.584.517	-	12.943.896.003	12.943.896.003	843.368.480.520
Phân bổ cho:						
- Lợi nhuận sau thuế của cổ đồng của Công ty mẹ	61	669.484.121.724	-	6.601.382.400	6.601.382.400	676.085.504.124
- Lợi nhuận sau thuế của cổ đồng không kiểm soát	62	160.940.462.793	-	6.342.509.463	6.342.509.463	167.282.972.256
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	1.946			35	1.981
Bảng báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất						
Lợi nhuận trước thuế	01	1.039.481.068.949	-	11.682.007.933	11.682.007.933	1.051.163.076.882
Các khoản dự phòng	03	150.408.948.381	-	(431.396.067)	(431.396.067)	149.977.552.314
Thay đổi chi phí trả trước	12	20.173.009.523	-	(11.250.611.866)	(11.250.611.866)	8.922.397.457

43. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

Ngày 10 tháng 02 năm 2021, Công ty Hà Nội đã hoàn thành tiếp nhận tàu MT.Bochem Antwerp - PVT Sunrise với giá trị ước tính là 15,55 triệu Đô la Mỹ (tương đương 355 tỷ đồng). Khoản đầu tư này được tài trợ bằng khoản vay dài hạn tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong với tổng hạn mức tín dụng là 10,89 triệu Đô la Mỹ (tương ứng 70% giá trị mua tàu), thanh toán trong vòng 7 năm.



Trần Thị Thục Trang
Người lập biểu



Đỗ Đức Hùng
Kế toán trưởng



Nguyễn Duyên Hiếu
Tổng Giám đốc

Ngày 21 tháng 3 năm 2022

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ

(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG	8 - 9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG	10 - 45

Đ. S. Đ.

M.S

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ

Tầng 2, Tòa nhà PVFCCo, 43 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đakao
Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí (gọi tắt là "Tổng Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đã điều hành Tổng Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Phạm Việt Anh	Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 15 tháng 6 năm 2021)
Ông Mai Thế Toàn	Thành viên kiêm Phụ trách Hội đồng quản trị (miễn nhiệm ngày 15 tháng 6 năm 2021)
Ông Nguyễn Duyên Hiếu	Thành viên (bổ nhiệm ngày 15 tháng 6 năm 2021)
Bà Nguyễn Linh Giang	Thành viên (bổ nhiệm ngày 15 tháng 6 năm 2021)
Ông Phạm Anh Tuấn	Thành viên
Ông Lê Mạnh Tuấn	Thành viên

Ban Kiểm soát

Bà Trương Thị Anh Đào	Trưởng ban (bổ nhiệm ngày 15 tháng 6 năm 2021)
Bà Nguyễn Thị Kim Anh	Trưởng ban (miễn nhiệm ngày 15 tháng 6 năm 2021)
Ông Phạm Văn Hưng	Thành viên
Ông Kim Kwang Hynk	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Duyên Hiếu	Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 15 tháng 6 năm 2021)
Ông Phạm Việt Anh	Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 15 tháng 6 năm 2021)
Bà Nguyễn Linh Giang	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 30 tháng 6 năm 2021)
Ông Mai Thế Toàn	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 05 tháng 8 năm 2021)
Ông Nguyễn Đình Thanh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Quốc Thịnh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Việt Long	Phó Tổng Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính riêng phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng. Trong việc lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính riêng hay không;
- Lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc
Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng kèm theo của Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí (gọi tắt là "Tổng Công ty"), được lập ngày 16 tháng 3 năm 2022, từ trang 5 đến trang 45, bao gồm Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Tổng Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

12/11
ĐINH
THỊ
THÁI
5/3

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.



Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số 0138-2018-001-1

CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 16 tháng 3 năm 2022

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Nguyễn Phương Thảo

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số 4766-2019-001-1



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		2.668.768.995.397	2.841.291.610.907
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	274.769.924.230	690.630.196.183
1. Tiền	111		124.269.924.230	77.130.196.183
2. Các khoản tương đương tiền	112		150.500.000.000	613.500.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		1.387.300.000.000	1.412.300.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5	1.387.300.000.000	1.412.300.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		946.287.801.515	695.212.700.832
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	803.056.484.088	578.070.591.340
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		3.360.887.233	825.616.698
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	7	142.952.976.691	122.734.190.176
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	8	(3.082.546.497)	(6.417.697.382)
IV. Hàng tồn kho	140	9	47.170.027.873	38.969.469.000
1. Hàng tồn kho	141		47.170.027.873	38.969.469.000
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		13.241.241.779	4.179.244.892
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		8.706.105.948	4.073.697.005
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		4.533.180.989	105.547.887
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		1.954.842	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		4.602.896.720.519	4.060.970.521.626
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		175.851.784.164	243.957.610.425
1. Phải thu dài hạn khác	216	7	175.851.784.164	243.957.610.425
II. Tài sản cố định	220		2.109.182.700.752	1.845.619.296.032
1. Tài sản cố định hữu hình	221	10	2.108.812.723.758	1.844.829.107.476
- Nguyên giá	222		2.977.824.072.793	2.512.018.692.409
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(869.011.349.035)	(667.189.584.933)
2. Tài sản vô hình	227	11	369.976.994	790.188.556
- Nguyên giá	228		5.706.839.487	5.796.788.563
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(5.336.862.493)	(5.006.600.007)
III. Đầu tư tài chính dài hạn	250	12	2.261.850.465.847	1.939.724.894.244
1. Đầu tư vào công ty con	251		2.217.747.240.000	1.898.674.570.000
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		97.000.000.000	97.000.000.000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		45.937.767.300	45.937.767.300
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(98.834.541.453)	(101.887.443.056)
IV. Tài sản dài hạn khác	260		56.011.769.756	31.668.720.925
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	13	21.105.092.140	1.818.341.250
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	14	34.906.677.616	29.850.379.675
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		7.271.665.715.916	6.902.262.132.533

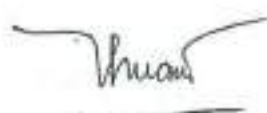
Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

CÁI LẬP


BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (Tiếp theo)
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm (phân loại lại)
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		2.852.015.220.822	2.692.750.511.366
I. Nợ ngắn hạn	310		1.433.266.235.486	1.161.256.682.972
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	15	491.477.183.241	315.721.004.062
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		1.250.000.000	1.511.857.860
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	16	32.452.606.909	52.663.831.520
4. Phải trả người lao động	314		146.528.727.401	138.874.546.860
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	17	129.770.539.293	127.589.154.139
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		5.618.925.683	60.558.022
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	18	86.218.250.710	80.193.375.533
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	19	298.903.209.422	250.588.048.614
9. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	20	133.939.727.809	91.689.887.304
10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		107.107.065.018	102.364.369.058
II. Nợ dài hạn	330		1.418.748.985.336	1.471.493.878.394
1. Chi phí phải trả dài hạn	333	17	-	4.838.946.703
2. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		17.500.058.333	-
3. Phải trả dài hạn khác	337	18	448.803.033.600	448.803.033.600
4. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	19	921.256.566.403	941.357.098.091
5. Dự phòng phải trả dài hạn	342	20	31.189.327.000	76.494.800.000
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		4.419.650.495.094	4.269.511.621.167
I. Vốn chủ sở hữu	410	21	4.419.650.495.094	4.269.511.621.167
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		3.236.512.460.000	3.236.512.460.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		3.236.512.460.000	3.236.512.460.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		625.607.883.196	504.775.057.115
3. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		44.843.396.730	44.843.396.730
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		512.686.755.168	483.380.707.322
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		9.896.756.982	49.403.000
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		502.789.998.186	483.331.304.322
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		7.271.665.715.916	6.902.262.132.533



Đinh Mai Phương
 Người lập biểu



Đỗ Đức Hùng
 Kế toán trưởng



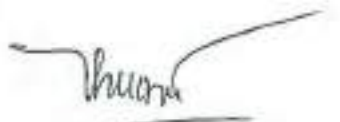


Nguyễn Duyên Hiếu
 Tổng Giám đốc
 Ngày 16 tháng 3 năm 2022

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh		
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		2.903.484.794.288	2.554.360.332.673
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01)	10	24	2.903.484.794.288	2.554.360.332.673
3. Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ	11	25	2.377.496.712.120	2.091.309.991.794
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		525.988.082.168	463.050.340.879
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	27	233.638.246.239	205.906.905.586
6. Chi phí tài chính	22	28	50.270.028.523	58.765.235.710
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		52.706.282.692	64.813.766.864
7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	29	83.633.421.244	59.045.070.803
8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-26)	30		625.722.878.640	551.146.939.952
9. Thu nhập khác	31		6.443.468.439	34.003.732.875
10. Chi phí khác	32		32.143.840.596	3.201.239.607
11. (Lỗ)/Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		(25.700.372.157)	30.802.493.268
12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		600.022.506.483	581.949.433.220
13. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	30	102.288.806.238	100.104.965.565
14. Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	14	(5.056.297.941)	(1.486.836.667)
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		502.789.998.186	483.331.304.322

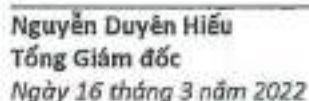


Đinh Mai Phương
 Người lập biểu



Đỗ Đức Hùng
 Kế toán trưởng




 Nguyễn Duyên Hiếu
 Tổng Giám đốc
 Ngày 16 tháng 3 năm 2022

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	600.022.506.483	581.949.433.220
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	202.569.100.133	170.629.141.918
Các khoản dự phòng	03	44.298.272.297	34.866.448.357
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(7.466.442.107)	(1.039.344.094)
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(223.603.281.725)	(197.411.175.346)
Chi phí lãi vay	06	52.706.282.692	64.813.766.864
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	668.526.437.773	653.808.270.919
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	09	(212.356.330.162)	532.501.684.380
Tăng hàng tồn kho	10	(8.200.558.873)	(2.649.197.739)
Tăng các khoản phải trả	11	184.989.554.124	37.613.626.013
Tăng chi phí trả trước	12	(23.919.159.833)	(1.621.135.020)
Tiền lãi vay đã trả	14	(32.910.561.313)	(47.133.554.876)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(110.407.178.348)	(82.897.686.186)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(74.742.320.116)	(85.410.779.043)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	390.979.883.252	1.004.211.228.448
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định	21	(466.005.847.964)	(1.428.827.705)
2. Tiền thu thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	22	-	(138.181.818)
3. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	(2.429.300.000.000)	(2.529.300.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	2.454.300.000.000	1.927.300.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(319.072.670.000)	-
6. Thu lãi tiền gửi và cổ tức được chia	27	240.137.281.681	233.955.425.736
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(519.941.236.283)	(369.611.583.791)



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG (Tiếp theo)
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ đi vay	33	389.326.320.000	-
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(352.993.593.590)	(559.081.465.818)
3. Cổ tức đã trả cho cổ đông	36	(322.874.118.600)	(112.305.121.200)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	40	(286.541.392.190)	(671.386.587.018)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50	(415.502.745.221)	(36.786.942.361)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	690.630.196.183	727.416.030.388
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(357.526.732)	308.256
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60+61)	70	274.769.924.230	690.630.196.183



Đinh Mai Phương
 Người lập biểu



Đỗ Đức Hùng
 Kế toán trưởng



Nguyễn Duyên Hiếu
 Tổng Giám đốc
 Ngày 16 tháng 3 năm 2022

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí (gọi tắt là "Tổng Công ty") hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0302743192 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp và sửa đổi lần thứ 15 ngày 21 tháng 6 năm 2021. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp này thay thế cho Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103006624 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 07 tháng 5 năm 2007. Tổng Công ty chính thức niêm yết trên Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ngày 10 tháng 12 năm 2007, với mã chứng khoán là PVT.

Tổng số nhân viên của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 908 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020: 900 người).

Hoạt động chính

Hoạt động chính của Tổng Công ty là kinh doanh vận tải dầu thô, dầu sản phẩm, hóa chất, hàng khô và các sản phẩm khí, cung ứng dịch vụ hàng hải, sửa chữa tàu biển và phương tiện nối, thuê và cho thuê tàu biển, phương tiện vận tải khác.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Tổng Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Sự kiện quan trọng trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính riêng

Sự bất ổn của tình hình đại dịch virus Corona ("Covid-19") trên thế giới trong năm đã gây ra một số biến động đối với nền kinh tế thế giới và ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty. Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đã đánh giá các tác động tiềm tàng của Covid-19 đối với hoạt động kinh doanh, hoạt động tài chính và quản trị của Tổng Công ty, xây dựng và áp dụng các kế hoạch phù hợp để kiểm soát tình hình, đảm bảo duy trì hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty.

Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty con:

- Công ty Cổ phần Vận tải Sản phẩm khí Quốc tế
- Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Hà Nội
- Công ty Cổ phần Hàng hải Thăng Long (trước đây tên là "Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Vũng Tàu")
- Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Quảng Ngãi
- Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Đồng Dương
- Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Phương Đông Việt
- Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Thái Bình Dương
- Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Phương Nam
- Công ty Cổ phần Vận tải Nhật Việt

Công ty liên doanh, liên kết:

- Công ty Cổ phần Dịch vụ Khai thác Dầu khí PTSC

Chi nhánh:

- Công ty Dịch vụ Quản lý Tàu
- Công ty Dịch vụ Hàng hải Dầu khí

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính riêng

Số liệu so sánh là số liệu của báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính riêng

Báo cáo tài chính riêng được trình bày bằng Đồng Việt Nam ("VND"), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Báo cáo tài chính riêng này được lập để trình bày tình hình tài chính riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Tổng Công ty. Vì thế, Tổng Công ty không thực hiện hợp nhất các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết trong báo cáo tài chính riêng này. Chính sách kế toán đối với khoản đầu tư của Tổng Công ty được trình bày chi tiết trong Thuyết minh số 3 dưới đây.

Báo cáo tài chính riêng kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính riêng tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính riêng cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Tổng Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản đầu tư tài chính (không bao gồm khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết).

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Tổng Công ty bao gồm phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả và các khoản vay.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Tổng Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Đầu tư vào công ty con

Công ty con là các công ty do Tổng Công ty kiểm soát. Việc kiểm soát đạt được khi Tổng Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Tổng Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Tổng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính

Tổng Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư tài chính theo giá gốc. Tổng Công ty hạch toán vào thu nhập trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Tổng Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Các khoản đầu tư tài chính được trình bày trong bảng cân đối kế toán riêng theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có). Dự phòng giảm giá của các khoản đầu tư được thực hiện khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.



Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm giá mua và các chi phí có liên quan để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp nhập trước xuất trước. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Tổng Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Tổng Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hình thành do mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Đối với tài sản cố định hình thành do đầu tư xây dựng cơ bản theo phương thức giao thầu hoặc tự xây dựng và sản xuất, nguyên giá là giá quyết toán công trình xây dựng theo quy chế quản lý đầu tư và xây dựng hiện hành, các chi phí khác có liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ (nếu có). Trường hợp dự án đã hoàn thành và đưa vào sử dụng nhưng quyết toán chưa được phê duyệt, nguyên giá tài sản cố định được ghi nhận theo giá tạm tính trên cơ sở chi phí thực tế đã bỏ ra để có được tài sản cố định. Nguyên giá tạm tính sẽ được điều chỉnh theo giá quyết toán được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính cụ thể như sau:

	Số năm
Phương tiện vận tải	6 - 20
Thiết bị văn phòng	3

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

Thuê hoạt động

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản.

Tổng Công ty là bên cho thuê

Doanh thu cho thuê hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

Tổng Công ty là bên đi thuê

Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Tài sản vô hình và khấu hao

Tài sản vô hình thể hiện giá trị phần mềm kế toán được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Phần mềm kế toán được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong ba năm.

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm. Chi phí trả trước bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ đã xuất dùng và chi phí khác được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Tổng Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Tổng Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Tổng Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ hoạt động.

Dự phòng sửa chữa tàu định kỳ được trích trước vào chi phí sản xuất kinh doanh hàng năm căn cứ vào dự toán cho đến năm dự kiến thực hiện việc sửa chữa tàu. Tại năm phát sinh việc sửa chữa, nếu chi phí sửa chữa thực tế lớn hơn số trích theo dự toán hoặc ngược lại thì số chênh lệch được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng của niên độ kế toán đó.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Tổng Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Tổng Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Tổng Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

010
HI H
NG T
ELO
ỆT
010

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư tài chính được ghi nhận khi Tổng Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện thể hiện số tiền đã nhận trước từ khách hàng về cho thuê tài sản nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán. Doanh thu chưa thực hiện được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập tính thuế trong năm. Thu nhập tính thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng vì thu nhập tính thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính riêng và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Tổng Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Tổng Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Việc xác định thuế thu nhập của Tổng Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ khen thưởng, phúc lợi được trích từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Tổng Công ty để dùng cho công tác khen thưởng, khuyến khích lợi ích vật chất, phục vụ nhu cầu phúc lợi công cộng, cải thiện và nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của người lao động. Việc trích lập và sử dụng quỹ khen thưởng, phúc lợi tuân thủ theo các quy định về kế toán và tài chính hiện hành.

Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Tổng Công ty và được sử dụng vào việc đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của doanh nghiệp. Việc trích và sử dụng quỹ đầu tư phát triển tuân thủ theo các quy định về kế toán và tài chính hiện hành.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tiền mặt	244.054.900	552.573.419
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	124.025.869.330	76.577.622.764
Các khoản tương đương tiền	150.500.000.000	613.500.000.000
	274.769.924.230	690.630.196.183

Các khoản tương đương tiền thể hiện các khoản tiền gửi bằng Đồng Việt Nam có kỳ hạn từ một đến ba tháng tại các ngân hàng thương mại với lãi suất được hưởng từ 0,2%/năm đến 3,7%/năm (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020: từ 0,1%/năm đến 3,9%/năm).

5. ĐẦU TƯ NẮM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn thể hiện các khoản tiền gửi bằng Đồng Việt Nam có kỳ hạn còn lại dưới mười hai tháng tại các ngân hàng thương mại với lãi suất được hưởng từ 3,5%/năm đến 5,6%/năm (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020: từ 5,5%/năm đến 7,1%/năm).

6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a. Bên thứ ba		
Premier Oil Vietnam Offshore B.V	50.953.761.700	32.486.340.495
Các khoản phải thu khách hàng khác	35.002.730.745	61.350.737.386
b. Bên liên quan (Thuyết minh số 34)	717.099.991.643	484.233.513.459
	803.056.484.088	578.070.591.340

7. PHẢI THU KHÁC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a. Ngắn hạn		
Ký cược, ký quỹ	365.306.000	5.000.000
Tạm ứng cho nhân viên	60.891.853	228.771.610
Trích trước lãi tiền gửi	21.112.419.997	26.641.263.018
Phải thu khác là các bên liên quan (Thuyết minh số 34)	118.841.963.352	93.952.395.437
Các khoản phải thu khác	2.572.395.489	1.906.760.111
	142.952.976.691	122.734.190.176
b. Dài hạn		
Ký cược, ký quỹ	6.213.592.000	6.406.909.925
Phải thu khác là các bên liên quan (*) (Thuyết minh số 34)	169.638.192.164	237.550.700.500
	175.851.784.164	243.957.610.425

(*) Phải thu dài hạn khác từ Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Thái Bình Dương (Công ty con) liên quan đến các khoản vay do Tổng Công ty đứng ra thu xếp vốn và chuyển lại cho công ty con này. Lãi vay được Tổng Công ty thanh toán và thu lại công ty này.

Khoản phải thu này được thu hồi theo lịch sau:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Trong vòng một năm	106.982.763.363	67.912.508.335
Trong năm thứ hai	67.912.508.336	67.912.508.336
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	101.725.683.828	169.638.192.164
	276.620.955.527	305.463.208.835
Trừ: Số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần phải thu ngắn hạn khác)	(106.982.763.363)	(67.912.508.335)
Số phải trả sau 12 tháng	169.638.192.164	237.550.700.500

8. DỰ PHÒNG PHẢI THU NGẮN HẠN KHÓ ĐÒI

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Đối tượng nợ				
Công ty Cổ phần Vận tải biển Anh Vũ	3.082.546.497	-	3.107.171.553	-
Vitol Asia Pte., Ltd	-	-	2.043.177.000	-
Đối tượng khác	-	-	1.267.348.829	-
	3.082.546.497	-	6.417.697.382	-

9. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng mua đang đi đường	-	-	486.520.933	-
Nguyên liệu, vật liệu	46.832.678.873	-	37.532.137.667	-
Công cụ, dụng cụ	-	-	7.600.000	-
Hàng hoá	337.349.000	-	943.210.400	-
	<u>47.170.027.873</u>	<u>-</u>	<u>38.969.469.000</u>	<u>-</u>

10. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tổng
	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ			
Số dư đầu năm	2.497.125.198.610	14.893.493.799	2.512.018.692.409
Mua mới trong năm	464.910.156.748	1.189.697.181	466.099.853.929
Thanh lý, nhượng bán	-	(294.473.545)	(294.473.545)
Số dư cuối năm	<u>2.962.035.355.358</u>	<u>15.788.717.435</u>	<u>2.977.824.072.793</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Số dư đầu năm	653.413.267.862	13.776.317.071	667.189.584.933
Khấu hao trong năm	200.263.797.488	1.852.440.159	202.116.237.647
Thanh lý, nhượng bán	-	(294.473.545)	(294.473.545)
Số dư cuối năm	<u>853.677.065.350</u>	<u>15.334.283.685</u>	<u>869.011.349.035</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày đầu năm	<u>1.843.711.930.748</u>	<u>1.117.176.728</u>	<u>1.844.829.107.476</u>
Tại ngày cuối năm	<u>2.108.358.290.008</u>	<u>454.433.750</u>	<u>2.108.812.723.758</u>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Tổng Công ty đã thế chấp một số phương tiện vận tải của Tổng Công ty với nguyên giá và giá trị còn lại lần lượt là 2.959.076.775.964 đồng và 2.108.428.526.040 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020: 2.114.589.646.605 đồng và 1.499.614.805.275 đồng) để đảm bảo cho các khoản vay của Tổng Công ty.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, thiết bị văn phòng và phương tiện vận tải bao gồm một số tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với nguyên giá lần lượt là 14.762.374.254 đồng và 2.958.579.394 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020: 12.475.046.099 đồng và 2.958.579.394 đồng).

11. TÀI SẢN VÔ HÌNH

	<u>Phần mềm máy tính</u> VND
NGUYÊN GIÁ	
Số dư đầu năm	5.796.788,563
Tăng trong năm	32.650.924
Thanh lý, nhượng bán	(122.600.000)
Số dư cuối năm	<u>5.706.839,487</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ	
Số dư đầu năm	5.006.600,007
Khấu hao trong năm	452.862,486
Thanh lý, nhượng bán	(122.600,000)
Số dư cuối năm	<u>5.336.862,493</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI	
Tại ngày đầu năm	<u>790.188,556</u>
Tại ngày cuối năm	<u>369.976,994</u>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, phần mềm máy tính bao gồm một số phần mềm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với nguyên giá là 4.287.751.523 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020: 3.675.351.522 đồng).

HHTA VN

12. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	VND Dự phòng	Giá gốc	VND Dự phòng
Đầu tư vào công ty con				
- Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Thái Bình Dương	612.000.000.000	-	612.000.000.000	-
- Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Phương Nam	405.632.000.000	(98.834.541.453)	405.632.000.000	(101.887.443.056)
- Công ty Cổ phần Vận tải Nhật Việt (*)	391.486.200.000	-	207.886.200.000	-
- Công ty Cổ phần Vận tải Sản phẩm khí Quốc tế (**)	338.681.670.000	-	108.209.000.000	-
- Công ty Cổ phần Hàng hải Thăng Long	156.000.000.000	-	156.000.000.000	-
- Công ty Cổ phần Vận tải Dầu Phương Đông Việt (**)	154.869.870.000	-	154.869.870.000	-
- Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Hà Nội	107.800.000.000	-	107.800.000.000	-
- Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Đông Dương	43.677.500.000	-	43.677.500.000	-
- Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Quảng Ngãi	7.600.000.000	-	7.600.000.000	-
	2.217.747.240.000	(98.834.541.453)	1.898.674.570.000	(101.887.443.056)
Đầu tư vào các công ty liên kết				
- Công ty Cổ phần Dịch vụ Khai thác Dầu khí PTSC	97.000.000.000	-	97.000.000.000	-
	97.000.000.000	-	97.000.000.000	-
Đầu tư vào các đơn vị khác				
- PV KEEZ Pte. Ltd.	45.937.767.300	-	45.937.767.300	-
	45.937.767.300	-	45.937.767.300	-

(*) Trong năm 2021, Hội đồng Quản trị Tổng Công ty đề thống qua nghị quyết tăng vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Vận tải Nhật Việt và Công ty Cổ phần Vận tải Sản phẩm khí Quốc tế. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Tổng Công ty đã thực hiện góp thêm vốn vào các đơn vị thành viên lần lượt là 183.600.000.000 đồng (tương đương 18.360.000 cổ phiếu) và 185.477.670.000 đồng (tương đương 13.547.267 cổ phiếu).

(**) Trong năm 2021, Tổng Công ty đã nhận cổ tức bằng cổ phiếu từ Công ty Cổ phần Vận tải Dầu Phương Đông Việt với số lượng là 839.847 cổ phiếu, nâng tổng số cổ phiếu nắm giữ tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2021 tại Công ty Cổ phần Vận tải Dầu Phương Đông Việt lên mức 16.137.361 cổ phiếu (bao gồm 13.137.361 cổ phiếu phổ thông và 3.000.000 cổ phiếu ưu đãi cổ tức).



Thông tin chi tiết về các công ty con của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 như sau:

Tên công ty	Nơi đăng ký hoạt động	Số lượng cổ phiếu năm giữ	Tỷ lệ phần số hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết năm giữ	Hoạt động chính
Công ty Cổ phần Hàng hải Thăng Long	Tầng 10ng, Tòa nhà PVFCCo, Số 43 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đa káo, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh	15.600.000	99,85%	99,85%	Kinh doanh vận tải dầu thô và các sản phẩm khí, cung ứng dịch vụ hàng hải, sửa chữa tàu biển và phương tiện nổi, thuê và cho thuê tàu biển, phương tiện vận tải khác, tuyển dụng, đào tạo và cung ứng thuyền viên, kinh doanh xuất khẩu các mặt hàng công, nông, ngư nghiệp, và các mặt hàng phục vụ đời sống dân sinh.
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Hà Nội	Tầng 5, Tòa nhà Oriental, Số 324 Tây Sơn, Phường Ngã Tư Sở, Quận Đống Đa, Hà Nội	10.780.000	50,50%	50,50%	Kinh doanh vận tải dầu thô và các sản phẩm khí, cung ứng dịch vụ hàng hải, sửa chữa tàu biển và phương tiện nổi, thuê và cho thuê tàu biển, phương tiện vận tải khác, kinh doanh xuất khẩu các mặt hàng công, nông, ngư nghiệp, đồ dùng gia đình và cá nhân, dịch vụ tuyển dụng và cung ứng lao động trong nước, dịch vụ tư vấn, quản lý bất động sản, lễ hành nội địa và dịch vụ phục vụ khách du lịch, sản xuất phần mềm tin học, cung cấp dịch vụ giải pháp tin học và mua bán thiết bị tin học.
Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Phương Nam	Tầng 3, Tòa nhà PVFCCo, Số 43 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đa káo, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh	40.563.200	69,63%	53,75%	Kinh doanh vận tải xăng dầu bằng đường biển, đại lý kinh doanh xăng dầu, đại lý hàng hải, dịch vụ môi giới, cung ứng, sửa chữa tàu biển và cho thuê phương tiện vận tải.
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Thái Bình Dương	Tầng 3, Tòa nhà PVFCCo, Số 43 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đa káo, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh	61.200.000	64,92%	64,92%	Kinh doanh vận tải dầu thô, cho thuê phương tiện vận tải, dịch vụ môi giới tàu biển, đại lý hàng hải, cung ứng tàu biển, sửa chữa tàu biển.
Công ty Cổ phần Sản phẩm khí Quốc tế	Tầng 13, Tòa nhà Sofic, Số 10 Mai Chí Thọ, Phường Thủ Thiêm, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh	37.932.347	67,98%	67,98%	Kinh doanh mua bán phương tiện vận tải, cho thuê tàu, kinh doanh vận tải hàng bằng ô tô, đường thủy nội địa, kinh doanh vận tải biển, dịch vụ: đại lý tàu biển, môi giới hàng hải, cung ứng tàu biển, kiểm đếm hàng hóa, vệ sinh tàu biển, sửa chữa tàu biển tại cảng, giao nhận hàng hóa xuất nhập khẩu, đào tạo nghề.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-01

Tên công ty	Nơi đăng ký hoạt động	Số lượng cổ phiếu nắm giữ	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ	Hoạt động chính
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Đông Dương	Tầng 14, Tòa nhà Việt Á, Phố Duy Tân, Hà Nội	4.867.000	48,67%	48,67%	Kinh doanh vận tải bằng ô tô dưới các hình thức vận chuyển hành khách theo hợp đồng, vận chuyển hành khách theo tuyến cố định, vận tải hàng hóa, xăng dầu, gas; kinh doanh xăng dầu, khí hóa lỏng; kinh doanh gas; chế tạo, sửa chữa bình gas, chuyển đổi phương tiện vận tải sang sử dụng nhiên liệu khí hóa lỏng; sửa xe, bảo dưỡng xe, lắp đặt phụ tùng, phương tiện vận tải.
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu Phương Đông Việt	P806, Ôu 08 Citilight Tower, số 45 Võ Thị Sáu, Phường Đakao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh	16.137.361	51,87%	52,32%	Kinh doanh vận tải biển, kinh doanh vận tải hàng hóa bằng ô tô, kinh doanh vận tải hàng hóa đường thủy nội địa, dịch vụ môi giới hàng hải, dịch vụ cung ứng tàu biển, đại lý hàng hải, dịch vụ sửa chữa tàu biển (không hoạt động tại trụ sở), cho thuê phương tiện vận tải tàu biển, xe ô tô, xe cơ giới và khai thác đá, cát, sỏi, đất sét, dạy nghề, chuẩn bị mặt bằng.
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Quảng Ngãi	Lô CN08, Đường số 6, Khu Công nghiệp Tịnh Phong, Xã Tịnh Phong, Huyện Sơn Tịnh, Tỉnh Quảng Ngãi	760.000	50,67%	50,67%	Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng đường bộ; đại lý tàu biển, đại lý vận tải đường biển và các dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải; dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy, đường bộ và đường hàng không; kinh doanh kho bãi, lưu giữ hàng hóa; vận tải hành khách bằng đường bộ (trừ vận tải bằng xe buýt); vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương; mua bán và cung ứng vật tư, trang thiết bị phục vụ ngành dầu khí, hàng hải; đại lý bán vé máy bay; dịch vụ kỹ thuật dầu khí; kinh doanh dịch vụ môi giới và cung ứng tàu biển.
Công ty Cổ phần Vận tải Nhật Việt	151 Nguyễn Văn Thủ, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh	38.760.000	51,00%	51,00%	Cung cấp dịch vụ quản lý tàu; cung cấp nhiên liệu trong nước và nhập khẩu tạm thời đối với các tàu biển, tải xuất; vận chuyển khí hóa lỏng LPG trong vùng biển nội địa và quốc tế; dịch vụ; đại lý tàu biển.

Tổng Công ty đã dùng khoản góp vốn vào Công ty Cổ phần Vận tải Nhật Việt (công ty con) để đảm bảo cho khoản vay tại Ngân hàng Wooribank Việt Nam của công ty con này.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, tỷ lệ vốn góp thực tế của Tổng Công ty tại Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Đông Dương là 48,67% trên tổng số vốn thực góp của các cổ đông. Tuy nhiên, đa số các thành viên trong Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc (bao gồm cả Giám đốc) đều là đại diện của Tổng Công ty, Tổng Công ty có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của các công ty này. Do đó, Tổng Công ty đã trình bày khoản đầu tư góp vốn vào công ty này như một khoản đầu tư vào công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2021.

Thông tin chi tiết về công ty liên kết của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 như sau:

Công ty Cổ phần Dịch vụ Khai thác Dầu khí PTSC được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3501811660 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp ngày 01 tháng 4 năm 2011. Tổng vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 200 tỷ đồng. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 và 31 tháng 12 năm 2020, Tổng Công ty đã góp 97 tỷ đồng, tương ứng với 48,5% tổng vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. Hoạt động chính của công ty này là dịch vụ vận hành và bảo dưỡng các công trình khai thác dầu khí; hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác dầu thô và khí tự nhiên; cung cấp lao động chuyên ngành dầu khí.

Thông tin chi tiết về khoản đầu tư khác của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 như sau:

Theo Giấy chứng nhận đầu tư ra nước ngoài do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp ngày 16 tháng 7 năm 2010, Tổng Công ty được phép liên doanh với 3 công ty nước ngoài thành lập Công ty PV KEEZ Pte. Ltd. tại Singapore với mục đích cung cấp tàu chứa và xử lý dầu thô cho mỏ Chìm Sáo và Dừa. Tổng vốn đầu tư của dự án là 405 triệu Đô la Mỹ, trong đó, vốn đầu tư ra nước ngoài của nhà đầu tư Việt Nam là 9 triệu Đô la Mỹ. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 và 31 tháng 12 năm 2020, Tổng Công ty đã góp 2.389.343 Đô la Mỹ.

13. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Chi phí trả trước tiền thuê tàu	18.586.969.076	-
Các khoản trả trước dài hạn khác	2.518.123.064	1.818.341.250
	<u>21.105.092.140</u>	<u>1.818.341.250</u>



10/21
TNI
TNI
TNI
AM
10/21

14. TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP HOÀN LẠI

	Dự phòng VND	Chi phí trích trước VND	Khác VND	Tổng VND
Số dư đầu năm trước	11.154.756.028	16.594.111.482	614.675.498	28.363.543.008
Ghi nhận/(hoàn nhập) vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm trước	(3.454.756.028)	4.907.753.019	33.839.676	1.486.836.667
Số dư cuối năm trước	7.700.000.000	21.501.864.501	648.515.174	29.850.379.675
Ghi nhận/(hoàn nhập) vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm nay	3.373.400.000	2.331.413.115	(648.515.174)	5.056.297.941
Số dư cuối năm nay	11.073.400.000	23.833.277.616	-	34.906.677.616



15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm (phân loại lại) VND
Phải trả người bán là các bên liên quan (Thuyết minh số 34)	454.311.286.174	255.222.554.449
Các đối tượng khác	37.165.897.067	60.498.449.613
	<u>491.477.183.241</u>	<u>315.721.004.062</u>

Tổng Công ty có khả năng thanh toán toàn bộ số dư phải trả người bán tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 và 31 tháng 12 năm 2020.

16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ NHÀ NƯỚC

	Số đầu năm VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã thực nộp trong năm VND	Số cuối năm VND
Thuế giá trị gia tăng	14.060.540.972	107.114.875.737	117.985.362.198	3.190.054.511
Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	-	15.302.513.054	15.302.513.054	-
Thuế xuất nhập khẩu	-	17.074.627.884	17.074.627.884	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	33.701.799.284	102.288.806.238	110.407.178.348	25.583.427.174
Thuế thu nhập cá nhân	4.866.960.499	35.101.313.366	36.334.943.161	3.633.330.704
Thuế môn bài	-	5.000.000	5.000.000	-
Thuế khác	34.530.765	3.610.455.884	3.599.192.129	45.794.520
	<u>52.663.831.520</u>	<u>280.497.592.163</u>	<u>300.708.816.774</u>	<u>32.452.606.909</u>

17. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	Số cuối năm VND	Số đầu năm (phân loại lại) VND
a. Ngắn hạn		
Chi phí lãi vay	128.746.747.214	109.982.513.415
Chi phí thuê tàu	-	9.475.172.881
Phí quản lý	-	7.355.030.511
Phí hoa hồng, đại lý	-	158.899.967
Chi phí khác	1.023.792.079	617.537.365
	<u>129.770.539.293</u>	<u>127.589.154.139</u>
b. Dài hạn		
Phí hoa hồng đại lý	-	4.838.946.703

18. PHẢI TRẢ KHÁC

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	(phân loại lại)
		VND
a. Ngắn hạn		
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	8.101.070.165	7.826.466.257
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	3.818.510.290	3.041.382.890
Kinh phí công đoàn	2.802.351.228	2.312.355.049
Bảo hiểm xã hội	411.868.182	317.925.896
Bảo hiểm y tế	93.240.319	107.447.331
Bảo hiểm thất nghiệp	50.194.371	63.389.710
Các khoản phải trả các bên liên quan (Thuyết minh số 34)	54.166.645.319	51.861.529.371
Các khoản phải trả, phải nộp khác	16.774.370.836	14.662.879.029
	86.218.250.710	80.193.375.533
b. Dài hạn		
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	30.000.000.000	30.000.000.000
Các khoản phải trả các bên liên quan (*) (Thuyết minh số 34)	418.803.033.600	418.803.033.600
	448.803.033.600	448.803.033.600

(*) Phải trả dài hạn khác thể hiện khoản tiền mua tàu vận tải dầu thô trọng tải 104.000 DWT từ Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam với tổng giá trị là 465.336.704.000 đồng. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Tổng Công ty và Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam đang trong quá trình thực hiện các thủ tục để ký kết Phụ lục hợp đồng xác định lại lịch thanh toán và phải trả chậm. Chi tiết ảnh hưởng của việc phân loại lại được trình bày tại thuyết minh số 36.

19. VAY DÀI HẠN

	Số đầu năm		Trong năm		Số cuối năm
	VND		VND		VND
	Giá trị	Đã nhận	Hoàn trả	Chênh lệch tỷ giá	Giá trị
Vay	<u>1.191.945.146.705</u>	<u>389.326.320.000</u>	<u>(352.993.593.590)</u>	<u>(8.118.097.290)</u>	<u>1.220.159.775.825</u>

Tổng Công ty có khả năng thanh toán toàn bộ số dư nợ vay tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 và 31 tháng 12 năm 2020.

Chi tiết số dư các khoản vay và khoản nhận bảo lãnh tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a. Vay dài hạn đến hạn trả		
Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam	101.868.762.504	101.868.755.769
Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam	67.036.027.220	67.562.391.590
Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam	42.302.823.448	29.599.125.000
Ngân hàng Oversea-Chinese Banking Corporation	36.580.320.000	-
Ngân hàng TMCP Phương Đông - Chi nhánh Tân Bình	34.380.000.000	34.822.500.000
Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Bến Thành	16.735.276.250	16.735.276.255
	298.903.209.422	250.588.048.614
b. Vay dài hạn		
Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam	169.638.192.164	237.550.707.235
Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam	259.080.694.561	327.958.996.486
Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam	169.417.896.552	118.396.500.000
Ngân hàng Oversea-Chinese Banking Corporation	118.886.040.000	-
Ngân hàng TMCP Phương Đông - Chi nhánh Tân Bình	128.925.000.000	165.406.875.000
Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Bến Thành	75.308.743.126	92.044.019.370
	921.256.566.403	941.357.098.091

Tổng Công ty đã ký một số hợp đồng vay dài hạn với các ngân hàng thương mại và hợp đồng bảo lãnh với Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam liên quan tới việc đóng và mua tàu vận tải. Các hợp đồng vay và bảo lãnh này có tổng hạn mức tín dụng là 1.316.140.000.000 đồng, và 48.487.500 Đô la Mỹ. Các khoản vay này chịu lãi suất lãi tiền vay từ 2,5% đến 5,38%/năm (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020: 2,47% đến 5,1%/năm). Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Tổng Công ty đang có số dư nợ vay là 641.361.038.745 đồng và 25.252.999 Đô la Mỹ (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020: 657.320.295.430 đồng và 23.029.285 Đô la Mỹ).

Các khoản vay được đảm bảo bằng các phương tiện vận tải của Tổng Công ty (Thuyết minh số 10).

Các khoản vay dài hạn và bảo lãnh được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Trong vòng một năm	298.903.209.422	250.588.048.614
Trong năm thứ hai	337.043.282.653	216.631.801.176
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	498.441.884.109	595.084.924.509
Sau năm năm	85.771.399.641	129.640.372.406
	1.220.159.775.825	1.191.945.146.705
Trừ: Số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần vay và nợ ngắn hạn)	(298.903.209.422)	(250.588.048.614)
Số phải trả sau 12 tháng	921.256.566.403	941.357.098.091

20. CÁC KHOẢN DỰ PHÒNG

	Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định VND	Dự phòng khác VND	Tổng VND
Số dư đầu năm	167.411.264.287	773.423.017	168.184.687.304
Trích lập dự phòng	88.970.162.713	2.583.127.809	91.553.290.522
Hoàn nhập dự phòng	(43.350.362.183)	(773.423.017)	(44.123.785.200)
Các khoản dự phòng đã sử dụng	(50.485.137.817)	-	(50.485.137.817)
Số dư cuối năm	162.545.927.000	2.583.127.809	165.129.054.809
		Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Dự phòng phải trả ngắn hạn		133.939.727.809	91.689.887.304
Dự phòng phải trả dài hạn		31.189.327.000	76.494.800.000
		165.129.054.809	168.184.687.304

Trong năm 2022, Tổng Công ty có kế hoạch sửa chữa tàu PVT Mercury và kho nổi Đại Hùng Queen.

21. VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số cổ phần	VND	Số cổ phần	VND
Được phép phát hành	323.651.246	3.236.512.460.000	323.651.246	3.236.512.460.000
Đã phát hành và góp vốn đủ	323.651.246	3.236.512.460.000	323.651.246	3.236.512.460.000
		Số cuối năm		Số đầu năm
Số lượng cổ phần đã bán ra công chúng + Cổ phần phổ thông		323.651.246		323.651.246
Số lượng cổ phần đang lưu hành + Cổ phần phổ thông		323.651.246		323.651.246

Tổng Công ty chỉ phát hành một loại cổ phần phổ thông không được hưởng cổ tức cố định có mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần. Cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông được nhận cổ tức khi được công bố và có quyền biểu quyết theo tỷ lệ một quyền biểu quyết cho mỗi cổ phần sở hữu tại các cuộc họp cổ đông của Tổng Công ty. Các cổ phần đều có quyền thừa hưởng như nhau đối với số tài sản thuần của Tổng Công ty.



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI ĐẦU KHUÊ
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư và phát triển VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng VND
Số dư đầu năm trước	2.814.401.626.000	408.254.402.324	44.843.396.730	668.937.342.536	3.936.436.761.790
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	483.331.304.322	483.331.304.322
Phân phối quỹ	-	96.520.654.591	-	(96.520.654.591)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(31.400.316.788)	(31.400.316.788)
Quỹ khen thưởng Ban điều hành	-	-	-	(6.280.063.357)	(6.280.063.357)
Chia cổ tức bằng tiền	-	-	-	(112.576.064.800)	(112.576.064.800)
Chia cổ tức bằng cổ phiếu	422.110.840.000	-	-	(422.110.840.000)	-
Số dư đầu năm nay	3.236.512.466.000	504.775.057.115	44.843.396.730	483.380.707.322	4.269.511.621.167
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	502.789.998.186	502.789.998.186
Phân phối quỹ (**)	-	120.832.826.081	-	(120.832.826.081)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (**)	-	-	-	(24.166.565.216)	(24.166.565.216)
Quỹ khen thưởng Ban điều hành (**)	-	-	-	(4.833.313.043)	(4.833.313.043)
Công bố chia cổ tức (**)	-	-	-	(323.651.246.000)	(323.651.246.000)
Số dư cuối năm nay	3.236.512.466.000	625.607.883.196	44.843.396.730	512.686.755.168	4.419.650.495.094

(*) Số trích lập các quỹ trong năm bao gồm số trích lập bổ sung quỹ đầu tư và phát triển, quỹ khen thưởng phúc lợi và quỹ khen thưởng Ban điều hành của Tổng Công ty với số tiền lần lượt là 120.832.826.081 đồng, 24.166.565.216 đồng và 4.833.313.043 đồng từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2021 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số NQ 01/VTDK-DHĐCĐ2021 ngày 15 tháng 6 năm 2021.

(**) Đại hội đồng cổ đông đã ra Nghị quyết số 01/NQ-VTDK-DHĐCĐ2021 ngày 15 tháng 6 năm 2021 thông qua việc chia cổ tức bằng tiền tỷ lệ 10% vốn điều lệ (tương đương 323.651.246.000 đồng). Việc thanh toán cổ tức bằng tiền đã được thực hiện trong năm 2021 (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 còn 786.017.000 đồng chưa thanh toán).



Chi tiết các cổ đông sở hữu từ 5% cổ phần trở lên tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	VND	%	VND	%
Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam	1.650.664.920.000	51,00	1.650.664.920.000	51,00
Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam	164.091.550.000	5,07	164.091.550.000	5,07

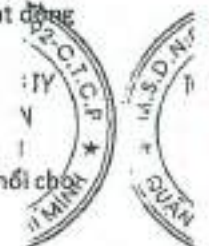
22. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Để phục vụ mục đích quản lý, cơ cấu tổ chức của Tổng Công ty được chia thành ba bộ phận hoạt động: Bộ phận kinh doanh dịch vụ vận tải, Bộ phận kinh doanh dịch vụ hàng hải dầu khí và Bộ phận dịch vụ thương mại. Tổng Công ty lập báo cáo bộ phận theo ba bộ phận kinh doanh này. Hoạt động chủ yếu của ba bộ phận kinh doanh trên như sau:

- Bộ phận kinh doanh dịch vụ vận tải: kinh doanh vận tải bằng tàu;
- Bộ phận kinh doanh dịch vụ hàng hải dầu khí: kinh doanh cung cấp kho nối, quản lý kho nối cho mỏ dầu, dịch vụ quản lý tàu biển, cung ứng và quản lý nguồn lao động;
- Bộ phận kinh doanh thương mại: kinh doanh hàng hóa, trang thiết bị cho các công ty dầu khí.

Các thông tin bộ phận về hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty như sau:



101
1 N
3 T
5 O
1 T
10/1

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Bảng cân đối kế toán riêng

Chỉ tiêu	Dịch vụ vận tải VND	Dịch vụ hàng hải dầu khí VND	Thương mại VND	Tổng VND
Số cuối năm				
Tài sản bộ phận	4.144.328.830.260	582.834.107.245	1.993.713.037	4.728.956.650.542
Tài sản không phân bổ				2.542.709.065.374
Tổng tài sản				<u>7.271.665.715.916</u>
Nợ phải trả bộ phận	2.074.016.649.095	278.982.668.804	685.040.125	2.353.684.398.024
Nợ phải trả không phân bổ				498.330.822.798
Tổng nợ phải trả				<u>2.852.015.220.822</u>
Chỉ tiêu	Dịch vụ vận tải VND	Dịch vụ hàng hải dầu khí VND	Thương mại VND	Tổng VND
Số đầu năm (Phân loại lại)				
Tài sản bộ phận	4.324.364.910.889	461.144.908.534	19.527.564.320	4.605.037.383.743
Tài sản không phân bổ				2.297.224.748.790
Tổng tài sản				<u>6.902.262.132.533</u>
Nợ phải trả bộ phận	1.789.537.746.305	421.942.465.029	-	2.211.480.211.334
Nợ phải trả không phân bổ				421.270.300.032
Tổng nợ phải trả				<u>2.632.750.511.366</u>

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

MẪU SỐ 8 09-DH

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng

Chỉ tiêu	Dịch vụ vận tải VND	Dịch vụ hàng hải đầu khí VND	Thương mại VND	Tổng VND
Năm nay				
Doanh thu				
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	1.864.866.183.243	989.433.672.947	49.184.938.098	2.903.484.794.288
Tổng doanh thu	1.864.866.183.243	989.433.672.947	49.184.938.098	2.903.484.794.288
Giá vốn				
Giá vốn từ bán hàng ra bên ngoài	1.500.430.640.404	832.451.708.318	44.614.363.398	2.377.496.712.120
Tổng giá vốn	1.500.430.640.404	832.451.708.318	44.614.363.398	2.377.496.712.120
Kết quả hoạt động kinh doanh				
Kết quả hoạt động kinh doanh	364.435.542.839	156.981.964.629	4.570.574.700	525.988.082.168
Chi phí không phân bổ				(83.633.421.244)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				442.354.660.924
Doanh thu hoạt động tài chính				233.638.246.239
Lợi nhuận khác				(25.700.372.157)
Chi phí tài chính				(50.270.028.523)
Lợi nhuận trước thuế				600.022.506.483
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp				(100.288.806.238)
Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại				5.056.297.941
Lợi nhuận trong năm				502.789.998.186
Tổng tin khác				
Khấu hao				202.569.100.133



**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**

MẪU SỐ B 09-DN

Chỉ tiêu	Dịch vụ			Tổng VND
	Dịch vụ vận tải VND	hàng hải dầu khí VND	Thương mại VND	
Năm trước				
Doanh thu				
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	1.556.452.800.457	978.325.616.300	19.581.915.823	2.554.360.332.673
Tổng doanh thu	<u>1.556.452.800.457</u>	<u>978.325.616.300</u>	<u>19.581.915.823</u>	<u>2.554.360.332.673</u>
Giá vốn				
Giá vốn từ bán hàng ra bên ngoài	1.238.222.204.939	834.865.837.856	18.221.948.999	2.091.309.991.794
Tổng giá vốn	<u>1.238.222.204.939</u>	<u>834.865.837.856</u>	<u>18.221.948.999</u>	<u>2.091.309.991.794</u>
Kết quả hoạt động kinh doanh				
Kết quả hoạt động kinh doanh	<u>318.230.595.518</u>	<u>143.459.778.537</u>	<u>1.359.966.824</u>	<u>463.050.340.879</u>
Chi phí không phân bổ				(59.045.070.803)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				<u>404.005.270.076</u>
Doanh thu hoạt động tài chính				205.906.905.586
Lợi nhuận khác				30.802.493.268
Chi phí tài chính				<u>(58.765.235.710)</u>
Lợi nhuận trước thuế				<u>581.949.433.220</u>
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp				(100.104.965.565)
Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại				1.466.835.667
Lợi nhuận trong năm				<u><u>483.331.304.322</u></u>
Thông tin khác				
Khấu hao				<u>170.629.341.938</u>

Bộ phận theo khu vực địa lý

Hoạt động chính của Tổng Công ty là cung cấp dịch vụ vận tải dầu thô, dầu sản phẩm và dịch vụ cho thuê kho nổi chứa dầu trong lãnh thổ Việt Nam. Theo đó, Ban Tổng Giám đốc đã đánh giá và tin tưởng rằng việc không lập và trình bày báo cáo tài chính bộ phận theo khu vực địa lý trong báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 là phù hợp với quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 28 "Báo cáo bộ phận" và phù hợp với tình hình kinh doanh hiện nay của Tổng Công ty.

23. KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngoại tệ các loại:

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Đô la Mỹ ("USD")	1.345.683	424.839
- Euro ("EUR")	321	332

24. DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm nay VND	Năm trước VND
Dịch vụ vận tải	1.864.866.183.243	1.556.452.800.457
Dịch vụ hàng hải dầu khí	989.433.672.947	978.325.616.393
Thương mại	49.184.938.098	19.581.915.823
	<u>2.903.484.794.288</u>	<u>2.554.360.332.673</u>

25. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm nay VND	Năm trước VND
Dịch vụ vận tải	1.500.430.640.404	1.238.222.204.939
Dịch vụ hàng hải dầu khí	832.451.708.318	834.865.837.856
Thương mại	44.614.363.398	18.221.948.999
	<u>2.377.496.712.120</u>	<u>2.091.309.991.794</u>

26. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	272.466.893.390	285.354.086.535
Chi phí nhân công	383.902.643.124	375.895.590.512
Chi phí khấu hao tài sản cố định	202.569.100.133	170.629.141.918
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.471.118.650.806	1.236.311.825.505
Chi phí khác bằng tiền	86.458.482.513	63.942.469.128
	<u>2.416.515.769.966</u>	<u>2.132.133.113.598</u>

27. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Cổ tức, lợi nhuận được chia	131.311.403.960	96.572.202.582
Lãi tiền gửi	92.291.877.765	100.700.790.946
Lãi chênh lệch tỷ giá	10.034.964.514	8.633.912.058
	<u>233.638.246.239</u>	<u>205.906.905.586</u>

KẾ TÍNH TÀI CHÍNH

28. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền vay	52.706.282.692	64.813.766.864
Lỗ chênh lệch tỷ giá	127.169.706	7.326.336.801
Hoàn nhập giảm giá các khoản đầu tư tài chính (*)	(3.052.901.603)	(13.374.867.955)
Chi phí khác	489.477.728	-
	<u>50.270.028.523</u>	<u>58.765.235.710</u>

(*) Đây là khoản hoàn nhập dự phòng giảm giá của các khoản đầu tư vào các Công ty con.

29. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí lương	47.603.256.292	37.268.370.683
Hoàn nhập dự phòng nợ phải thu khó đòi	(78.331.422)	(14.316.238.464)
Chi phí khác	36.108.496.374	36.092.938.584
	<u>83.633.421.244</u>	<u>59.045.070.803</u>

30. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành trong năm được tính như sau:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận trước thuế	600.022.506.483	581.949.433.220
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Trừ: Cổ tức được chia	(126.877.620.000)	(92.056.604.000)
Trừ: Chênh lệch tạm thời không chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	-	(15.224.129)
Trừ: Chênh lệch tạm thời được khấu trừ	-	(58.482.979.468)
Cộng: Chênh lệch tạm thời không được khấu trừ	34.701.781.073	-
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	3.597.363.635	3.201.239.607
Thu nhập tính thuế năm hiện hành	<u>511.444.031.191</u>	<u>434.595.865.230</u>
Thuế suất thông thường	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập tính thuế năm hiện hành	102.288.806.238	86.919.173.046
Bổ sung thuế thu nhập doanh nghiệp các năm trước	-	13.185.792.519
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	<u>102.288.806.238</u>	<u>100.104.965.565</u>

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 20% trên thu nhập tính thuế.

31. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Tổng Công ty là bên đi thuê:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí thuê hoạt động tối thiểu đã ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong năm	288.190.945.388	230.635.646.221

Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Tổng Công ty có các khoản cam kết thuê hoạt động không hủy ngang với lịch thanh toán như sau:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Trong vòng một năm	44.882.268.533	99.154.884.667
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	130.595.868.000	1.953.448.000
Sau năm năm	43.085.016.000	-
	<u>218.563.152.533</u>	<u>101.108.332.667</u>

Cam kết thuê hoạt động thể hiện các khoản thuê văn phòng, thuê xe và thuê kho nổi của Tổng Công ty được ký với thời hạn từ 1 đến 2 năm, hợp đồng thuê tàu Dimond với thời hạn 7 năm.

Tổng Công ty là bên cho thuê:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Doanh thu cho thuê hoạt động tối thiểu đã ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong năm	627.150.162.789	520.878.426.364

Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Tổng Công ty có các khoản cam kết cho thuê hoạt động không hủy ngang với lịch thanh toán như sau:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Trong vòng một năm	212.110.389.500	270.388.155.000
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	584.974.628.300	327.630.980.000
Sau năm năm	189.553.704.600	113.796.000.000
	<u>986.638.722.400</u>	<u>711.815.135.000</u>

Khoản cam kết cho thuê hoạt động thể hiện khoản tiền phải thu với Công ty TNHH MTV Điều Hành Thăm dò Khai thác Dầu khí Trong nước từ việc cho thuê tàu Đại Hùng Queen với thời hạn thuê 5 năm và phải thu cho thuê tàu Saturn, tàu Sapphire, tàu Aurora, tàu Azura, tàu Diamond và tàu Oriana với thời hạn thuê từ 5 đến 15 năm.

32. CAM KẾT VỐN

Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông ngày 15 tháng 6 năm 2021 phê duyệt kế hoạch đầu tư trong năm 2021, bao gồm đầu tư tài sản cố định với số tiền 80,5 triệu Đô la Mỹ (tương đương 1.891,75 tỷ đồng), đầu tư tài chính với số tiền 339 tỷ đồng và đầu tư mua sắm trang thiết bị 2,2 tỷ đồng. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Tổng Công ty đã thực hiện khoản đầu tư 2 tàu hỏa chất với giá trị hơn 456 tỷ đồng (tương đương 20 triệu Đô la Mỹ) và góp vốn bổ sung vào Công ty Cổ phần Vận tải Nhật Việt và Công ty Cổ phần Vận tải Khí Quốc tế với số tiền lần lượt là 183,6 tỷ đồng và 135,4 tỷ đồng.

33. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Tổng Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Tổng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Tổng Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 19, trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của Tổng Công ty (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Tổng Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Các khoản vay	1.220.159.775.825	1.191.945.146.705
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	274.769.924.230	690.630.196.183
Nợ thuần	945.389.851.595	501.314.950.522
Vốn chủ sở hữu	4.419.650.495.094	4.269.511.621.167
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	<u>0,21</u>	<u>0,12</u>

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Tổng Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 3.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi số	
	Số cuối năm VND	Số đầu năm (phân loại lại) VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	274.769.924.230	690.630.196.183
Phải thu khách hàng và phải thu khác	1.118.717.806.593	938.115.922.949
Đầu tư tài chính	1.433.237.767.300	1.458.237.767.300
Tổng cộng	<u>2.826.725.498.123</u>	<u>3.086.983.886.432</u>
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	1.220.159.775.825	1.191.945.146.705
Phải trả người bán và phải trả khác	1.023.140.813.451	841.916.295.209
Chi phí phải trả	129.770.539.293	132.428.100.842
Tổng cộng	<u>2.373.071.128.569</u>	<u>2.166.289.542.756</u>

Tổng Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư 210") cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Tổng Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Tổng Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Tổng Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty chủ yếu chịu sự rủi ro về thay đổi hoạt động của các Nhà máy lọc dầu (Dịch vụ vận tải) và hoạt động của các mỏ (Dịch vụ hàng hải dầu khí), để kiểm soát rủi ro này Tổng Công ty đã luôn đảm bảo đội tàu vận tải dầu thô đủ về số lượng và chất lượng theo yêu cầu của các Nhà máy lọc dầu, đối với các phương tiện kho nổi đều có thể chuyển đổi công năng để đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của các mỏ. Đây là lợi thế kinh doanh của Tổng Công ty trong các năm vừa qua.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Tổng Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Tổng Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ bằng tiền có gốc bằng ngoại tệ tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán như sau:

	Tài sản		Công nợ	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND	VND	VND
Đô la Mỹ ("USD")	31.363.831.942	15.975.707.768	582.974.275.167	561.156.204.629
Euro ("EUR")	8.149.595	9.270.653	-	46.015.566
Đô la Singapore ("SGD")	-	-	1.269.498.435	3.342.726.319
Yên Nhật ("JPY")	-	-	1.955.031.512	1.044.616.514
Bảng Anh ("GBP")	-	-	-	28.693.489
Na Uy Krone ("NOK")	-	-	-	184.258.325

01C
 HI N
 NG T
 BLC
 ET
 1/8

Phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ

Tổng Công ty chủ yếu chịu ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá đồng Đô la Mỹ.

Tổng Công ty phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ trong trường hợp tỷ giá Đồng Việt Nam tăng/giảm 2% so với các đồng tiền trên. Tỷ lệ thay đổi 2% được Ban Tổng Giám đốc sử dụng khi phân tích rủi ro tỷ giá và thể hiện đánh giá của Ban Tổng Giám đốc về mức thay đổi có thể có của tỷ giá. Phân tích độ nhạy với ngoại tệ chỉ áp dụng cho các số dư của các khoản mục tiền tệ bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối năm và điều chỉnh việc đánh giá lại các khoản mục này khi có 2% thay đổi của tỷ giá. Nếu tỷ giá đồng Đô la Mỹ so với Đồng Việt Nam tăng/giảm 2% (2020: 2%) thì lợi nhuận trước thuế trong năm của Tổng Công ty sẽ giảm/tăng một khoản tương ứng là 11.032.208.864 đồng (2020: giảm/tăng 10.903.609.937 đồng). Phân tích biến động rủi ro tỷ giá tương tự cho đồng Euro, Đô La Singapore, Yên Nhật, bảng Anh, và Na Uy Krone thì không có ảnh hưởng trọng yếu đến lợi nhuận kế toán trước thuế trong năm của Tổng Công ty.

Quản lý rủi ro lãi suất

Tổng Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được kỳ kết. Rủi ro này sẽ được Tổng Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Tổng Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Tổng Công ty. Tổng Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Tổng Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tình thanh khoản cũng được Tổng Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Tổng Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Tổng Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Tổng Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Tổng Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Tổng Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

12
ANH
TH
T
AM
CH

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MÃU SỐ B 09-DN

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Tổng VND
Số cuối năm				
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	274.769.924.230	-	-	274.769.924.230
Phải thu khách hàng và phải thu khác	942.866.022.429	175.851.784.164	-	1.118.717.806.593
Đầu tư tài chính	1.387.300.000.000	-	45.937.767.300	1.433.237.767.300
	<u>2.604.935.946.659</u>	<u>175.851.784.164</u>	<u>45.937.767.300</u>	<u>2.826.725.498.123</u>
Công nợ tài chính				
Các khoản vay	298.903.209.422	835.485.166.762	85.771.399.641	1.220.159.775.825
Phải trả người bán và phải trả khác	574.337.779.851	362.218.857.600	86.584.176.000	1.023.140.813.451
Chi phí phải trả	129.770.535.293	-	-	129.770.535.293
	<u>1.003.011.528.566</u>	<u>1.197.704.024.362</u>	<u>172.355.575.641</u>	<u>2.373.071.128.569</u>
Chênh lệch thanh khoản thuần	<u>1.601.924.418.093</u>	<u>(1.021.852.240.198)</u>	<u>(126.417.808.341)</u>	<u>453.654.369.554</u>
	Dưới 1 năm VND	Từ 1 đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Tổng VND
Số đầu năm (phân loại lại)				
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	690.690.196.183	-	-	690.690.196.183
Phải thu khách hàng và phải thu khác	694.158.312.524	243.957.610.425	-	938.115.922.949
Đầu tư tài chính	1.412.306.000.000	-	45.937.767.300	1.458.237.767.300
	<u>2.797.088.508.707</u>	<u>243.957.610.425</u>	<u>45.937.767.300</u>	<u>3.086.983.886.432</u>
Công nợ tài chính				
Các khoản vay	250.588.048.614	811.716.725.685	129.640.372.406	1.191.945.146.705
Phải trả người bán và phải trả khác	393.113.261.609	303.357.465.600	145.445.568.000	841.916.295.209
Chi phí phải trả	127.588.154.189	4.838.946.703	-	132.428.100.892
	<u>771.290.464.362</u>	<u>1.119.913.137.988</u>	<u>275.085.940.406</u>	<u>2.166.289.542.756</u>
Chênh lệch thanh khoản thuần	<u>2.025.798.044.345</u>	<u>(875.955.527.563)</u>	<u>(229.148.173.106)</u>	<u>920.694.343.676</u>

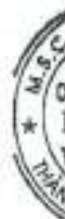


Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Ban Tổng Giám đốc đánh giá rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Tổng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

34. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam (gọi tắt là "PVN")	Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Vận tải Sản phẩm khí Quốc tế	Công ty con
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Hà Nội	Công ty con
Công ty Cổ phần Hàng hải Thăng Long (trước đây tên là "Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Vũng Tàu")	Công ty con
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Quảng Ngãi	Công ty con
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Đông Dương	Công ty con
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu Phương Đông Việt	Công ty con
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Thái Bình Dương	Công ty con
Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Phương Nam	Công ty con
Công ty Cổ phần Vận tải Nhật Việt	Công ty con
Công ty PV KEEZ Pte. Ltd.	Công ty liên doanh
Công ty Cổ phần Dịch vụ Khai thác Dầu khí PTSC	Công ty liên kết
Tổng Công ty Dầu Việt Nam	Công ty con của PVN
Công ty Cổ phần Lọc hoá dầu Bình Sơn	Công ty con của PVN
Công ty TNHH MTV Công nghiệp tàu thủy Dung Quất	Công ty con của PVN
Chi nhánh Tổng Công ty Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí - Công ty Cảng Dịch vụ Dầu khí	Công ty con của PVN
Chi nhánh Tổng Công ty Khí Việt Nam - CTCP - Công ty Kinh doanh Sản phẩm khí	Công ty con của PVN
Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí Miền Nam - Chi nhánh Bình khí	Công ty con của PVN
Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam	Thành viên PVN
Liên doanh Việt-Nga Vietsovetro	Công ty liên doanh của PVN
Công ty TNHH MTV Điều hành Thăm dò Khai thác Dầu khí Trong nước	Thành viên PVN
Công ty Bảo hiểm PVI Phía Nam	Công ty thuộc Công ty Cổ phần PVI (Công ty con của PVN)
Công ty Bảo hiểm PVI Bến Thành	Công ty thuộc Công ty Cổ phần PVI (Công ty con của PVN)
Công ty Bảo hiểm PVI Vũng Tàu	Công ty thuộc Công ty Cổ phần PVI (Công ty con của PVN)
Công ty Cổ phần Đào tạo Kỹ thuật PVD	Công ty thuộc Tổng Công ty Cổ phần Khoan và Dịch vụ khoan Dầu khí (Công ty con của PVN)
Chi nhánh Tổng Công ty Khoan và Dịch vụ khoan dầu khí - Xí nghiệp Dịch vụ Đầu tư khoan dầu khí	Công ty thuộc Tổng Công ty Cổ phần Khoan và Dịch vụ khoan Dầu khí (Công ty con của PVN)
Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí Vũng Tàu	Công ty thuộc Tổng Công ty Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí (Công ty liên kết của PVN)
Công ty Cổ phần Dịch vụ Logistic Dầu khí Việt Nam	Công ty thuộc Tổng Công ty Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí (Công ty liên kết của PVN)



Trong năm, Tổng Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Dịch vụ cung cấp		
Công ty Cổ phần Lọc Hóa Dầu Bình Sơn	1.183.395.183.308	928.779.891.539
Công ty TNHH MTV Điều Hành Thẩm dò Khai thác Dầu khí trong nước	442.506.020.737	399.564.104.960
Tổng Công ty Dầu Việt Nam	435.223.979.183	392.618.594.110
Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Phương Nam	137.433.555.111	92.761.333.757
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Thái Bình Dương	72.147.793.859	125.730.527.667
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu Phương Đông Việt	62.495.891.318	31.418.703.814
Công ty Cổ phần Vận tải Nhật Việt	39.785.000.000	37.328.492.000
Chi nhánh Tổng Công Ty Khí Việt Nam - CTCP - Công Ty Kinh Doanh Sản Phẩm Khí	27.245.805.544	44.423.168.563
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Hà Nội	13.803.192.262	9.856.085.755
Công ty Cổ phần Hàng hải Thăng Long	1.492.362.176	19.303.033.398
Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí Miền Nam - Chi nhánh Bình Khí	-	4.160.941.673
Các bên liên quan khác	419.197.914	70.740.930
Thu nhập tài chính (lãi tiền gửi ngân hàng)		
Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam	26.137.570.680	20.947.333.082
Thu nhập khác		
Công ty Cổ phần Lọc Hóa Dầu Bình Sơn	-	31.059.852.728
Mua hàng		
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Thái Bình Dương	980.264.832.244	697.425.112.393
Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Phương Nam	437.940.873.075	392.496.970.669
Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí Vũng Tàu	29.542.914.107	27.315.255.822
Công ty Cổ phần Vận tải Sản phẩm khí Quốc tế	27.186.224.236	44.326.070.248
Chi nhánh Tổng Công Ty Cổ phần Khoan và Dịch vụ khoan dầu khí - Xí nghiệp Dịch vụ Đầu tư khoan dầu khí	25.173.586.137	24.795.584.261
Công ty Bảo hiểm PVI Phía Nam	6.793.484.577	16.624.036.443
Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam	5.819.494.332	7.355.030.511
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Quảng Ngãi	5.287.666.323	3.805.157.735
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Đông Dương	4.808.021.298	5.081.900.712
Công ty Bảo hiểm PVI Vũng Tàu	2.946.819.335	581.379.898
Chi nhánh Tổng Công ty Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí - Công ty Cảng Dịch vụ Dầu khí	2.314.496.262	2.630.756.899
Công ty Cổ phần Đào tạo Kỹ thuật PVD	2.269.075.000	2.584.643.176
Công ty Cổ phần Hàng hải Thăng Long	1.944.148.568	2.338.890.381
Liên doanh Việt-Nga Vietsovpetro	1.394.965.950	1.399.255.290
Công ty Cổ Phần Sơn Dầu khí Việt Nam	1.336.355.000	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ Logistics Dầu khí Việt Nam	1.120.378.174	1.771.561.133
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Hà Nội	915.738.705	5.802.443.491
Công ty Bảo hiểm PVI Bến Thành	569.532.938	1.066.525.912
Các bên liên quan khác	1.900.077.932	2.273.288.660
Chi phí lãi vay		
Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam	15.268.937.137	19.655.216.857
Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam	27.081.549.099	24.644.737.072

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**

MẪU SỐ B 09-DN

	<u>Năm nay</u> VND	<u>Năm trước</u> VND
Cổ tức được chia		
Công ty CP Vận tải Dầu Khí Thái Bình Dương	61.200.000.000	61.200.000.000
Công ty Cổ phần Vận tải Sản phẩm khí Quốc tế	36.577.620.000	31.700.604.000
Công ty Cổ phần Dịch vụ Khai thác Dầu khí PTSC	29.100.000.000	19.400.000.000
Công ty PV KEEZ Pte. Ltd.	4.434.300.240	4.515.598.582
Công ty Cổ phần Vận tải Nhật Việt	-	20.400.000.000

Cổ tức đã công bố và chi trả

Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam	<u>165.062.135.460</u>	<u>57.413.793.048</u>
------------------------------------	------------------------	-----------------------

Góp vốn vào công ty con

Công ty Cổ phần Vận tải Nhật Việt	183.600.000.000	-
Công ty Cổ phần Vận tải Sản phẩm khí Quốc tế	<u>135.472.670.000</u>	<u>-</u>

Thu nhập của các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát trong năm như sau:

	<u>Năm nay</u> VND	<u>Năm trước</u> VND
Thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị		
- Ông Phạm Việt Anh	16.500.000	36.000.000
- Ông Nguyễn Duyên Hiếu	19.500.000	-
- Ông Mai Thế Toàn	16.500.000	36.000.000
- Ông Lê Mạnh Tuấn	36.000.000	36.000.000
Lương, thưởng và các khoản phúc lợi khác	<u>7.640.320.331</u>	<u>7.206.670.707</u>

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	<u>Số cuối năm</u> VND	<u>Số đầu năm</u> VND
Phải thu ngắn hạn của khách hàng		
Công ty Cổ phần Lọc Hóa Dầu Bình Sơn	399.675.916.105	182.290.913.316
Công ty TNHH MTV Điều hành Thăm dò Khai thác Dầu khí Trong nước	172.983.934.447	137.654.938.345
Tổng Công ty Dầu Việt Nam	47.888.987.874	71.236.434.036
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Thái Bình Dương	43.707.915.741	25.797.794.351
Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Phương Nam	24.974.007.694	21.582.901.405
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Hà Nội	12.533.899.016	5.153.541.080
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu Phương Đông Việt	5.765.734.907	18.108.094.195
Công ty Cổ phần Vận tải Nhật Việt	3.716.900.000	12.897.693.600
Chi Nhánh Tổng Công Ty Khí Việt Nam - CTCP - Công Ty Kinh Doanh Sản Phẩm Khí	1.802.107.400	4.697.515.695
Công ty Cổ phần Hàng hải Thăng Long	-	4.513.687.436
Các khoản phải thu các bên liên quan khác	4.050.588.459	300.000.000
	<u>717.099.991.643</u>	<u>484.233.513.459</u>

90/
NHÀ
TY
IT
N/
HỒ

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**

MẪU SỐ B 09-DN

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Phải thu ngắn hạn khác		
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Thái Bình Dương	106.982.763.363	67.912.508.335
Công ty TNHH MTV Công nghiệp Tàu thủy Dung Quất	7.644.465.154	7.644.465.154
Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam	3.095.115.755	3.095.115.755
Công ty PV KEEZ Pte. Ltd. (cố tức phải thu)	1.119.619.080	1.124.776.015
Công ty Cổ phần Vận tải Nhật Việt	-	10.200.000.000
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Thái Bình Dương	-	1.924.836.658
Tổng Công ty Dầu Việt Nam	-	1.250.693.520
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Hà Nội	-	800.000.000
	118.841.963.352	93.952.395.437
Phải thu ngắn hạn khác (lãi dự thu)		
Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam	5.727.912.326	6.220.028.772
Phải thu dài hạn khác		
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Thái Bình Dương	169.638.192.164	237.550.700.500
	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	(Phân loại lại)
		VND
Phải trả người bán ngắn hạn		
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Thái Bình Dương	401.029.403.910	203.680.634.966
Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Phương Nam	25.181.901.448	18.767.774.093
Công ty TNHH MTV Công nghiệp Tàu thủy Dung Quất	10.833.036.612	10.833.036.612
Chi nhánh Tổng Công ty Cổ phần Khoan và Dịch vụ khoan dầu khí - Xí nghiệp Dịch vụ Đầu tư khoan dầu khí	5.882.186.372	7.135.260.888
Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí Vũng Tàu	3.621.858.061	3.530.220.588
Công ty Cổ phần Vận Tải Sản Phẩm Khí Quốc Tế	3.027.349.260	5.600.895.372
Công ty Cổ phần Hàng hải Thăng Long	1.060.700.278	256.389.000
Công ty Cổ phần Đào tạo Kỹ thuật PVD	629.006.825	226.214.750
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Đông Dương	537.598.054	620.327.180
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Hà Nội	482.149.500	507.480.290
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Quảng Ngãi	480.700.444	634.939.899
Liên doanh Việt-Nga Vletsovetro	278.039.000	257.437.000
Chi nhánh Tổng Công ty Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí - Công ty Cảng Dịch vụ Dầu khí	-	210.222.805
Các khoản phải trả các bên liên quan khác	1.267.346.410	2.961.721.006
	454.311.286.174	255.222.554.449
Nhận ứng trước từ khách hàng		
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Phương Nam	1.250.000.000	-
Phải trả ngắn hạn khác		
Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam	46.533.670.400	46.533.670.400
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Thái Bình Dương	7.121.716.083	4.741.496.588
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Hà Nội	508.000.200	581.862.383
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Quảng Ngãi	3.258.636	4.500.000
	54.166.645.319	51.861.529.371

2504
 H
 IHH
 E
 M
 VI
 MPT

	Số cuối năm VND	Số đầu năm (Phân loại lại) VND
Phải trả dài hạn khác		
Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam	418.803.033.600	418.803.033.600
Doanh thu chưa thực hiện		
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu Phương Đông Việt (ngắn hạn)	3.318.918.183	-
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu Phương Đông Việt (dài hạn)	17.500.058.333	-
	20.818.976.516	-
Vay dài hạn		
Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam	271.506.954.668	395.521.388.076
Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam	326.116.721.781	339.419.463.004
	597.623.676.449	734.940.851.080
Trích trước chi phí tài chính		
Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam	125.131.621.063	106.535.558.539
Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam	2.826.917.027	2.918.727.819
	127.958.538.090	109.454.286.358

35. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

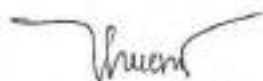
Cố tức đã trả cho cổ đông không bao gồm số tiền 3.818.510.290 đồng (2020: 3.041.382.890 đồng), là khoản cố tức phải trả bằng tiền nhưng chưa được thanh toán trong năm. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần thay đổi các khoản phải trả.

Tiền chi mua sắm tài sản cố định trong năm không bao gồm 126.656.889 đồng (2020: không phát sinh), là số tiền chi mua sắm tài sản cố định trong năm mà chưa được thanh toán. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần thay đổi các khoản phải trả.

36. SỐ LIỆU SO SÁNH

Một số số liệu tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 được phân loại lại do Tổng Công ty và Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam đang trong quá trình thực hiện các thủ tục ký kết Phụ lục hợp đồng xác định lại lịch thanh toán, cụ thể như sau:

	Mã số	Số đã báo cáo VND	Phân loại lại VND	Số sau phân loại lại VND
Phải trả người bán ngắn hạn	311	431.166.572.062	(115.445.568.000)	315.721.004.062
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	110.400.591.792	17.188.562.347	127.589.154.139
Phải trả ngắn hạn khác	319	198.709.659.480	(118.516.983.947)	80.193.375.533
Phải trả người bán dài hạn	331	202.029.744.000	(202.029.744.000)	-
Phải trả dài hạn khác	337	30.000.000.000	418.803.033.600	448.803.033.600

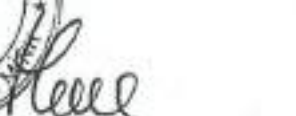


Đinh Mai Phương
Người lập biểu



Đỗ Đức Hùng
Kế toán trưởng





Nguyễn Duyên Hiếu
Tổng Giám đốc
Ngày 16 tháng 3 năm 2022



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2021